

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng.

Câu 1: Số đối của phân số $\frac{-7}{4}$ là :

A. $\frac{4}{7}$

B. $\frac{-4}{7}$

C. $\frac{7}{4}$

D. $\frac{-7}{4}$

Câu 2: Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số là :

A. $\frac{-3}{2,5}$

B. $\frac{3,12}{2,4}$

C. $\frac{2}{0}$

D. $\frac{2}{-3}$

Câu 3: Tìm số nguyên x, biết: $\frac{7}{3} = \frac{x}{3}$

A. $x = 7$

B. $x = 5$

C. $x = 15$

D. $x = 6$

Câu 4: Số đối của 3,15 là :

A. - 1,35

B. - 5,13

C. 3,15

D. - 3,15

Câu 5: Viết phân số $\frac{-2022}{10}$ dưới dạng số thập phân ta được:

A. - 20,22

B. - 22,02

C. 2,022

D. - 202,2

Câu 6: Viết số thập phân -0,15 dưới dạng phân số tối giản ta được:

A. $\frac{1}{5}$

B. $\frac{-1}{5}$

C. $-\frac{3}{20}$

D. $\frac{3}{20}$

Câu 7: Điểm M thuộc đường thẳng a thì được kí hiệu là :

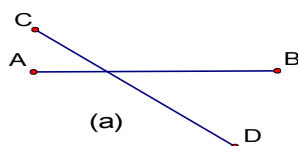
A. $M \in a$

B. $M \subset a$

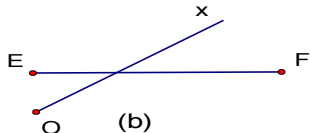
C. $M \notin a$

D. $M = a$

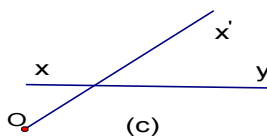
Câu 8: Trong hình vẽ hình nào là đoạn thẳng cắt tia ?



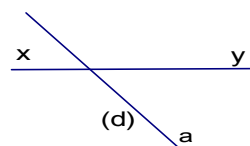
(a)



(b)



(c)



(d)

(H 1)

A. Hình a

B. Hình c

C. Hình d

D. Hình b

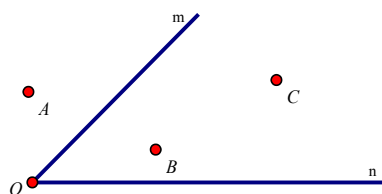
Câu 9: Các điểm nằm trong góc mOn trong hình bên là

A. Điểm A, B

B. Điểm A, B, C

C. Điểm B, C

D. Điểm A



(hình câu 9)

Câu 10: Tung một con xúc xắc có sáu mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của con xúc xắc?

A. 3

B. 6

C. 0

D. 1

Câu 11: Một hộp có 10 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 10. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ rút được và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 25 lần rút thẻ liên tiếp, nhận thấy có 4 lần lấy được thẻ đánh số 6. Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 là:

A. $\frac{2}{25}$

B. $\frac{4}{25}$

C. $\frac{1}{10}$

D. $\frac{6}{25}$

Câu 12: Khi tung đồng xu 1 lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt của đồng xu:

A. {N; SN; S}

B. {N; N}

C. {S; S}

D. {S; N}

Phần 2. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm) So sánh các số sau:

a) $\frac{-3}{7}$ và $\frac{-2}{5}$

b) 3,14 và 3,139

$\frac{1}{2} - \frac{3}{4} \cdot \frac{-8}{9}$

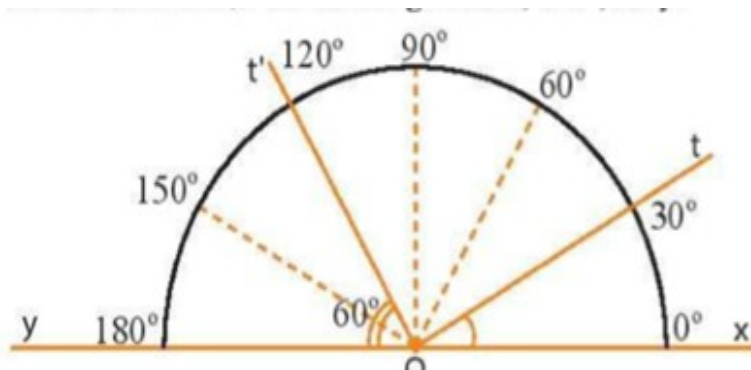
Câu 2: (1 điểm) Thực hiện phép tính:

Câu 3: (1 điểm)

a) Hãy vẽ các đoạn thẳng sau: AB = 6 cm; CD = 4,3 cm.

b) So sánh độ dài hai đoạn thẳng AB và CD

Câu 4: (1 điểm) Nhìn hình vẽ **đọc** số đo các góc xOt; tOt'; xOy.



Câu 5: (1 điểm) Theo số liệu của Bộ Công Thương, 6 tháng đầu năm 2020 Việt Nam xuất khẩu được khoảng $\frac{9}{2}$ triệu tấn gạo với tổng giá trị 251 triệu USD. So sánh thấy, khối lượng này bằng $\frac{983}{1000}$ khối lượng cùng kỳ năm 2019. Đồng thời tính giá trị theo USD bằng $\frac{1104}{1000}$ giá trị cùng kỳ năm 2019. Tìm phân số biểu thị số chênh lệch giữa khối lượng gạo xuất khẩu trong năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 và số chênh lệch giữa hai giá trị tính theo USD tương ứng.

Câu 6: (1 điểm) Gieo một con xúc sắc 6 mặt 85 lần ta được kết quả như sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	12	15	14	19	14	11

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt chẵn chấm.

----- Hết -----

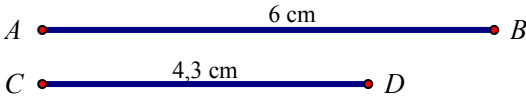
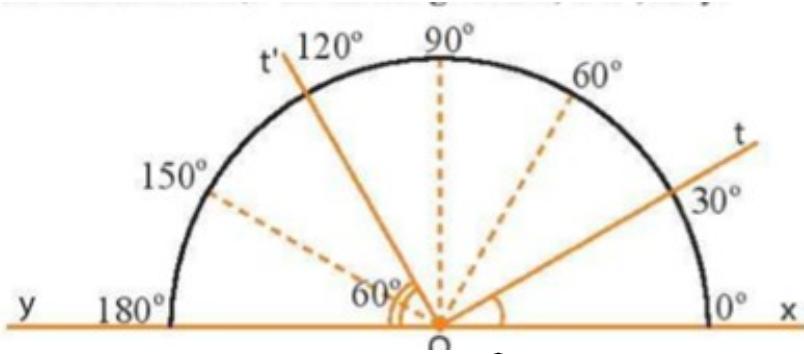
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII TOÁN – LỚP 6

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	A	D	D	C	A	D	C	B	B	D

Phần 2: Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1:	So sánh $\frac{-3}{7}$ và $\frac{-2}{5}$ Ta có: $\frac{-3}{7} = \frac{-15}{35}$ và $\frac{-2}{5} = \frac{-14}{35}$ Vì $\frac{-15}{35} < \frac{-14}{35}$ nên $\frac{-3}{7} < \frac{-2}{5}$	0,5 0,5
	b) $3,14 < 3,139$	1
Câu 2:	Thực hiện phép tính: $\frac{1}{2} - \frac{3}{4} \cdot \frac{-8}{9}$	0,25
	$\hat{=} \frac{1}{2} - \frac{-2}{3}$	0,25
	$\hat{=} \frac{1}{2} + \frac{2}{3}$ $\hat{=} \frac{7}{6}$	0,5
Câu 3	a) Vẽ các đoạn thẳng có độ dài: $AB = 6 \text{ cm}$; $CD = 4,3 \text{ cm}$.	0,5
	 b) $AB > CD$	0,5
Câu 4	Đọc số đo các góc xOt ; tOt' ; xOy .  $\widehat{xOt} = 30^\circ$ $\widehat{tOt'} = 90^\circ$ $\widehat{xOy} = 180^\circ$	0,25 0,5 0,25
Câu 5	Do $\frac{983}{1000}$ khối lượng gạo xuất khẩu trong năm 2019 là $\frac{9}{2}$ triệu tấn, nên quy về tìm một số biết $\frac{983}{1000}$ của nó là $\frac{9}{2}$. Tính được khối lượng gạo xuất khẩu trong năm 2019 là $\frac{4500}{983}$ triệu tấn.	0,25
		0,25

	Do giá trị 251 triệu USD bằng $\frac{1104}{1000}$ giá trị xuất khẩu trong năm 2019, nên quy về tìm một số biết $\frac{1104}{1000}$ bằng 251. Tính được giá trị xuất khẩu gạo trong năm 2019 là $\frac{31375}{138}$ triệu USD. Từ đó tính được phân số chỉ số chênh lệch giữa năm 2020 so với cùng kì năm 2019 là $\frac{-153}{1966}$ triệu tấn và $\frac{3263}{138}$ triệu USD. Nói cách khác, khối lượng giảm $\frac{153}{1966}$ triệu tấn, giá trị tăng $\frac{3263}{138}$ triệu USD.	0,25 0,25
Câu 6	Tổng mặt chắn : $15 + 19 + 11 = 45$ Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt chắn chẵn: $\frac{45}{85} = \frac{9}{17}$	0,5 0,5

-----Hết -----

ĐỀ 2	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
-------------	--

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm).

Chọn một chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1. Câu 1: Trong các phân số sau, số nào bằng phân số $\frac{-5}{3}$

A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{5}{3}$ C. $-1\frac{2}{3}$ D. $\frac{-3}{5}$

Câu 2. Số đối của phân số $\frac{-6}{7}$ là?

A. $\frac{6}{-7}$ B. $\frac{-6}{-7}$ C. $\frac{-7}{6}$ D. $\frac{7}{6}$

Câu 3. Phân số $\frac{31}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là

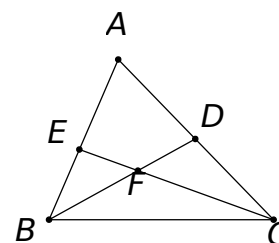
A) 3,1 B) 0,31 C) 0,031 D) 31

Câu 4: Cách so sánh nào sau đây đúng?

- A. $-3,1 < -2,9$ B. $-3,16 > -2,82$
C. $-4,5 < -4,8$ D. $2,51 < 2,49$

Câu 5. Cho hình vẽ bên. Bộ ba điểm nào sau đây **không** thẳng hàng?

- A. A, B, E B. E, F, D
C. B, F, D D. A, D, C



Câu 6. Cho hình vẽ: Có bao nhiêu tia trong hình vẽ đã cho



- A) 1 B) 2 C) 3 D) 4

Câu 7. Cho điểm K là trung điểm của đoạn thẳng MN . Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. $MK = \frac{MN}{2}$ B. $MN = \frac{NK}{2}$ C. $MK = KN$ D. $MN = 2.NK$

Câu 8: Cho điểm B nằm giữa hai điểm A và C. Biết $AB = 3\text{cm}$; $AC = 8\text{cm}$. Độ dài BC là:

- A) 5cm B) 11cm C) 4cm D) 8cm

Câu 9. Chọn câu sai:

- A) Góc vuông là góc có số đo bằng 90° .
 B) Góc có số đo lớn hơn 0° và nhỏ hơn 90° là góc nhọn.
 C) Góc tù là góc có số đo lớn hơn 90° và nhỏ hơn 180°
 D) Góc có số đo nhỏ hơn 180° là góc tù.

Câu 10. Tại thời điểm nào dưới đây kim giờ và kim phút đồng hồ tạo thành góc 90° ?

- A. 3 giờ B. 6 giờ C. 10 giờ D. 12 giờ

Câu 11. Cho dãy dữ liệu sau:

Các hành tinh trong hệ mặt trời: Sao Thủy, Sao Kim, Trái Đất, Sao Băng, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương.

Dữ liệu không hợp lí là:

- A. Sao Thủy B. Sao Băng C. Sao Mộc D. Sao Hải Vương

Cho bảng thống kê sau. Em hãy trả lời **câu 12** và **câu 13**

Hoạt động	Đọc sách	Chơi cờ vua	Nhảy dây	Đá cầu
Số bạn tham gia	11	2	8	12

Câu 12: Có bao nhiêu bạn tham gia các hoạt động trên?

- A. 30 B. 12 C. 32 D. 33

Câu 13: Hoạt động nào thu hút nhiều bạn tham gia nhất ?

- A. Đọc sách B. Chơi cờ vua C. Nhảy dây D. Đá cầu

Câu 14: Trong trò chơi tung đồng xu có 2 mặt. Đây là sự kiện có thể xảy ra khi tung đồng xu 2 lần?

- A. Toàn mặt sấp B. Toàn mặt ngửa C. Cả mặt sấp và ngửa D. Cả A, B và C

Câu 15: Xác suất thực nghiệm của sự kiện **mặt ngửa** xuất hiện khi tung 20 lần đồng xu và có 10 lần **mặt sấp** xuất hiện ?

- A. 60% B. 50% C. 70% D. 100%

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm).

Bài 1. (1 điểm) Thực hiện các phép tính sau:

a) $\frac{3}{10} - 1\frac{1}{4} + 0,75$ $\left(\frac{7}{2} \cdot \frac{5}{6}\right) + \left(\frac{7}{6} : \frac{2}{7}\right)$

b)

Bài 2. (1,0 điểm) Tìm X biết:

a. $x \cdot \frac{72}{115} = \frac{36}{35}$.

b. $\frac{3}{8} - \frac{1}{6}x = \frac{1}{4}$

Bài 3. (1,0 điểm).

Bà Lan gửi tiết kiệm 400 000 000 VNĐ trong 1 năm, với lãi suất 5% một năm (Tức là sau 1 năm bà Lan nhận được số tiền lãi bằng 5% số tiền bà Lan gửi). Tính số tiền cả gốc và lãi bà Lan nhận được sau 1 năm.

Bài 4 (1.5 điểm): Cho $\angle xOy = 60^\circ$. Lấy điểm A nằm trong $\angle xOy$. Kẻ tia OA.

a) (1,0 đ) Vẽ hình và liệt kê các góc tạo thành trong hình vẽ.

b) (0.5 đ) Trên cạnh Ox lấy 2 điểm C và D sao cho: OD = 6 cm và điểm C là trung điểm của của đoạn thẳng OD. Tính độ dài đoạn thẳng CD ?

Bài 5. (1,5 điểm).

Bạn Nam tung đồng xu có 2 mặt sấp (S) và ngửa (N) 40 lần. Bạn Nam ghi lại trong bảng sau:

N	S	S	N	N	S	N	S	N	S
S	N	N	S	N	S	S	N	S	N
N	S	N	N	S	N	S	N	N	N
N	S	N	S	N	N	N	N	S	N

a) Dữ liệu trên có phải là dữ liệu số không ? Có mấy sự kiện xảy ra trong dữ liệu ?

b) Lập bảng thống kê dữ liệu trên

c) Tính xác suất thực nghiệm của đồng xu xuất hiện mặt sấp ?

Bài 6. (1,0 điểm).

Một người bán cam lần thứ nhất người đó bán 50% số cam và 1 quả. Lần thứ hai người đó bán 50% số cam còn lại và thêm 1 quả. Lần thứ ba người đó bán 50% số cam còn lại và 1 quả. Cuối cùng còn lại 10 quả. Hỏi lúc đầu người đó có bao nhiêu quả cam.

----- Hết -----

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN TOÁN 6**

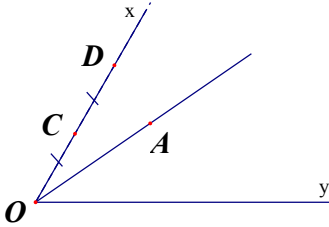
I. TRẮC NGHIỆM(3,0 đ)

Mỗi câu đúng được 0,2 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đ.án	C	B	B	A	B	D	B	A
Câu	9	10	11	12	13	14	15	
Đ.án	D	A	B	D	D	D	B	

II. TỰ LUẬN(7,0 đ)

BÀI	HƯỚNG DẪN	ĐIỂM
Bài 1 (1,0 đ)	a) $\frac{3}{10} - 1\frac{1}{4} + 0,75$ $= \frac{3}{10} - \frac{5}{4} + \frac{3}{4}$ $= \frac{3}{10} - \frac{1}{2}$ $= -\frac{1}{5}$	0,5
	b) $\left(\frac{7}{2} \cdot \frac{5}{6}\right) + \left(\frac{7}{6} : \frac{2}{7}\right)$ $= \left(\frac{7}{2} \cdot \frac{5}{6}\right) + \left(\frac{7}{6} \cdot \frac{7}{2}\right)$ $= \frac{7}{2} \cdot \left(\frac{5}{6} + \frac{7}{6}\right)$ $= \frac{7}{2} \cdot 2$ $= 7$	0,5
Bài 2 (1,0 đ)	$x \cdot \frac{72}{115} = \frac{36}{35}$ $x = \frac{36}{35} : \frac{72}{115}$	0,25
	a) $x = \frac{23}{14}$ Vậy $x = \frac{23}{14}$	0,25
	$\frac{3}{8} - \frac{1}{6}x = \frac{1}{4}$ $\frac{1}{6}x = \frac{3}{8} - \frac{1}{4}$ $\frac{1}{6}x = \frac{1}{8}$ $x = \frac{1}{8} : \frac{1}{6}$ $x = \frac{3}{4}$	0,25

	vậy $x = \frac{3}{4}$	0,25					
Bài 3 (1,0 đ)	a) Số tiền lãi bà Lan nhận được là: 20 000 000 VNĐ	0,5					
	b) Số tiền gốc và lãi bà Lan nhận được là: 420 000 000 VNĐ	0,5					
Bài 4 (1,5 đ)	a) Vẽ được hình :	0,5					
		0,5					
	Xác định được 3 góc tạo thành: $\angle xOA$; $\angle AOy$; $\angle xOy$	0,25					
	b) Vì C là trung điểm của đoạn thẳng OD $\Rightarrow CD = \frac{1}{2}OD$ Mà OD = 6 cm Nên: $CD = 3cm$	0,25					
Bài 5 (1,5 đ)	a)) Dữ liệu trên không phải dữ liệu số Có 2 sự kiện xảy ra	0,5					
	b) Bảng thống kê:	0,					
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mặt</th><th>Mặt sấp</th><th>Mặt ngửa</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số lần xảy ra</td><td>16</td><td>24</td></tr> </tbody> </table> <p>$\frac{16}{40} \cdot 100\% = 40\%$</p>	Mặt	Mặt sấp	Mặt ngửa	Số lần xảy ra	16	24
Mặt	Mặt sấp	Mặt ngửa					
Số lần xảy ra	16	24					
Bài 6 (1,0 đ)	c) Xác suất thực nghiệm của mặt sấp là: $\frac{16}{40}$	0,25					
	Sau lần bán thứ 2 còn lại số quả là: $(10 + 1) : 50\% = 22$ (quả)	0,25					
	Sau lần bán thứ nhất còn lại số quả là: $(22 + 1) : 50\% = 46$ (quả)	0,25					
	Lúc đầu người đó có số quả cam là: $(46 + 1) : 50\% = 94$ (quả) Vậy lúc đầu người đó có 94 quả cam	0,25					

ĐỀ 3

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4.0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng trong các phương án A, B, C, D .

Câu 1. Cách viết nào sau đây biểu diễn cho cách viết phân số?

- A. $\frac{-14}{13}$. B. $\frac{7,5}{4}$. C. $\frac{-15}{0,7}$. D. $\frac{-21}{0,4}$.

$$\frac{-7}{10}$$

Câu 2. Phân số nào sau đây bằng bằng phân số ?

- A. $\frac{14}{20}$. B. $\frac{-10}{7}$. C. $\frac{10}{7}$. D. $\frac{-14}{20}$.

$$\frac{-6}{7}$$

Câu 3. Số đối của phân số là số nào?

- A. $\frac{6}{7}$. B. $\frac{7}{6}$. C. $\frac{-7}{6}$. D. $\frac{7}{-6}$.

$$\frac{-11}{3} + \frac{-5}{3}$$

Câu 4. Cho $x = \frac{-11}{3} + \frac{-5}{3}$. Giá trị của x là số nào?

- A. $\frac{16}{3}$. B. -16. C. $\frac{-16}{3}$. D. $\frac{-16}{6}$.

$$\frac{-1}{6} : \frac{1}{3}$$

Câu 5. Số nào là kết quả của phép tính ?

- A. $\frac{-1}{18}$. B. $\frac{-1}{2}$. C. $\frac{1}{4}$. D. -18 .

$$\frac{70}{100}$$

Câu 6. Cơ thể người có khoảng là nước. Nam cân nặng 50 kg, em hãy cho biết khối lượng nước có trong cơ thể Nam?

- A. 35 kg. B. 350kg. C. 71 kg. D. 3500kg.

$$\frac{1}{6}$$

Câu 7. Biết của bình nước là 5 lít. Hỏi cả bình nước chứa được bao nhiêu lít nước?

- A. 25 lít. B. 30lít. C. 54 lít. D. 1,2 lít.

Câu 8. Dùng hỗn số nào sau đây để biểu thị thời gian của đồng hồ sau?



- A. $5\frac{5}{6}$ giờ. B. $5\frac{1}{6}$ giờ. C. $4\frac{5}{6}$ giờ. D. $4\frac{1}{6}$ giờ

Câu 9. Làm tròn số 627 đến hàng trăm ta được kết quả là số nào?

- A. 630. B. 600. C. 700. D. 628.

Câu 10. Làm tròn số 9,8462 đến hàng phần mười ta được kết quả là số nào?

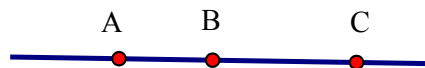
- A. 9,846. B. 10. C. 9,9. D. 9,8.

Câu 11. Hãy chọn cách viết kí hiệu tỉ số của 24 và 53?

- A. $24 + 53$. B. $24 \cdot 53$. C. $24 - 53$. D. $24 : 53$.

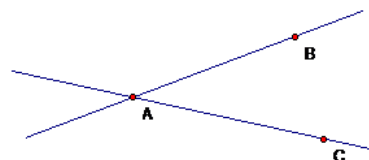
Câu 12. Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định sai trong các khẳng định sau đây?

- A. Ba điểm A, B, C thẳng hàng.
B. Điểm C nằm giữa 2 điểm A và B.
C. Ba điểm A, B, C cùng thuộc một đường thẳng .
D. Điểm B nằm giữa 2 điểm A và C.



Câu 13. Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

- A. Hai đường thẳng AB và AC song song với nhau.
B. Hai đường thẳng AB và AC có ba điểm chung
C. Hai đường thẳng AB và AC cắt nhau.
D. Hai đường thẳng AB và AC có hai điểm chung.



Câu 14. Góc có 2 cạnh MP và MQ là góc nào?

- A. Góc PMQ. B. Góc MPQ. C. Góc PQM. D. Góc MQP.

Câu 15. Lúc 9 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc có số đo là bao nhiêu?



- A. 30^0 B. 60^0 . C. 90^0 . D. 180^0 .

Câu 16. Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu?

- A. 30^0 . B. 120^0 . C. 90^0 . D. 180^0 .

II. PHẦN TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính.

$$A = \frac{1}{15} + \frac{7}{15} - \frac{2}{15}$$

$$B = \frac{5}{11} \cdot \frac{4}{13} + \frac{6}{11} : \frac{13}{4}$$

Bài 2. (1,0 điểm) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần:

-2,9; 0,7; 1; -1,75; -2,99; 22,1.

Bài 3. (2,0 điểm) Cho đoạn thẳng AB dài 6cm. Gọi C là trung điểm của AB, O là trung điểm của AC. Tính độ dài các đoạn thẳng AC, CB và AO

Bài 4. (1,0 điểm) Gieo một con xúc xắc 6 mặt 100 lần ta được kết quả như sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	17	18	15	14	16	20

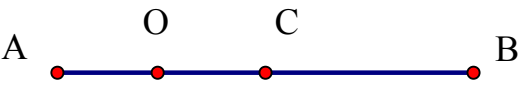
Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số lẻ chấm trong 100 lần gieo trên
.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II MÔN TOÁN 6
Năm học:

A. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	D	A	C	B	A	B	C	B	D	D	B	C	A	C	D

B. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Bài	Nội dung yêu cầu	Điểm
1 (2,0đ)	$A = \frac{1}{15} + \frac{7}{15} - \frac{2}{15}$	0,5 điểm
	$A = \frac{8}{15} - \frac{2}{15}$	0,5 điểm
	$A = \frac{6}{15} = \frac{2}{5}$	
	$B = \frac{5}{11} \cdot \frac{4}{13} + \frac{6}{11} \cdot \frac{13}{4}$	0,5 điểm
	$B = \frac{5}{11} \cdot \frac{4}{13} + \frac{6}{11} \cdot \frac{4}{13}$	0,25điểm
	$B = \frac{4}{13} \cdot \left(\frac{5}{11} + \frac{6}{11} \right)$	0,25điểm
	$B = \frac{4}{13} \cdot 1 = \frac{4}{13}$	0,25điểm
2 (1,0đ)	Sắp xếp các số theo thứ tự tăng dần: -2,99 < -2,9 < -1,75 < 0,7 < 1 < 22,1. (Hs sắp xếp đúng liên tiếp 3 số được 0,5 đ)	1.0 điểm
3 (2,0đ)		0,5 điểm
	Do C là trung điểm của đoạn thẳng AB $AC = CB = \frac{AB}{2} = \frac{6}{2} = 3 (cm)$	1,0 điểm
	Nên ta có: Do O là trung điểm của đoạn thẳng AC $AO = \frac{AC}{2} = \frac{3}{2} = 1,5 (cm)$	0,5 điểm
4 (1,0đ)	Các mặt có số chẵn chấm của con xúc xắc là mặt 1, 3, 5. Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chẵn chấm trong 100 lần là: $\frac{17+15+16}{100} = \frac{48}{100} = 0,48$	0.5 điểm
		0,5 điểm

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm)

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. (NB) Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số ?

- A. $\frac{1,1}{5}$. B. $\frac{4,8}{1,5}$. C. $\frac{7}{0}$. D. $\frac{-4}{13}$.

Câu 2. (TH) Tổng $3 + \frac{1}{2}$ cho ta được hỗn số nào:

- A. $1\frac{1}{2}$. B. $5\frac{1}{2}$. C. $3\frac{1}{2}$. D. $4\frac{1}{2}$.

Câu 3. (TH) $\frac{3}{4}$ bằng

- A. 0,75. B. 0,60. C. 0,7. D. 0,45.

Câu 4. (TH) Số 13,695 khi được làm tròn đến hàng phần trăm có kết quả là:

- A. 13,69 B. 13,6 C. 13,70 D. 14

Câu 5. (NB) Hãy liệt kê các kết quả có thể xảy ra của hoạt động tung 2 đồng xu cùng một lúc.

- A. $X = \{S,N,SS\}$. B. $X = \{S,N\}$. C. $X = \{SS,NN,SN\}$. D. $X = \{SN\}$.

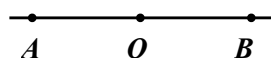
Câu 6. (TH) Trong hộp có 1 bóng xanh và 3 bóng đỏ có kích thước giống nhau. Bạn An lấy ra đồng thời 2 bóng từ hộp. Trong các sự kiện sau, sự kiện nào chắc chắn xảy ra

- A. An lấy ít nhất 1 bóng xanh. B. An lấy 2 bóng xanh.
C. An lấy 2 bóng đỏ. D. An lấy ít nhất 1 bóng đỏ.

Câu 7. (NB) Số đối của số $\frac{-2}{3}$ là

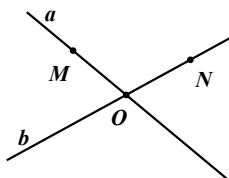
- A. $\frac{-3}{2}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $\frac{2}{3}$ D. $\frac{2}{-3}$.

Câu 8. (NB) Trong hình vẽ. Chọn khẳng định đúng



- A. Hai tia OA và OB đối nhau. B. Hai tia AO và OB đối nhau.
C. Hai tia OA và BO đối nhau. D. Hai tia BA và OB đối nhau.

Câu 9. (NB) Trong hình vẽ. Câu nào dưới đây sai?



- A. Điểm $M \in a$ và $M \notin b$
 B. Điểm $N \in b$ và $N \notin a$
 C. Điểm $O \in a$ và $O \in b$
 D. Điểm $O \in a$ và $O \notin b$

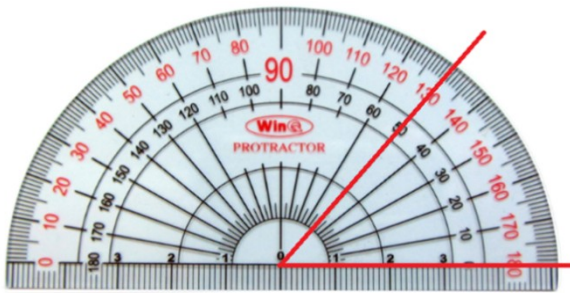
Câu 10. (NB) Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 0

Câu 11. (NB) Trong ba điểm thẳng hàng, có bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm còn lại

- A. Có vô số điểm. B. Có nhiều hơn hai điểm. C. Có duy nhất một điểm. D. Có không quá hai điểm.

Câu 12. (NB) Góc trên hình có số đo bao nhiêu độ



- A. 50° B. 40° C. 60° D. 130°

II. TỰ LUẬN : (7,0 điểm)

Câu 1. (TH) (1,0 điểm) So sánh

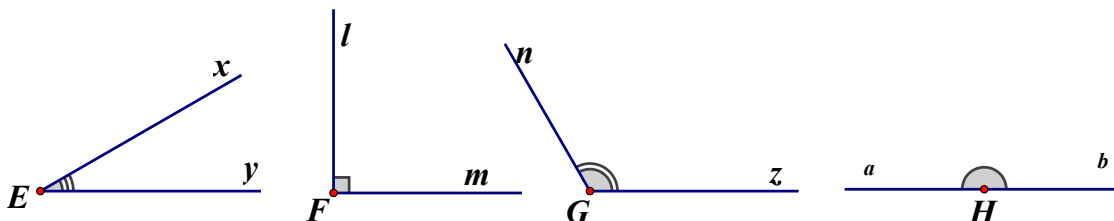
- a) $\frac{5}{9}$ với $\frac{7}{4}$
 b) -0,456 với -0,459

Câu 2. (NB) (1,0 điểm). Cho hình vẽ



- a) Trong 3 điểm A, N, B, điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại ?
 b) Điểm nào là trung điểm của đoạn AB?

Câu 3. (NB) (1,0 điểm) Cho các hình vẽ:



Trong các góc ở hình vẽ trên, góc nào là góc nhọn, góc tù, góc vuông, góc bẹt?

Câu 4. (VD) (1,5 điểm) Khối 6 trường THCS có tổng cộng 360 học sinh. Trong dịp tổng kết cuối năm, thống kê được số học sinh được đánh giá học tập Tốt là 20% số HS cả khối, số học sinh học tập khá 40% cả khối, số học sinh học tập Đạt là 108 em, còn lại là học sinh có học tập Chưa đạt.

a) Tìm số học sinh mỗi loại.

b) Tính tỉ số % của học sinh có học tập Chưa đạt so với học sinh cả khối.

Câu 5. (VD- VDC) (1,5 điểm). Tính nhanh

a) $\frac{31}{17} + \frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} - \frac{14}{17}$

b) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{5}{7}$

c) $S = \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \frac{2}{7.9} + \dots + \frac{2}{97.99}$

Câu 6. (TH-VD) (1,0 điểm). Gieo 1 con xúc xắc 6 mặt 50 lần ta được kết quả ở bảng sau?

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	6	10	7	8	8	11

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện.

a) Gieo được mặt 2 chấm.

b) Gieo được mặt có số chấm là số lẻ.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	C	A	C	C	D	C	A	D	A	C	A

II. TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
1	a $\frac{5}{9} < 1, \frac{7}{4} > 1$ vậy $\frac{5}{9} < \frac{7}{4}$	0,5
	b $-0,456 > -0,459$	0,5
2	a Điểm N nằm giữa 2 điểm A, B.	0,5
	b Điểm M là trung điểm của đoạn AB.	0,5
3	Góc nhọn: góc xEy	0,25
	Góc tù: Góc góc nGz	0,25
	Góc vuông: góc lFm	0,25

		Góc bẹt: góc aHb	0,25
4	a	Số học sinh được đánh giá học tập Tốt là $360.20\% = 72$ (HS) Số học sinh được đánh giá học tập Khá là $360.40\% = 144$ (HS) Số học sinh có học tập Chưa đạt là $360 - (72+144+108) = 36$ (HS)	0,5 0,25 0,25
	b	Tỉ số % của học sinh có học tập Chưa đạt so với học sinh cả khối là $\frac{36.100}{360}\% = 10\%$	0,5
5		a) $\frac{31}{17} + \frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} - \frac{14}{17} = \left(\frac{31}{17} - \frac{14}{17}\right) + \left(\frac{-5}{13} + \frac{-8}{13}\right)$ $= 1 + (-1) = 0$	0,25 0,25
		b) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{5}{7} = \frac{-5}{7} \cdot \left(\frac{2}{11} + \frac{9}{11}\right) + \frac{5}{7}$ $= \frac{-5}{7} \cdot 1 + \frac{5}{7} = 0$	0,25 0,25
		c) $S = \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \frac{2}{7.9} + \dots + \frac{2}{97.99}$	0,25
		$= \frac{1}{3} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{7} + \dots + \frac{1}{97} - \frac{1}{99}$ $= \frac{1}{3} - \frac{1}{99} = \frac{32}{99}$	0,25
6	a	Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt 2 chấm trong 50 lần gieo là: $\frac{10}{50} = 0,2$	0,5
	b	Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chấm là số lẻ trong 50 lần gieo là: $\frac{6+7+8}{50} = \frac{21}{50} = 0,42$	0,5

Lưu ý: HS làm theo cách khác vẫn cho trọn điểm

ĐỀ 4	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
-------------	---

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3.0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng trong các phương án A, B, C, D .

Câu 1 . (TN1- NB) Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

A. $\frac{0,2}{5}$

B. $\frac{3}{0}$

C. $\frac{13}{5}$

D. $\frac{1,7}{0,14}$

Câu 2. (TN2- NB) Số đối của phân số $\frac{-6}{11}$ là phân số nào sau đây?

A. $\frac{-11}{6}$

B. $\frac{11}{6}$

C. $\frac{6}{11}$

D. $\frac{11}{-6}$

Câu 3. (TN3- NB) Tìm tất cả các hình có trục đối xứng trong các hình sau.



a)

b)

c)

d)

e)

g)

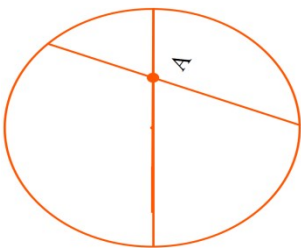
A. a,b,c.

B. a,c,d,e.

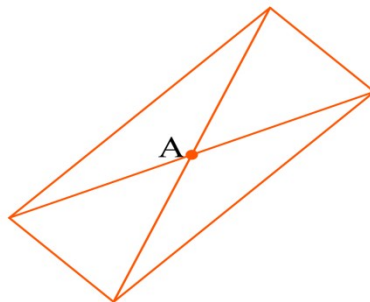
C. b,c,d, g

D. a,b,d,e

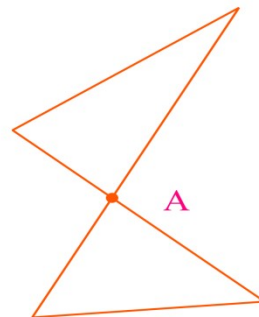
Câu 4. (TN4- NB) Hình nào nhận điểm A là tâm đối xứng ?



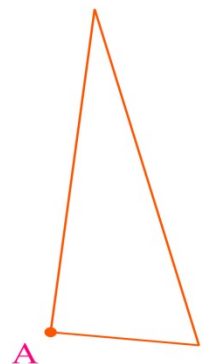
a)



b)



c)



d)

A. a.

B. a.

C. d.

D. b.

Câu 5. (TN5- NB) Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là sai ?

A. Chữ H là hình vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng.

B. Chữ A là hình có trục đối xứng và không có tâm đối xứng.

C. Chữ O là hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.

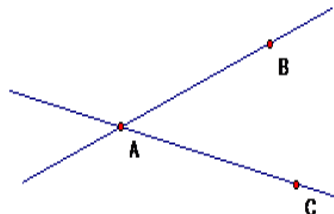
D. Chữ I là hình vừa có trục đối xứng và có tâm đối xứng.

Câu 6. (TN6- NB) Điểm A không thuộc đường thẳng d được kí hiệu ?

- A. $d \in A$ B. $A \in d$ C. $A \notin d$ D. $d \notin A$

Câu 7. (TN7- NB) Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

- A. Hai đường thẳng AB và AC song song với nhau.
 B. Hai đường thẳng AB và AC cắt nhau.
 C. Hai đường thẳng AB và AC trùng nhau.
 D. Hai đường thẳng AB và AC có hai điểm chung.



Câu 8. (TN8- NB) Cho hình vẽ , tia nào trùng với tia Ay?



- A. Tia Ax B. Tia AO, AB C. Tia OB, By D. Tia BA

Câu 9. (TN9- NB) Điểm M gọi là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

- A. M cách đều hai điểm A và B
 B. M nằm giữa hai điểm A và B
 C. M nằm giữa hai điểm A; B và M nằm cách đều hai điểm A và B

D. $MA = \frac{1}{2}AB$

Câu 10. (TN10- NB) Lúc 9 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc gì?



- A. góc nhọn. B. góc vuông. C. góc tù. D. góc bẹt.

Câu 11. (TN11- NB) Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu?

- A. 30° . B. 120° . C. 90° . D. 180° .

Câu 12. (TN1- VDT) Giá trị của biểu thức $\left(\frac{-1}{4} + \frac{5}{8}\right) + \frac{-3}{8}$ là:

- A. $\frac{-1}{4}$ B. $\frac{-1}{8}$ C. 0. D. 1.

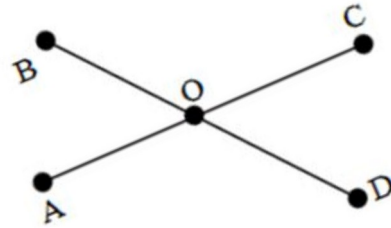
B. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1.(0,75)

a)(TL1-NB) Vẽ trục đối xứng của hình sau



b)(TL2-NB)kể tên tất cả bộ 3 điểm thẳng hàng có trong hình vẽ.



c) (TL3-NB) Vẽ góc vuông xAy.

Câu 2 .(1,25 đ) So sánh các số sau.

a) (TL4-TH) a) 0,5 và $\frac{4}{7}$

b) $\frac{-5}{21}$ và $\frac{-3}{7}$

c) (TL5-TH) -5,345 và -5,325

Câu 3.(2,5 đ) (TL7,8-VD)

1.Tính hợp lí

a) $\frac{-5}{8} + \frac{3}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{4}{7}$

b) $-(8,38 - 2,14): 2,4$

c) $[(-37,48) + (-26,2)]: 3,2$.

1,25. 0,2. 8

2. Lớp 6A có 35 học sinh, trong đó học sinh giỏi chiếm $\frac{2}{5}$ tổng số học sinh của lớp.

Tính số học sinh giỏi của lớp 6A ?.Tìm tỉ số phần trăm của học sinh Giỏi so với học sinh cả lớp

Câu 4. (1,5 đ) (TL6 TH (a)- TL9 –VD(b))

Dùng gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	30	10	15	20	10	15

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

a) Số chấm xuất hiện là 2

b) Số chấm xuất hiện là số chẵn.

Câu 5. (TL10-VDC)

Giá điện tháng 9 thấp hơn giá điện tháng 8 là 10%, giá điện tháng 10 cao hơn giá điện tháng 9 là 10%. Hỏi giá điện tháng 10 so với tháng 8 cao hơn hay thấp hơn bao nhiêu phần trăm?

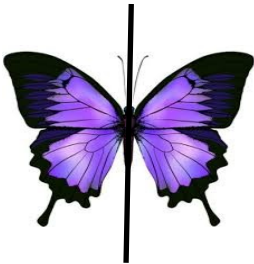
ĐÁP ÁN

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	B	D	B	C	B	B	C	B	D	C

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

CÂU	ĐÁP ÁN	
CÂU 1 0,75đ	<p>a)(TL1-NB) Vẽ trục đối xứng của hình sau</p>  <p>b)(TL2-NB)tên tất cả bộ 3 điểm thẳng hàng có trong hình vẽ: (BOD), (AOC)</p> <p>c) (TL3-NB) Vẽ góc đúng vuông xAy.</p>	
CÂU 2 1,25đ	<p>a) (TL4-TH) a) $0,5 < \frac{4}{7}$</p> <p>b) b) $\frac{-5}{21} > \frac{-3}{7}$</p> <p>c) c) (TL5-TH) $-5,345 < -5,325$</p>	
CÂU 3 2,5đ	<p>Câu 3.(2,5 đ) (TL7,8-VD)</p> <p>1.Tính hợp lí</p> <p>a) $\frac{-5}{8} + \frac{3}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{4}{7} = -1 + 1 = 0$</p> <p>b) $-(8,38 - 2,14): 2,4 = -6,24: 2,4 = -2,6$</p> <p>c) $[(-37,48) + (-26,2)]: 3,2. 1,25. 0,2. 8 = -63,68: 3,2. 1,0,2 = -3,98$</p>	

	$\frac{2}{5}$ 2. Lớp 6A có 35 học sinh, trong đó học sinh giỏi chiếm $\frac{2}{5}$ tổng số học sinh của lớp. Tính số học sinh giỏi của lớp 6A ?. Tìm tỉ số phần trăm của học sinh Giỏi so với học sinh cả lớp <u>Giải:</u> Số học sinh giỏi: 14(hs) Phần trăm học sinh giỏi so với cả lớp: 40%	
CÂU 4 1,5đ	a) Xác suất số chẵn xuất hiện là 2:10% b) Xác suất số chẵn xuất hiện là số chẵn:45%	
CÂU 5 1đ	Câu 5. (TL10-VDC) Giá điện tháng 9 thấp hơn giá điện tháng 8 là 10%, giá điện tháng 10 cao hơn giá điện tháng 9 là 10%. Hỏi giá điện tháng 10 so với tháng 8 cao hơn hay thấp hơn bao nhiêu phần trăm? Giá điện tháng 9 bằng $100\% - 10\% = 90\%$ giá điện tháng 8 Giá điện tháng 10 bằng $100\% + 10\% = 110\%$ giá điện tháng 9 Do đó giá điện tháng 10 bằng $110\% \cdot 90\% = 99\%$ giá điện tháng 8 Vậy giá điện tháng 10 thấp hơn giá điện tháng 8 là 1%	

ĐỀ 5**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II****MÔN: TOÁN 6***Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)***PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)****Câu 1:** Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{-2}{5}$?

A. $\frac{4}{-10}$.

B. $\frac{-6}{-15}$.

C. $-\frac{12}{30}$.

D. $\frac{2}{5}$.

Câu 2: Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $-23,456 > -23,564$.

B. $-11,23 < -11,32$.

C. $5,64 > 5,641$.

D. $-100,99 > -100,98$.

Câu 3: Làm tròn số thập phân 81,24135 đến hàng phần trăm ta được số:

A. 81.

B. 81,25.

C. 81,24.

D. 81,241.

Câu 4: Kết quả của phép tính $(-5,6 + 55,6) : (1,2 - 0,8)$ là:

A. -125

B. -152

C. 125

D. 152

Câu 5: Cho tia Mx lấy điểm A điểm B thuộc tia Mx sao cho $MA = 3\text{cm}$, $MB = 5\text{cm}$. Kết luận nào sau đây đúng:

- A. Điểm M nằm giữa điểm A và điểm B
- B. Điểm B nằm giữa điểm A và điểm M
- C. Điểm A nằm giữa điểm M và điểm B
- D. Trong ba điểm A, M, B không có điểm nào nằm giữa.

Câu 6: Cho hai điểm A và B thuộc tia Ot và $OA = 4\text{cm}$, $OB = 8\text{cm}$ thì:

- A. A là trung điểm của đoạn thẳng OB
- B. O là trung điểm của đoạn thẳng AB
- C. B là trung điểm của đoạn thẳng OA
- D. Không có đoạn thẳng nào có trung điểm

Câu 7: Góc bẹt là góc có hai cạnh là hai tia...

- A. chung gốc
- B. phân biệt
- C. đối nhau
- D. trùng nhau

Câu 8: Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong bốn quý năm 2021 được kết quả như sau:

Quý 1	  
Quý 2	   
Quý 3	 
Quý 4	  
 : 10 chiếc xe,  5 chiếc xe	

Tổng số xe bán được trong 4 quý là:

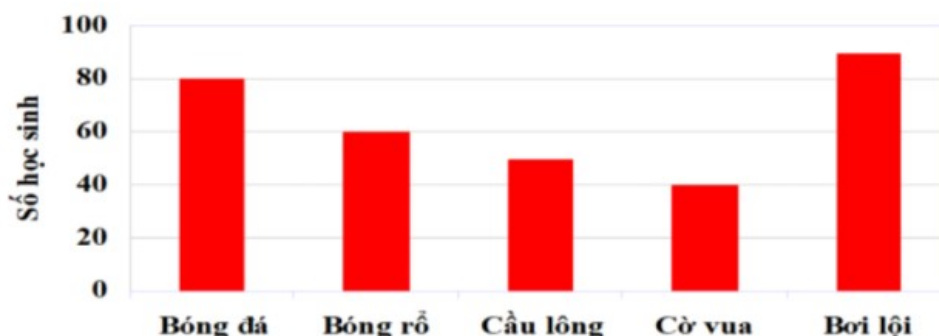
- A. 11 chiếc
- B. 115 chiếc
- C. 110 chiếc
- D. 12 chiếc

Câu 9: Số xe bán được nhiều nhất trong một quý là

- A. 20
- B. 30
- C. 40
- D. 50

Sử dụng dữ liệu sau đây để làm câu 10,11

Môn thể thao yêu thích



Biểu đồ sau đây cho biết môn thể thao yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6 một trường THCS.

Câu 10: Môn thể thao được yêu thích nhất là:

- A. Bóng đá.
- B. Bóng rổ
- C. Cầu lông.
- D. Bơi lội.

Câu 11: Số HS thích bóng đá nhiều hơn số HS thích bóng rổ là:

A. 80.

B. 20.

C. 60.

D. 10.

Câu 12: Tung đồng xu 32 lần liên tiếp, có 18 lần xuất hiện mặt sấp (S) thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt sấp là:

A. $\frac{18}{32}$.

B. $\frac{7}{16}$.

C. $\frac{12}{32}$.

D. $\frac{3}{8}$.

Phần 2: Tự luận (7 điểm)

Câu 1:(0,5 điểm) Tìm phân số đối của phân số $\frac{2}{3}$

Câu 2: (0,5 điểm) So sánh $\frac{3}{7}$ và $-\frac{1}{2}$

Câu 3: (0,5 điểm) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ : -8,125; 0,12; -8,9

Câu 4: (0,5 điểm) Em hãy kể tên các điểm nằm MNP

Câu 5: (0,5 điểm) Thực hiện phép tính một cách

$$\frac{7}{30} + \frac{-12}{37} + \frac{23}{30} + \frac{-25}{37}$$

Câu 6: (1,0 điểm) Tìm x, biết

a. $x + 8,5 = 21,7$

b. $\frac{3}{5}x - \frac{1}{3} = \frac{4}{3}$

Câu 7: (2,0 điểm). Sau đợt kiểm tra sức khỏe răng miệng của các em trong một lớp 6. Thống kê số lần đánh răng trong một ngày của các em được ghi lại ở bảng sau:

Số lần đánh răng	1	2	3
Số học sinh	8	21	11

a. Tính tổng số học sinh tham gia đánh răng.

b. Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện học sinh thực hiện đánh răng từ hai lần trở lên.

Câu 8 (0,5 điểm). An cùng bạn liệt kê một số loài thực vật để làm bài tập môn Khoa học tự nhiên, được dãy dữ liệu như sau:

Dương xỉ, thông, dừa, rêu, đậu, bưởi, vi khuẩn.

a. Dữ liệu trên có phải số liệu không?

b. Em hãy chỉ ra dữ liệu không hợp lý (nếu có) trong dãy dữ liệu trên.

Câu 9 (1,0 điểm). Thực hiện phép tính:

$$B = \frac{1}{4.9} + \frac{1}{9.14} + \frac{1}{14.19} + + \frac{1}{64.69}$$



bé đến lớn : 0
trong góc
hợp lí

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Phân số bằng phân số $\frac{-2}{5}$ là

A. $\frac{6}{15}$.

B. $\frac{-4}{-10}$.

C. $\frac{-6}{15}$.

D. $\frac{4}{10}$.

Câu 2. So sánh $a = \frac{-5}{7}$ và $b = \frac{-8}{7}$

A. $a < b$

B. $a \geq b$.

C. $a = b$.

D. $a > b$.

Câu 3: Giá trị của x trong phép toán $9,3 - x = 4,1$, là :

A. 5,2.

B. 5,59.

C. 5,31.

D. 13,59.

Câu 4: Số đường thẳng đi qua hai điểm A, B cho trước là:

A. 2.

B. vô số.

C. 1.

D. 3.

Câu 5: Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Nếu điểm I nằm giữa hai điểm A và B thì điểm I là trung điểm của đoạn thẳng AB

B. Nếu $IA = IB$ thì điểm I là trung điểm của đoạn thẳng AB .

C. Nếu $IA = IB = 2AB$ thì điểm I là trung điểm của đoạn AB .

D. Nếu $IA = IB = \frac{AB}{2}$ thì điểm I là trung điểm của đoạn AB .

Câu 6: Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào **không** phải là số liệu?

A. Diện tích của các tỉnh, thành phố trong cả nước (đơn vị tính là km^2).

B. Số học sinh nam của các tổ trong lớp 6A.

C. Tên các loài động vật sống tại vườn quốc gia Cúc Phương.

D. Năm sinh của các thành viên trong gia đình em.

Câu 7: Trong các số sau, số nào là số thập phân âm ?

A. 2,017.

B. -3,16.

C. 0,23.

D. 162,3.

Câu 8: Trong các số sau, số nhỏ hơn $-12,304$ là

A. -12,403.

B. -12,034.

C. -12,043.

D. -12,04.

Câu 9: Bạn Anh đã liệt kê năm sinh của một số thành viên trong gia đình để làm bài tập môn Toán 6, được dãy dữ liệu như sau:

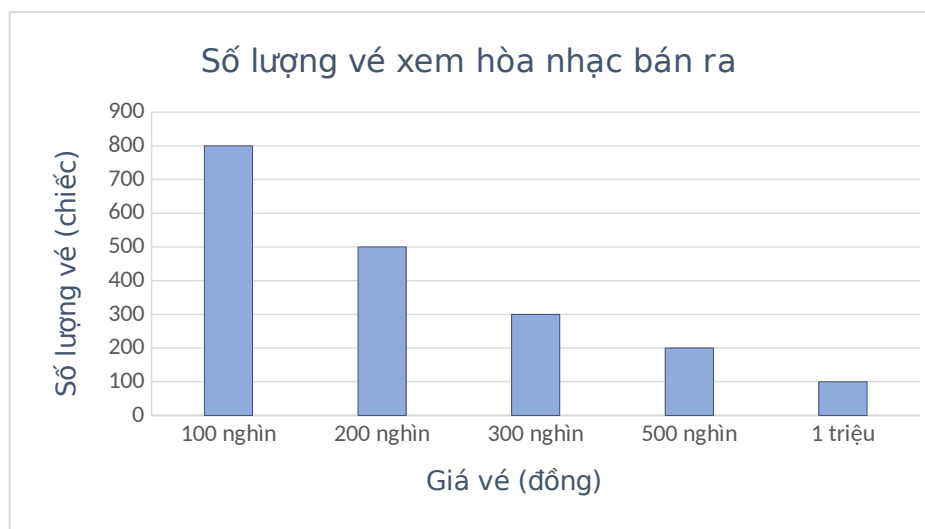
1971	2021	1999	2050
------	------	------	------

Giá trị không hợp lý trong dãy dữ liệu về năm sinh của các thành viên trong gia đình An là:

- A. ^{2050} . B. ^{1999} . C. ^{2021} . D. ^{1971} .

Câu 10: Quan sát biểu đồ sau và cho biết: Có bao nhiêu vé mệnh giá 300 nghìn đồng được bán ra?

- A. ^{300} . B. ^{200} . C. ^{400} . D. ^{500} .

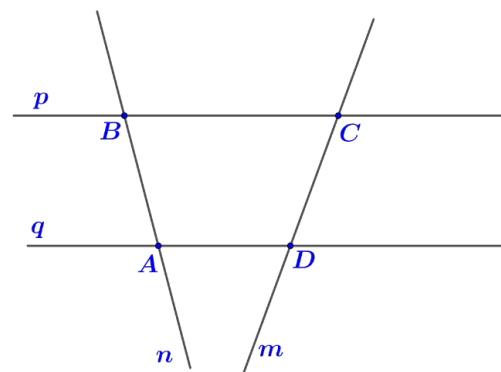


Câu 11. Khẳng định đúng là

- A. Góc có số đo 89^0 là góc vuông.
 B. Góc có số đo 90^0 là góc tù.
 C. Góc có số đo 100^0 là góc nhọn.
 D. Góc có số đo 140^0 là góc tù

Câu 12: Cho hình vẽ bên. Khẳng định nào sau đây đúng

- A. n và q song song với nhau.
 B. m và n không có điểm chung.
 C. Ba điểm A, B, C không thẳng hàng.
 D. m và p cắt nhau tại D.



II. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 13 (0,5 điểm) Tìm phân số nghịch đảo của các phân số sau: $\frac{2}{13}; \frac{1}{-15}$.

Câu 14 (1,5 điểm): Thực hiện phép tính.

$$A = \frac{1}{15} + \frac{7}{15} - \frac{2}{15}$$

$$B = \frac{3}{7} \cdot \frac{2}{9} + \frac{4}{7} : \frac{9}{2}$$

$$C = \frac{2^2}{1.3} \cdot \frac{3^2}{2.4} \cdot \frac{4^2}{3.5} \cdot \frac{5^2}{4.6}$$

Câu 15 (1 điểm): Tìm x, biết

a) $\frac{4}{7} \cdot x - \frac{2}{3} = \frac{1}{5}$

b) $x - 5,01 = 4,02$

Câu 16 (1 điểm): Lớp 6A có 45 học sinh. Sau khi sơ kết học kì I thì số học sinh giỏi chiếm $\frac{2}{9}$ số học sinh cả lớp, số học sinh khá chiếm $\frac{4}{15}$ số học sinh cả lớp, số học sinh trung bình chiếm 40 % số học sinh cả lớp, số học sinh còn lại là học sinh yếu. Tính số học sinh giỏi, khá, trung bình, yếu của lớp 6A.

Câu 17 (1 điểm):

a) Sắp xếp các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn $\frac{3}{4}; \frac{-2}{4}; \frac{1}{2}; \frac{-3}{4}; \frac{7}{4}$.

b) Làm tròn các số sau đến hàng phần trăm: 12,057; 40,1534.

Câu 18 (1 điểm)

a) Cho dãy số liệu về cân nặng (theo đơn vị kilôgam) của 15 học sinh lớp 6 như sau:

40 41 39 45 43 40 41 42 40 39 41 42 45 41 42

Hãy lập bảng thống kê biểu diễn cân nặng của 15 học sinh lớp 6 trên. Dựa vào bảng hãy cho biết có bao nhiêu bạn nặng 45 kilôgam?

b) An gieo một con xúc xắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	20	15	22	18	15	10

Tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau: Số chấm xuất hiện bằng 2;

Câu 19 (1 điểm) : Cho điểm A nằm giữa hai điểm O và B sao cho OA = 4cm và OB= 8cm

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB ?

b) Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II

Hướng dẫn chấm gồm: 02 trang

Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm).

Mỗi đáp án chọn đúng cho 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	A	C	D	C	B	A	A	A	D	C

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
13	Các phân số nghịch đảo là: $\frac{13}{2}; -15$.	0,5
14	$A = \frac{1}{15} + \frac{7}{15} - \frac{2}{15}$ $A = \frac{8}{15} - \frac{2}{15}$ $A = \frac{6}{15} = \frac{2}{5}$	0,25 0,25
	$B = \frac{3}{7} \cdot \frac{2}{9} + \frac{4}{7} \cdot \frac{9}{2}$ $B = \frac{3}{7} \cdot \frac{2}{9} + \frac{4}{7} \cdot \frac{2}{9}$ $B = \frac{2}{9} \cdot \left(\frac{3}{7} + \frac{4}{7} \right)$ $B = \frac{2}{9} \cdot 1 = \frac{2}{9}$	0,25 0,25
	$C = \frac{2 \cdot 2 \cdot 3 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 4 \cdot 5 \cdot 5}{1 \cdot 2 \cdot 3 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 4 \cdot 5 \cdot 6} = \frac{2}{6} = \frac{1}{3}$	0,5
15	<p>a</p> $\frac{4}{7} \cdot x - \frac{2}{3} = \frac{1}{5}$ $\frac{4}{7} \cdot x = \frac{1}{5} + \frac{2}{3}$ $\frac{4}{7} \cdot x = \frac{13}{15}$ $x = \frac{91}{60}$	0,5
	<p>b</p> $x - 5,01 = 4,02$ $x = 4,02 + 5,01$ $x = 9,03$	0,5

16	Số học sinh giỏi của lớp 6A là: $45 \cdot \frac{2}{9} = 10$ (HS)	0,25														
	Số học sinh khá của lớp 6A là: $45 \cdot \frac{4}{15} = 12$ (HS)	0,25														
	Số học sinh trung bình của lớp 6A là: $45 \cdot 40\% = 18$ (HS)	0,25														
	Số học sinh yếu của lớp 6A là: $45 - (10 + 12 + 18) = 5$ (HS)	0,25														
17	a) $\frac{3}{4}; \frac{-2}{4}; \frac{1}{2}; \frac{-3}{4}; \frac{7}{4}$ Vì $\frac{1}{2} = \frac{2}{4}$ và : $\frac{-3}{4} < \frac{-2}{4} < \frac{2}{4} < \frac{3}{4} < \frac{7}{4}$ Sắp xếp các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn là: $\frac{-3}{4}, \frac{-2}{4}, \frac{1}{2}, \frac{3}{4}, \frac{7}{4}$	0,5														
	b) $12,057 \approx 12,06; 40,1534 \approx 40,15$.	0,5														
18	Bảng thống kê: <table><tr><td>Cân nặng</td><td>39</td><td>40</td><td>41</td><td>42</td><td>43</td><td>45</td></tr><tr><td>Số học sinh</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>3</td><td>1</td><td>2</td></tr></table> Có 2 bạn nặng 45 kilôgam.	Cân nặng	39	40	41	42	43	45	Số học sinh	2	3	4	3	1	2	0,5
	Cân nặng	39	40	41	42	43	45									
Số học sinh	2	3	4	3	1	2										
b Xác suất thực nghiệm của sự kiện số chấm xuất hiện bằng 2 là: $\frac{15}{100} = 0,15$.	0,5															
19	Ta có hình vẽ sau: 	0,5														
	a) Vì điểm A nằm giữa hai điểm O và B . Nên $OA + AB = OB$ hay $4 + AB = 8$ $AB = 8 - 4 = 4$ (cm)															
	b) Vì $OA = AB = 4$ cm mà điểm A nằm giữa hai điểm O và B nên A là trung điểm của OB .	0,5														

ĐỀ 7

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II
MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút
(Đề kiểm tra gồm: 02 trang)

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) *Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết vào bài làm của em.*
Câu 1. Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

A. $\frac{3}{42}$

B. $\frac{15}{55}$

C. $\frac{2}{15}$

D. $\frac{4}{12}$

Câu 2. Hỗn số $2\frac{2}{7}$ được viết dưới dạng phân số là:

A. $\frac{4}{7}$

B. $\frac{16}{7}$

C. $\frac{11}{7}$

D. $\frac{7}{4}$

Câu 3. Một quả dưa hấu nặng 2kg. Khi đó $\frac{1}{4}$ quả dưa hấu nặng bao nhiêu kg?

A. $\frac{1}{5}$

B. $\frac{1}{2}$

C. 8

D. $\frac{1}{8}$

Câu 4. Số thập phân 91,2653 được làm tròn đến hàng phần trăm là:

A. 91,27

B. 91,26

C. 91,266

D. 91,265

Câu 5: Số nhỏ nhất trong các số 2,9; -3,4; 1,06; 0,7; 1,2 là:

A. 2,9

B. -3,4

C. 1,06

D. 0,7

Câu 6: Kết quả phép tính $-2,1 + 3,4$ là:

A. -5,5

B. 5,5

C. 1,3

D. -1,3

Sử dụng dữ kiện sau đây để làm câu 7 đến câu 9.

Biểu đồ dưới đây cho biết số cây xanh được trồng được của một trường THCS trong đợt phát động trồng cây xanh đầu năm.

Khối	Số cây trồng được	
6		 : 10 cây  : 5 cây.
7		
8		
9		

Câu 7. Số cây khối 9 trồng được là

A. 70 cây.

B. 10 cây.

C. 7 cây.

D. 65 cây.

Câu 8. Khối trồng ít nhất là

A. Khối 6.

B. Khối 7.

C. Khối 8.

D. Khối 9.

Câu 9. Tổng số cây hai khối 6 và 7 trồng được là

A. 100 cây.

B. 110 cây.

C. 140 cây.

D. 130 cây.

Câu 10: Góc tạo bởi kim giờ và kim phút trong mặt đồng hồ nào dưới đây biểu diễn góc vuông



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 11: Cho các hình vẽ dưới đây, hình nào có hình ảnh của hai đường thẳng cắt nhau.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 12: Cho hình vẽ

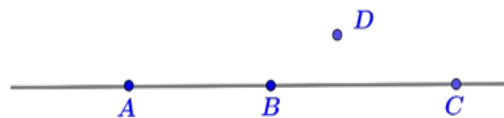
Khẳng định nào dưới đây **sai**?

A. Ba điểm A, B, C thẳng hàng.

B. Ba điểm A, C, D không thẳng hàng.

C. Ba điểm C, B, A cùng nằm trên một đường thẳng.

D. Ba điểm B, C, D thẳng hàng.



B. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1 (1,5 điểm): Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{-5}{19} + \frac{24}{19}$

b) $\frac{5}{11} \cdot \frac{10}{31} + \frac{5}{11} \cdot \frac{23}{31} - \frac{5}{11} \cdot \frac{2}{31}$

c) $0,75 - \left(\frac{9}{20} + 25\% \right) : \frac{7}{5}$

Bài 2 (1,5 điểm): Tìm x, biết:

a) $x - \frac{3}{5} = \frac{5}{4}$

b) $\frac{1}{2}x + \frac{3}{4} = \frac{-3}{10}$

Bài 3 (1,5 điểm): Lớp 6B có 40 học sinh. Khi khảo sát về sở thích chơi hai môn thể thao bóng đá và cầu

lông thì có đến $\frac{3}{5}$ số học sinh chỉ thích chơi bóng đá, số học sinh còn lại chỉ thích chơi cầu lông.

a) Tính số học sinh thích chơi đá bóng?

b) Số học sinh thích chơi cầu lông chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh của lớp?

Bài 4 (1,5 điểm): Vẽ tia Ox. Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho OM = 3 cm và ON = 6 cm

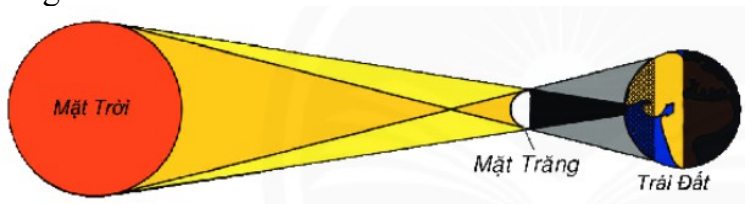
a) Tính độ dài đoạn thẳng MN?

b) Điểm M có phải là trung điểm ON không? Vì sao?

Bài 5 (1,0 điểm):

a) Chứng tỏ rằng $\frac{1}{20 \cdot 23} + \frac{1}{23 \cdot 26} + \frac{1}{26 \cdot 29} + \dots + \frac{1}{77 \cdot 80} < \frac{1}{9}$

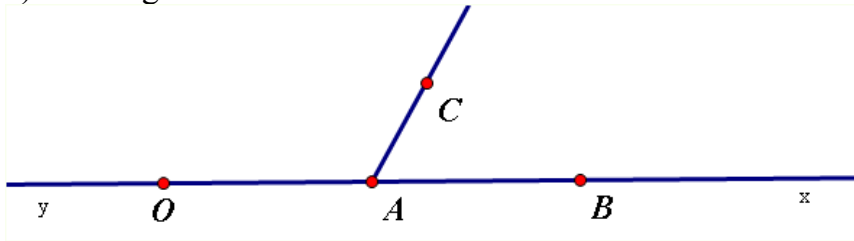
b) Cho biết khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trời khoảng 150 000 000 km và khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trăng khoảng 384 000 km. Hỏi khi xảy ra hiện tượng nhật thực thì khoảng cách giữa Mặt Trời và Mặt Trăng là khoảng bao nhiêu ki-lô-mét?



----- Hết -----

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Bài	ĐÁP ÁN													ĐIỂM
A. Trắc nghiệm	Mỗi câu đúng được 0,25đ													3
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Đáp án	C	B	B	A	B	C	D	C	C	B	A	D	
B. Tự luận														
Bài 1 (1,5 điểm)	a) $\frac{-5}{19} + \frac{24}{19} = \frac{19}{19}$													0,25
	$=1$													0,25
	b) $\frac{5}{11} \cdot \frac{10}{31} + \frac{5}{11} \cdot \frac{23}{31} - \frac{5}{11} \cdot \frac{2}{31}$													0,25
	$= \frac{5}{11} \cdot \frac{10+23-2}{31}$													
	$= \frac{5}{11} \cdot 1 = \frac{5}{11}$													0,25
	c) $0,75 - \left(\frac{9}{20} + 25\% \right) : \frac{7}{5}$													0,25
$= \frac{3}{4} - \left(\frac{9}{20} + \frac{5}{20} \right) \cdot \frac{5}{7}$														
$= \frac{3}{4} - \frac{14}{20} \cdot \frac{5}{7} = \frac{3}{4} - \frac{2}{4} = \frac{1}{4}$													0,25	
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $x - \frac{3}{2} = \frac{-1}{4}$													0,25
	$x = \frac{-1}{4} + \frac{3}{2}$													
	$x = \frac{-1}{4} + \frac{6}{4}$													0,25
	$x = \frac{5}{4}$													
	b) $\frac{x}{8} = \frac{3}{4} \Rightarrow \frac{x}{8} = \frac{6}{8}$													0,25
$\Rightarrow x = 6$													0,25	
c) $\left(x + \frac{4}{5} \right) \frac{6}{15} = 1\frac{1}{5}$													0,25	
$x + \frac{4}{5} = \frac{6}{5} : \frac{6}{15}$														

	$x + \frac{4}{5} = 3$	
	$x = 3 - \frac{4}{5}$ $x = \frac{11}{5}$	0,25
Bài 3 (2,0 điểm)	Số kilogram khoai bác Hà bán được là $90 \cdot \frac{4}{5} = 72 \text{ (kg)}$	0,5
	Số khoai bác Hà mang về là: $90 - 72 = 18 \text{ (kg)}$	0,5
	Số tiền bác Hà thu về từ việc bán khoai là: $18 \cdot 15 = 270 \text{ (nghìn đồng)}$	0,5
Bài 4 (1,5 điểm)	a) Vẽ đúng hình câu a	0,25
		
	a) Ta có điểm A nằm giữa hai điểm O và B nên có: $OB = OA + AB$	0.25
	Thay số tìm được $AB = 3 \text{ cm}$	0.25
	Vì điểm A nằm giữa hai điểm O và B và $OA = AB (=3\text{cm})$ Nên điểm A là trung điểm của đoạn OB	0.25
	c) Các góc có đỉnh là A có trong hình là $\widehat{OAC}$; $\widehat{CAB}$ $\widehat{OAB}$	0.25
	Góc bẹt là $\widehat{OAB}$	0.25
Bài 5 (1 điểm)	Thời gian đi 1 km cả đi lẫn về hết: $\frac{4}{60} = \frac{1}{5} \text{ giờ}$	0,25
	Quãng đường AB dài: $2 \cdot \frac{1}{15} = \frac{2}{15} \text{ km}$	0,25

$\frac{1}{21} + \frac{1}{28} + \frac{1}{36} + \dots + \frac{2}{x(x+1)} = \frac{2}{9}$ $\Rightarrow \frac{2}{42} + \frac{2}{56} + \frac{5}{72} + \dots + \frac{2}{x(x+1)} = \frac{2}{9}$ $\frac{2}{6.7} + \frac{2}{7.8} + \frac{2}{8.9} + \dots + \frac{2}{x(x+1)} = \frac{2}{9}$ $2. \left(\frac{1}{6} - \frac{1}{7} + \frac{1}{8} - \frac{1}{9} + \dots + \frac{1}{x} - \frac{1}{x-1} \right) = 2. \frac{1}{9}$ $2. \left(\frac{1}{6} - \frac{1}{x-1} \right) = 2. \frac{1}{9}$	0,25
$\Rightarrow \frac{1}{6} - \frac{1}{x-1} = \frac{1}{9}$ $\frac{1}{x-1} = \frac{1}{6} - \frac{1}{9}$ $\frac{1}{x-1} = \frac{1}{18}$ $\Rightarrow x-1 = 18$ $x = 19$	0,25

ĐỀ 8

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Phần I: Trắc nghiệm (4,0 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.

Câu 1: Nếu tung một đồng xu 17 lần liên tiếp, có 6 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng bao nhiêu?

- A. $\frac{6}{17}$ B. $\frac{17}{6}$ C. $\frac{11}{17}$ D. $\frac{17}{11}$

Câu 2: Trong các phân số sau đây, phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{-5}{15}$ B. $\frac{-17}{51}$ C. $\frac{-4}{9}$ D. $\frac{-6}{201}$

Câu 3: Kết quả của phép tính $\frac{6}{18} + \frac{-14}{21}$ là:

- A. $\frac{-8}{21}$ B. $\frac{1}{3}$ C. $\frac{-1}{3}$ D. $\frac{-8}{39}$

Câu 4: Thương trong phép chia $\frac{-5}{7} : \frac{7}{5}$ là:

- A. -1 B. $\frac{-25}{49}$ C. $\frac{-5}{7}$ D. $\frac{7}{5}$

Câu 5 : Phân số bằng phân số $\frac{-3}{5}$ là :

- A. $\frac{5}{15}$; B. $\frac{9}{-15}$; C. $\frac{3}{10}$; D. $\frac{10}{5}$

Câu 6: Biết : $x \cdot \frac{3}{7} = \frac{5}{2}$ Số x bằng:

- A. $\frac{35}{6}$ B. $\frac{35}{2}$ C. $\frac{15}{14}$ D. Một đáp án khác

Câu 7: Viết số thập phân -3,25 dưới dạng phân số ta được kết quả là:

- A. $\frac{-13}{4}$ B. $\frac{-11}{4}$ C. $\frac{-3}{25}$ D. $\frac{13}{4}$

Câu 8: Số 0,75 được viết dưới dạng % là:

- A. 0,75%. B. 7,5%. C. 750%. D. 75%

Câu 9: Hiệu $(-10,43) - (-14,18)$ là:

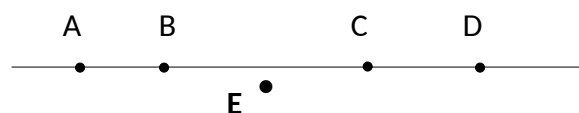
- A. -3,75 B. 24,61 C. -24,61 D. 3,75

Câu 10: Làm tròn số 76,421 đến hàng phần mười (tức là chữ số đầu tiên sau dấu “,”):

- A. 76 B. 76,5 C. 76,4 D. 76,42

Câu 11: Số bộ ba điểm thẳng hàng trong hình 1 là

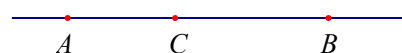
- A. 1 B. 3
C. 7 D. 6



Hình 1

Câu 12: Cho hình vẽ (hình 2). Em hãy khoanh tròn vào câu đúng:

- A. A nằm giữa B và C
B. B nằm giữa A và C
C. C nằm giữa A và B
D. Không có điểm nào nằm giữa



Hình 2

Câu 13: Cho $\angle xOy = 180^\circ$. Góc $\angle xOy$ là một:

- A. Góc nhọn B. Góc tù C. Góc vuông D. Góc bẹt

Câu 14 : Cho các góc $\angle xOy = 42^\circ$, $\angle mAn = 47^\circ$, $\angle pCq = 42^\circ$. Trong các phương án sau, phương án nào ‘Sai’

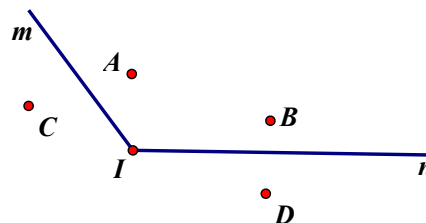
- A. $\angle xOy < \angle mAn$ B. $\angle xOy = \angle pCq$ C. $\angle mAn < \angle pCq$ D. $\angle mAn > \angle pCq$

Câu 15 : Cho các góc $\angle A$, $\angle B$ là hai góc bù nhau và $\angle A - \angle B = 60^\circ$. Số đo của góc B là:

- A. 300 B. 600 C. 1200 D. 900

Câu 16: Cho hình vẽ bên, điểm nào nằm trong góc mIn :

- A. Điểm C và điểm D.
B. Điểm A và điểm D
C. Điểm A và điểm B
D. Điểm B và điểm C



Phần 2: Tự luận (6,0 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm) Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6D được liệt kê như sau:

9, 8, 10, 6, 6, 4, 3, 7, 9, 6, 5, 5, 8, 8, 7, 7, 5, 7, 8, 6
7, 7, 9, 5, 6, 8, 5, 5, 9, 9, 6, 7, 5, 7, 6, 6, 3, 5, 7, 9

a) Lập bảng số liệu theo mẫu

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?

b) So với cả lớp 6D, tỉ lệ học sinh có điểm dưới trung bình là bao nhiêu phần trăm?

(Điểm dưới trung bình là điểm nhỏ hơn 5)

Bài 2: (1,5 điểm)

1) Tính
$$\frac{28}{15} \cdot \frac{1}{4^2} \cdot 3 + \left(\frac{8}{15} - \frac{69}{60} \cdot \frac{5}{23} \right) : \frac{51}{54}$$

2) Tìm x, biết:
$$\frac{4}{5} + \frac{5}{7} : x = \frac{1}{6}$$

Bài 3: (1,5 điểm)

Để phục vụ công tác phòng chống dịch Covid – 19. Ba đội công nhân của một xưởng may phải sản xuất

1400 chiếc khẩu trang trong một ngày. Mỗi ngày đội thứ nhất sản xuất được $\frac{2}{5}$ tổng số khẩu trang. Mỗi ngày đội thứ hai sản xuất được 60% số khẩu trang còn lại. Còn lại là sản phẩm của đội thứ ba sản xuất trong một ngày. Hỏi trong một ngày mỗi đội sản xuất được bao nhiêu chiếc khẩu trang?

Bài 4: (1,25 điểm)

Trên tia Ax lấy hai điểm B, C sao cho AB = 5cm, AC = 10cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng BC. Điểm B có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?

b) Kể tên các tia đối của tia Cx

Bài 5: (0,75 điểm)

Không dùng máy tính hãy so sánh $A = \frac{5^{2020} + 1}{5^{2021} + 1}$ và $B = \frac{10^{2019} + 1}{10^{2020} + 1}$.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN

Phần I. Trắc nghiệm (4,0 điểm)

- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

- Đáp án:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	C	B	B	A	A	D
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	D	C	B	C	D	C	B	C

Phần II. Tự luận (6,0 điểm)

Bài	Nội dung											Điểm
1.a 0,5đ	Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0,5
	Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1	

1.b 0,5đ	Có 3 học sinh dưới trung bình nên tỉ số phần trăm của số học sinh có điểm dưới trung bình và số học sinh lớp 6D là:	0,25
	$\frac{3}{40} \cdot 100\% = 7,5\%$	0,25
2.1 0,75 đ	$\frac{28}{15} \cdot \frac{1}{4} \cdot 3 + \left(\frac{8}{15} - \frac{69}{60} \cdot \frac{5}{23} \right) \cdot \frac{51}{54} = \frac{28}{15} \cdot \frac{1}{16} \cdot 3 + \left(\frac{8}{15} - \frac{1}{4} \right) \cdot \frac{18}{17}$	0,25
	$= \frac{7}{20} + \left(\frac{32}{60} - \frac{15}{60} \right) \cdot \frac{18}{17} = \frac{7}{20} + \frac{17}{60} \cdot \frac{18}{17}$	0,25
	$= \frac{7}{20} + \frac{6}{20} = \frac{13}{20}$	0,25
2.2 0,75 đ	$\frac{4}{5} + \frac{5}{7} : x = \frac{1}{6}$	
	$\frac{5}{7} : x = \frac{1}{6} - \frac{4}{5} ; \quad \frac{5}{7} : x = \frac{5}{30} - \frac{24}{30}$	0,25
	$\frac{5}{7} : x = \frac{-19}{30}$	0,25
	$x = \frac{5}{7} : \frac{-19}{30} ; \quad x = \frac{-150}{133} ;$	
	Vậy $x = \frac{-150}{133}$	0,25
3 (1,5 đ)	Đội thứ nhất mỗi ngày sản xuất được số khẩu trang là: $1400 \cdot \frac{2}{5} = 560$ (khẩu trang)	0,25
	Số khẩu trang còn lại sau ngày thứ nhất là $1400 - 560 = 840$ (khẩu trang)	0,25
	Đội thứ hai mỗi ngày sản xuất được số khẩu trang là: $840 \cdot 60\% = 504$ (khẩu trang)	0,25
	Đội thứ ba mỗi ngày sản xuất được số khẩu trang là: $840 - 504 = 336$ (khẩu trang)	0,25
4 1,25 đ		0,25
4.a	Trên tia Ax, ta có $AB < AC$ (vì $5\text{cm} < 10\text{cm}$) Suy ra điểm B nằm giữa hai điểm A và C	0,25
	$AB + BC = AC$ Mà $AB = 5\text{cm} ; AC = 10\text{cm}$ Suy ra $5 + BC = 10 ; BC = 5\text{cm}$	0,25
	Ta có $AB = BC$ (vì $5\text{cm} = 5\text{cm}$) và Điểm B nằm giữa hai điểm A và C Suy ra Điểm B là trung điểm của AC	0,25
	4.b Các tia đối của tia Cx là: tia CB; tia CA	0,25
	Ta cần: $A = \frac{5^{2020} + 1}{5^{2021} + 1} \Rightarrow 5A = \frac{5^{2021} + 5}{5^{2021} + 1} = 1 + \frac{4}{5^{2021} + 1}$	0,25
	Ta cần: $B = \frac{5^{2019} + 1}{5^{2020} + 1} \Rightarrow 5B = \frac{5^{2020} + 5}{5^{2020} + 1} = 1 + \frac{4}{5^{2020} + 1}$	

5 0,75 đ	Ta thấy $\frac{4}{5^{2021}+1} < \frac{4}{5^{2020}+1}$ ($\forall \times 5^{2021}+1 > 5^{2020}+1$)	0,25
	Nên $1 + \frac{4}{5^{2021}+1} < 1 + \frac{4}{5^{2020}+1}$ suy ra $5A < 5B$	0,25
	Vậy $A < B$	

ĐỀ 9

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Bài 1: (2,0 điểm) Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng buổi học bạn An sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường trong tháng 3.

Xe bus	✓✓✓
Xe máy (bố mẹ chở)	✓✓✓✓
Phương tiện khác	✓✓

(Mỗi ✓ ứng với 3 buổi học)

- Có bao nhiêu buổi học bạn An đi xe máy cùng bố mẹ ?
- Lập bảng thống kê biểu diễn số lượng buổi học bạn An sử dụng các phương tiện đến trường ?
- Tính tỉ số phần trăm số buổi học bạn An đến trường bằng xe bus so với tổng số buổi đi học (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).

Bài 2: (2,0 điểm) Khối 6 của một trường có tổng cộng 90 học sinh. Trong dịp tổng kết cuối năm thống kê được:

Số học sinh giỏi bằng $\frac{1}{6}$ số học sinh cả khối, số học sinh khá bằng 40% số học sinh cả khối. Số học sinh trung bình bằng $\frac{1}{3}$ số học sinh cả khối, còn lại là học sinh yếu. Tính số học sinh mỗi loại.

Bài 3: (2,0 điểm) Tính giá trị của biểu thức:

a) $\frac{-1}{5} + \frac{-4}{5}$

b) $\frac{-3}{7} - \left(\frac{2}{3} - \frac{3}{7} \right)$

c) $\frac{2}{3} - \frac{1}{3} : \frac{3}{4}$

Bài 4: (1,0 điểm) Tìm x, biết:

$$\text{a) } \frac{2}{3}x = \frac{-2}{3}$$

$$\text{b) } 25\% + \frac{1}{2} : x = \frac{3}{4}$$

Bài 5: (2,0 điểm) Trên đường thẳng xy lấy một điểm O. Trên tia Ox lấy điểm A sao cho OA = 6 cm. Trên tia Oy lấy hai điểm B và C sao cho OB = 6 cm và OC = a (cm), với $0 < a < 6$.

a) Điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?

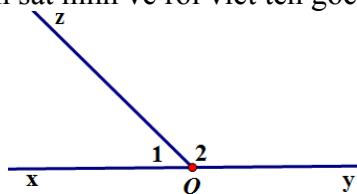
b) Xác định giá trị của a để C là trung điểm của đoạn thẳng OB.

Bài 6: (1,0 điểm)

a) Cho hình vẽ. Hãy kể tên ba cặp tia đối nhau.



b) Quan sát hình vẽ rồi viết tên góc, đỉnh và các cạnh của góc.



-----HẾT-----

PHÒNG GD – ĐT
TRƯỜNG

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN

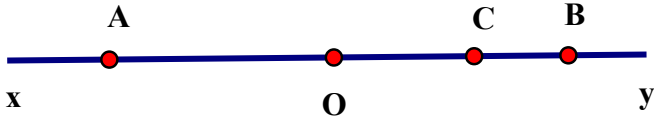
LỚP 6 - NĂM HỌC:

(Đáp án này gồm có 2 trang)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Câu	Đáp án	Điểm
Bài 1 (2,0 điểm)	a) Số buổi học An đến trường bằng xe máy cùng bố mẹ là: $4.3 = 12$ (buổi học).	0,5
	b) Số buổi học bạn An đi xe bus đến trường là: $3.3 = 9$ (buổi học).	0,25
	Số buổi học bạn An đi xe máy đến trường là: $3.4 = 12$ (buổi học).	0,25
	Số buổi học bạn An đi phương tiện khác đến trường là: $2.3 = 6$ (buổi học).	0,25

	Ta có bảng thống kê sau:									
	<table><tr><td>Phương tiện</td><td>Xe bus</td><td>Xe máy (bố mẹ chở)</td><td>Phương tiện khác</td></tr><tr><td>Số lượng học sinh</td><td>9</td><td>12</td><td>6</td></tr></table>	Phương tiện	Xe bus	Xe máy (bố mẹ chở)	Phương tiện khác	Số lượng học sinh	9	12	6	0,25
Phương tiện	Xe bus	Xe máy (bố mẹ chở)	Phương tiện khác							
Số lượng học sinh	9	12	6							
	c) Tổng số buổi học bạn An đi các phương tiện đến trường trong tháng 3 là: $9 + 12 + 6 = 27$ (buổi học)	0,25								
	Tỉ số phần trăm số buổi học bạn An đến trường bằng xe bus so với tổng số buổi học là: $\frac{9.100\%}{27} = 33,333...\%$	0,25								
	Làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất ta được kết quả là 33,3%.									
Bài 2 (2,0 điểm)	Số học sinh giỏi của trường là: $90 \cdot \frac{1}{6} = 15$ (học sinh)	0,5								
	Số học sinh khá của trường là: $90 \cdot 40\% = 90 \cdot \frac{40}{100} = 36$ (học sinh)	0,5								
	Số học sinh trung bình của trường là: $90 \cdot \frac{1}{3} = 30$ (học sinh)	0,5								
	Số học sinh yếu của trường là: $90 - (15 + 36 + 30) = 9$ (học sinh)	0,5								
Bài 3 (2,0 điểm)	a) $\frac{-1}{5} + \frac{-4}{5} = \frac{(-1) + (-4)}{5} = \frac{-5}{5} = -1$	0,5								
	b) $\begin{aligned} &\frac{-3}{7} - \left(\frac{2}{3} - \frac{3}{7} \right) \\ &= \frac{-3}{7} - \frac{2}{3} + \frac{3}{7} \\ &= \left(\frac{-3}{7} + \frac{3}{7} \right) - \frac{2}{3} \\ &= \frac{-2}{3} \end{aligned}$	0,5 0,25 0,25								
	c) $\frac{2}{3} - \frac{1}{3} : \frac{3}{4} = \frac{2}{3} - \frac{4}{9} = \frac{2}{9}$	0,5								
Bài 4 (1,0 điểm)	a) $\frac{2}{3}x = \frac{-2}{3}$	0,25								
		0,25								

	$x = \frac{-2}{3} : \frac{2}{3}$ $x = \frac{-2}{3} \cdot \frac{3}{2}$ $x = -1$	
	$25\% + \frac{1}{2} : x = \frac{3}{4}$ <p>b)</p> $\Leftrightarrow \frac{1}{4} + \frac{1}{2} : x = \frac{3}{4}$ $\Leftrightarrow \frac{1}{2} : x = \frac{3}{4} - \frac{1}{4}$ $\Leftrightarrow \frac{1}{2} : x = \frac{1}{2}$ $\Leftrightarrow x = \frac{1}{2} : \frac{1}{2} = 1$	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
Bài 5 (2,0 điểm)	Vẽ hình đúng :	
		0,25
	a) Ta có A nằm trên tia Ox, B nằm trên tia Oy mà Ox và Oy là hai tia đối nhau nên A và B nằm khác phía so với điểm O hay O nằm giữa A và B.	0,5
	Mặt khác OA = OB = 6 cm. Suy ra O là trung điểm của đoạn thẳng AB.	0,25
	b) Ta có B và C cùng nằm trên tia Oy và $0 < a < 6$ nên C nằm giữa hai điểm O và B.	0,25
	Đề C là trung điểm của đoạn thẳng OB	
	$OC = CB = \frac{OB}{2} = \frac{6}{2} = 3\text{cm}$ <p>thì</p> <p>Suy ra: $a = OC = 3\text{ cm}$. Vậy: $a = 3\text{ cm}$.</p>	0,5
Bài 6 (1,0 điểm)	a) 3 cặp tia đối nhau: Ax và Ay; Bx và By; Cx và Cy.	0,25
	b) $\angle xOy$ có đỉnh tại O, hai cạnh Ox và Oy.	0,25
	$\angle xOz$ có đỉnh tại O, hai cạnh Ox và Oz.	0,25

	yOz có đỉnh tại O, hai cạnh Oy và Oz.	0,25
--	---	------

Chú ý: Nếu thí sinh làm đúng theo cách khác đáp án vẫn cho điểm tối đa

ĐỀ 10	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	---

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) : *Viết chữ cái đứng trước câu trả lời em cho là đúng vào giấy kiểm tra:*

Câu 1: Kết quả của phép tính $\frac{-2}{3} + \frac{2}{15}$ là:

- A. 0. B. $\frac{4}{17}$. C. $\frac{-8}{15}$. D. $\frac{8}{15}$.

Câu 2: Kết quả của phép tính $\frac{3}{11} \cdot \frac{-2}{7}$ là :

- A. $\frac{6}{77}$ B. $\frac{-6}{77}$ C. $\frac{21}{22}$ D. $\frac{-21}{22}$.

Câu 3: $\frac{1}{4}$ của 56 bằng:

- A. 14. B. 224. C. 60. D. 52.

Câu 4: Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{-9}{33}$ là:

- A. $\frac{9}{33}$. B. $\frac{33}{9}$. C. $\frac{-9}{33}$. D. $\frac{-33}{9}$.

Câu 5: Kết quả của phép tính $4,52 + 11,3$ là :

- A. 56,5. B. 5,56. C. 15,82. D. 1,582.

Câu 6: Kết quả của phép tính $1 + 12,3 - 11,3$ là:

- A. 11. B. -11. C. 2. D. -2.

Câu 7: So sánh $3\frac{3}{4}$ và $\frac{25+3}{8}$, ta được:

- A. $3\frac{3}{4} > \frac{25+3}{8}$ B. $3\frac{3}{4} < \frac{25+3}{8}$ C. $3\frac{3}{4} = \frac{25+3}{8}$ D. $\frac{25+3}{8} > 3\frac{3}{4}$.

Câu 8: Làm tròn số 231, 6478 đến chữ số thập phân thứ hai :

- A. 231, 64. B. 231, 65. C. 23. D. 231, 649.

Câu 9: Hỗn số $5\frac{2}{3}$ được viết dưới dạng phân số ?

- A. $\frac{3}{17}$ B. $\frac{17}{3}$ C. $\frac{5}{3}$ D. $\frac{4}{3}$

Câu 10: Phân số $\frac{20}{-140}$ được rút gọn đến tối giản là:

- A. $\frac{10}{-70}$ B. $\frac{-1}{7}$ C. $\frac{4}{-28}$ D. $\frac{2}{-14}$

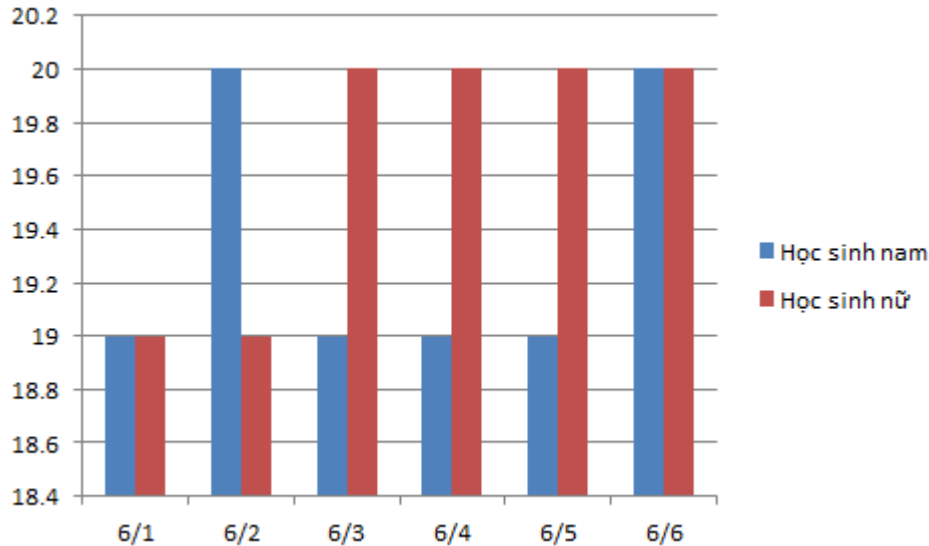
Câu 11: Cho biểu đồ tranh ở Hình 3 :



Số học sinh (HS) yêu thích Cam là:

- A. 50 HS. B. 55 HS. C. 40 HS. D. 45 HS.

Câu 12: Biểu đồ cột kép thể hiện số học sinh nam, nữ ở mỗi lớp của khối 6 ở một trường THCS như sau :



Số học sinh nam/nữ của lớp 6/4 là :

- A. 19/19. B. 20/19. C. 19/20. D. 20/20.

Câu 13: Khi gieo hai con xúc sắc, gọi T là tổng số chấm trên hai con xúc sắc thì kết quả nào sau đây không thể xảy ra ?

- A. $T = 4$. B. $T = 3$. C. $T = 2$. D. $T = 1$.

Câu 14: Cô giáo tổ chức trò chơi chiếc nón kì diệu, bạn A quay chiếc nón 5 lần thì được 2 lần vào ô may mắn. Hỏi thực nghiệm của sự kiện quay vào ô may mắn là :

- A. $\frac{2}{5}$. B. $\frac{5}{2}$. C. $\frac{3}{5}$. D. $\frac{5}{3}$.

Câu 15: Cho hình vẽ: Có bao nhiêu tia gốc A trong hình :

- A. 1 C. 3
B. 2 D. 4

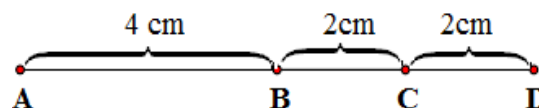


Câu 16: Cho góc $\angle xOy = 60^\circ$. Hỏi số đo của $\angle xOy$ bằng mấy phần số đo của góc bẹt?

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\frac{2}{3}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{1}{3}$

Câu 17: Xem hình 4 :

- A. Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AB.
B. Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng BD.
C. Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AD.
D. Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng AC.



Hình 4

Câu 18: Hình gồm hai tia chung gốc Ox, Oy được gọi là:

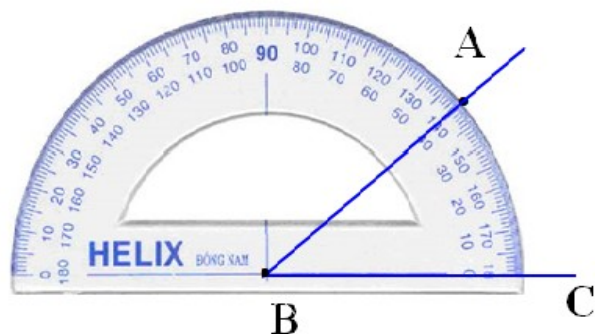
- A. Góc xOy. B. Góc Oxy. C. Góc xyO. D. Góc bẹt.

Câu 19: Góc nhọn là góc :

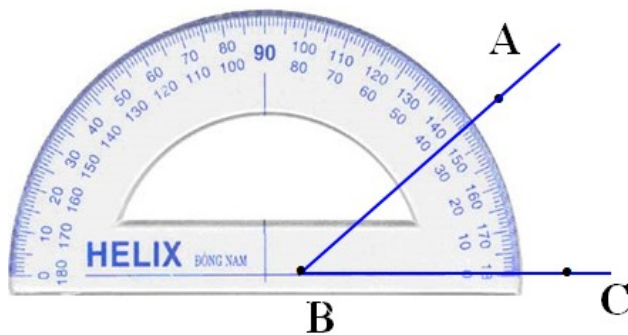
- A. Nhỏ hơn góc bẹt. B. Nhỏ hơn góc vuông.
C. Có số đo bằng 90° . D. Có số đo 180° .

Câu 20: Xem hình 5:

(2)



(1)



Hình đặt thước đo góc đúng và số đo của $\widehat{ABC}$ là :

- A. (1), $\widehat{ABC} = 40^\circ$. B. (1), $\widehat{ABC} = 140^\circ$.
C. (2), $\widehat{ABC} = 35^\circ$. D. (2), $\widehat{ABC} = 155^\circ$.

B. TỰ LUẬN (6 điểm) :



tham gia
xác suất

vẽ đã cho

Câu 1 (1,5 điểm): Tính giá trị của biểu thức :

a) $152,3 + 2021,19 + 7,7 - 2021,19$

b) $\frac{7}{15} \cdot \frac{3}{14} \cdot \frac{13}{20}$

Câu 2 (0,5 điểm): Tìm tỉ số phần trăm của hai số 12 và 15.

Câu 3 (1 điểm): Hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện số học sinh ở mỗi lớp của khối 6 ở một trường THCS theo bảng sau:

Lớp	6/1	6/2	6/3	6/4
Số học sinh	38	39	40	39

Câu 4 (1 điểm): Gieo 02 con xúc xắc, liệt kê các kết quả có thể để sự kiện tổng số chấm ở hai con xúc xắc là một số nguyên tố.

Câu 5 (2 điểm): Vẽ tia Ot. Trên tia Ot, lấy hai điểm M, N sao cho OM = 4cm, ON = 8 cm.

a) Trong ba điểm O, M, N điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?

b) Tính MN. Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng ON không? Vì sao?

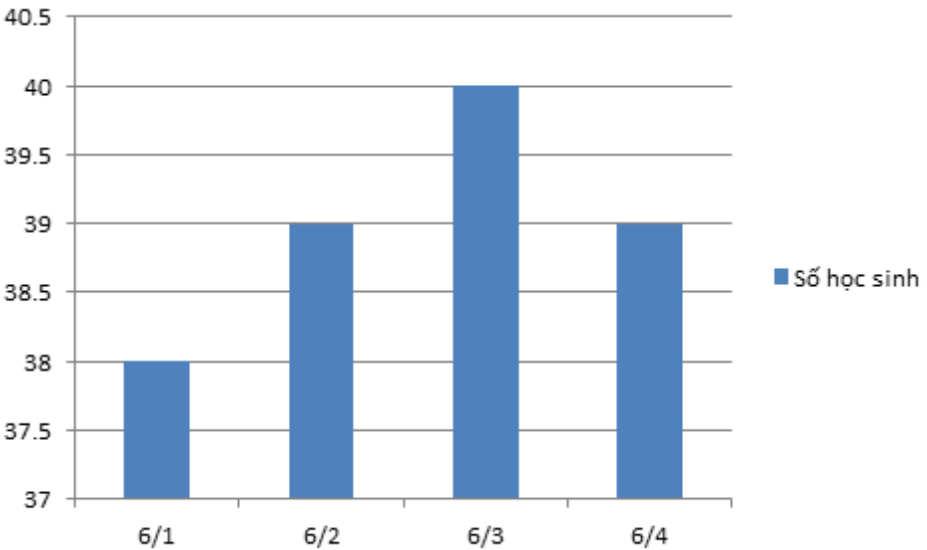
HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI

A. TRẮC NGHIỆM (Đúng mỗi câu 0.2 điểm):

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$\frac{1}{2}$	13	14	15	16	17	$\frac{1}{8}$	19	20
Đáp án	C	B	A	D	D	C	A	B	B	B	D	C	D	A	C	D	B	A	B	A

B. TỰ LUẬN

<p>Câu 1 : Tính giá trị của biểu thức :</p> <p>a) $12,3 + 2021,19 + 7,7 - 2021,19$ $= (12,3 + 7,7) + (2021,19 - 2021,19)$ $= 20 + 0$ $= 20$</p> <p>b) $\frac{7}{15} \cdot \frac{3}{14} \cdot \frac{13}{20} = \left(\frac{7}{15} \cdot \frac{3}{14} \right) \cdot \frac{13}{20}$ $= \frac{1}{10} \cdot \frac{13}{20} = \frac{1}{10} \cdot \frac{20}{13} = \frac{2}{13}$</p>	<p>0.5 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.5 điểm</p>
<p>Câu 2 : Tỉ số của hai số 12 và 15 là $\frac{12}{15} \cdot 100\% = 80\%$</p>	0,5 điểm
<p>Câu 3: Biểu đồ cột thể hiện số học sinh ở mỗi lớp của khối 6 ở một trường THCS</p>	1 điểm

 <p>Bar chart showing the number of students (Số học sinh) for four categories: 6/1, 6/2, 6/3, and 6/4. The y-axis ranges from 37 to 40.5. The values are approximately 38.0, 39.0, 40.0, and 39.0 respectively.</p>	
<p>Câu 4: Gieo 02 con xúc xắc, liệt kê các kết quả có thể để sự kiện tổng số chấm ở hai con xúc xắc là một số nguyên tố. Gọi x là số chấm của 1 xúc xắc, y là số chấm của xúc xắc còn lại Ta có (x ; y) sao cho x+y là số nguyên tố <12. (1;1), (1 ; 2), (1 ;4), (1 ;6), (2;3), (2;5), (3;1), (3;4), (4;1),(5;1), (5;6), (6;1).</p>	<p>0.25 điểm 0.25 điểm 0.5 điểm</p>
<p>Câu 5: Hình vẽ đúng a) Vì $OM < ON$ ($4\text{cm} < 8\text{cm}$) nên điểm M nằm giữa hai điểm O, N. b) Ta có : $OM + MN = ON$ $MN = ON - OM = 8 - 4$ $MN = 4\text{cm}.$ Vậy : M là trung điểm của đoạn thẳng ON vì M nằm giữa O, N và $OM = MN = 3\text{cm}.$</p>	<p>1 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm</p>

ĐỀ 11**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II****MÔN: TOÁN 6***Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)***PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)****Câu 1:** Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{-2}{5}$?

A. $\frac{4}{-10}$.

B. $\frac{-6}{-15}$.

C. $\frac{-12}{30}$.

D. $\frac{2}{5}$.

Câu 2: Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $-23,456 > -23,564$.

B. $-11,23 < -11,32$.

C. $5,64 > 5,641$.

D. $-100,99 > -100,98$.

Câu 3: Làm tròn số thập phân 81,24135 đến hàng phần trăm ta được số:

- A. 81. B. 81,25. C. 81,24. D. 81,241.

Câu 4: Kết quả của phép tính $(-5,6 + 55,6) : (1,2 - 0,8)$ là:

- A. -125 B. -152 C. 125 D. 152

Câu 5: Cho tia Mx lấy điểm A điểm B thuộc tia Mx sao cho MA = 3cm, MB = 5cm. Kết luận nào sau đây đúng:

- A. Điểm M nằm giữa điểm A và điểm B
B. Điểm B nằm giữa điểm A và điểm M
C. Điểm A nằm giữa điểm M và điểm B
D. Trong ba điểm A, M, B không có điểm nào nằm giữa.

Câu 6: Cho hai điểm A và B thuộc tia Ot và OA = 4cm, OB = 8cm thì:

- A. A là trung điểm của đoạn thẳng OB
B. O là trung điểm của đoạn thẳng AB
C. B là trung điểm của đoạn thẳng OA
D. Không có đoạn thẳng nào có trung điểm

Câu 7: Góc bẹt là góc có hai cạnh là hai tia...

- A. chung gốc B. phân biệt C. đối nhau D. trùng nhau

Câu 8: Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong bốn quý năm 2021 được kết quả như sau:

Quý 1	  
Quý 2	   
Quý 3	 
Quý 4	  
 : 10 chiếc xe,  5 chiếc xe	

Tổng số xe bán được trong 4 quý là:

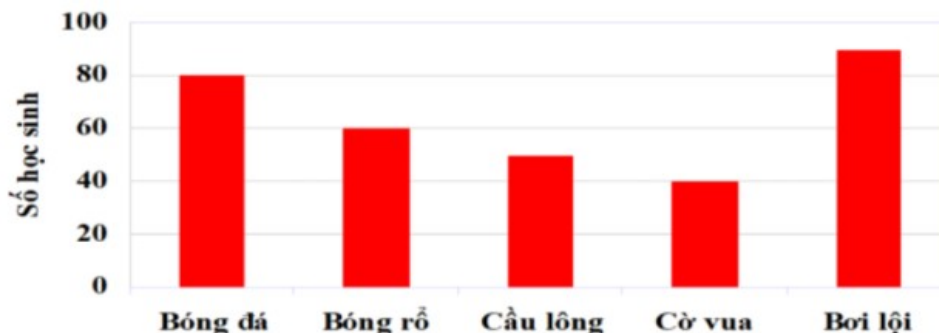
- A. 11 chiếc B. 115 chiếc C. 110 chiếc D. 12 chiếc

Câu 9: Số xe bán được nhiều nhất trong một quý là

- B. 20 B. 30 C. 40 D. 50

Sử dụng dữ liệu sau đây để làm câu 10,11

Môn thể thao yêu thích



Biểu đồ sau đây cho biết môn thể thao yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6 một trường THCS.

Câu 10: Môn thể thao được yêu thích nhất là:

- A. Bóng đá. B. Bóng rổ C. Cầu lông. D. Bơi lội.

Câu 11: Số HS thích bóng đá nhiều hơn số HS thích bóng rổ là:

- A. 80. B. 20. C. 60. D. 10.

Câu 12: Tung đồng xu 32 lần liên tiếp, có 18 lần xuất hiện mặt sấp (S) thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt sấp là:

- A. $\frac{18}{32}$. B. $\frac{7}{16}$. C. $\frac{12}{32}$. D. $\frac{3}{8}$.

Phần 2: Tự luận (7 điểm)

Câu 1:(0,5 điểm) Tìm phân số đối của phân số $\frac{2}{3}$

Câu 2: (0,5 điểm) So sánh $\frac{3}{7}$ và $\frac{-1}{2}$

Câu 3: (0,5 điểm) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ : -8,125; 0,12; -8,9

Câu 4: (0,5 điểm) Em hãy kể tên các điểm nằm MNP

Câu 5: (0,5 điểm) Thực hiện phép tính một cách

$$\frac{7}{30} + \frac{-12}{37} + \frac{23}{30} + \frac{-25}{37}$$

Câu 6: (1,0 điểm) Tìm x, biết

a. $x + 8,5 = 21,7$

b. $\frac{3}{5}x - \frac{1}{3} = \frac{4}{3}$

Câu 7: (2,0 điểm). Sau đợt kiểm tra sức khỏe răng miệng của các em trong một lớp 6. Thống kê số lần đánh răng trong một ngày của các em được ghi lại ở bảng sau:

Số lần đánh răng	1	2	3
Số học sinh	8	21	11

a. Tính tổng số học sinh tham gia đánh răng.

b. Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện học sinh thực hiện đánh răng từ hai lần trở lên.

Câu 8 (0,5 điểm). An cùng bạn liệt kê một số loài thực vật để làm bài tập môn Khoa học tự nhiên, được dãy dữ liệu như sau:

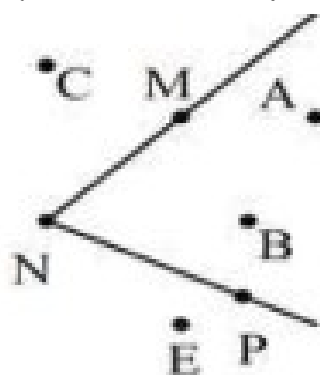
Dương xỉ, thông, dừa, rêu, đậu, bưởi, vi khuẩn.

a. Dữ liệu trên có phải số liệu không?

b. Em hãy chỉ ra dữ liệu không hợp lý (nếu có) trong dãy dữ liệu trên.

Câu 9 (1,0 điểm). Thực hiện phép tính:

$$B = \frac{1}{4.9} + \frac{1}{9.14} + \frac{1}{14.19} + + \frac{1}{64.69}$$



bé đến lớn : 0
trong góc
hợp lí

ĐỀ 12

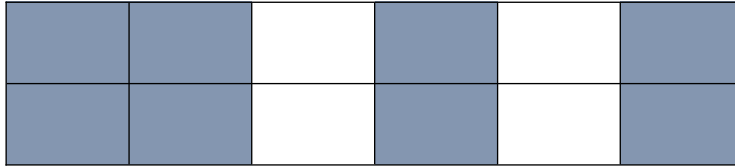
ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (7,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng trong mỗi câu sau:

Câu 1: (NB) Phần tô màu trong hình sau biểu diễn phân số nào?



A. $\frac{1}{2}$.

B. $\frac{1}{4}$.

C. $\frac{2}{3}$.

D. $\frac{5}{8}$.

Câu 2: (TH) So sánh $a = \frac{2}{7}$ và $b = \frac{5}{3}$

A. $a > b$.

B. $a \geq b$.

C. $a < b$.

D. $a = b$.

Câu 3: (VDT) Tổng $\frac{-7}{6} + \frac{15}{6}$ bằng

A. $\frac{4}{3}$.

B. $\frac{-4}{3}$.

C. $\frac{11}{3}$.

D. $\frac{-11}{3}$.

Câu 4: (VDT) Kết quả của phép nhân $\frac{-1}{4} \cdot \frac{1}{2}$ là

A. $\frac{-1}{4} \cdot \frac{1}{2} = \frac{-1 \cdot 2}{4 \cdot 4} = \frac{-2}{4}$.

B. $\frac{-1}{4} \cdot \frac{1}{2} = \frac{-1}{4} \cdot \frac{2}{4} = \frac{-2}{16}$.

C. $\frac{-1}{4} \cdot \frac{1}{2} = \frac{-0}{8}$.

D. $\frac{-1}{4} \cdot \frac{1}{2} = \frac{-1}{8}$.

Câu 5: (VDT) Tính hợp lý biểu thức $\frac{2}{11} - \frac{3}{8} + \frac{4}{11} - \frac{6}{11} - \frac{5}{8}$ được kết quả là

A. $\frac{2}{11}$.

B. $\frac{-9}{11}$.

C. -1 .

D. 1 .

Câu 6: (NB) Phân số thập phân $\frac{-7}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là

A. $0,07$.

B. $-0,07$.

C. $0,7$.

D. $-0,7$.

Câu 7: (NB) Số đối của số thập phân $8,92$ là

A. $-8,92$.

B. $2,98$.

C. $8,92$.

D. $-2,98$.

Câu 8: (TH) So sánh $a = -1,7$ và $b = -5,2$

B. $a > b$.

B. $a \geq b$.

C. $a < b$.

D. $a = b$.

Câu 9: (VDT) Kết quả của phép tính $(-0,346) + (-12,78)$ là

A. $-13,164$.

B. $-12,434$.

C. $-12,162$.

D. $-13,126$.

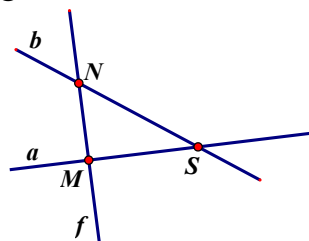
Câu 10: (TH) Một hộp bút màu có nhiều màu: màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu đen, màu hồng, màu cam. Hỏi nếu rút bất kỳ một cây bút màu thì có thể xảy ra mấy kết quả?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 11: (TH) Trong một trò chơi, Xuân được chọn làm người may mắn để rút thăm trúng thưởng. Gồm 4 loại thăm: hai hộp bút màu, hai bức tranh, một đôi giày và một cái bàn. Xuân rất thích phần thưởng là đôi giày. Hỏi có chắc chắn Xuân rút thăm trúng phần thưởng đôi giày hay không?

- A. Chắc chắn B. Rất chắc chắn
B. Không trúng thưởng D. Không chắc chắn

Câu 12: (NB) Đường thẳng a chứa những điểm nào?



- A. M, N B. M, S C. N, S D. M, N, S

Câu 13: (NB) Điểm thuộc đoạn thẳng MB là?

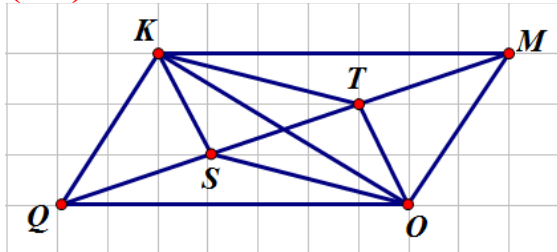


- A. A B. C C. D D. E

Câu 14: (NB) Khẳng định nào sau đây là **sai** ?

- A. Góc nhọn nhỏ hơn góc vuông. B. Góc tù lớn hơn góc nhọn.
C. Góc tù nhỏ hơn góc bẹt. D. Góc vuông là góc lớn nhất.

Câu 15: (NB) Cho hình vẽ bên. Có bao nhiêu cặp đường thẳng song song?



- A. 4 B. 3 C. 5 D. 6

Câu 16: (NB) Cho hai điểm A và B thuộc tia Oz và $OA = 4cm; OB = 8cm$ thì.

- A. O là trung điểm của đoạn thẳng AB .
B. A là trung điểm của đoạn thẳng OB .
C. B là trung điểm của đoạn thẳng OA .
D. Không có đoạn thẳng nào có trung điểm.

Câu 17. (NB) Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh lớp 6C sử dụng các phương tiện khác nhau để đến trường

Đi bộ	★★★★★
Xe đạp điện	★★★★
Xe đạp	★★★★★★
Phương tiện khác	★★★

(Mỗi ★ ứng với 2 học sinh)

Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết: có bao nhiêu học sinh đi bộ đến trường ?

- A. 5 . B. 10 . C. 6 . D. 12 .

Câu 18. (TH) Bạn Nam gieo một con xúc xắc 20 lần liên tiếp thì thấy mặt 1 chấm xuất hiện 4 lần. Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là:

- A. $\frac{1}{20}$. B. $\frac{1}{5}$. C. $\frac{6}{20}$. D. $\frac{6}{23}$.

Câu 19: (NB) Cho hình vẽ: Có bao nhiêu tia gốc A trong hình vẽ đã cho :

- A. 1 C. 3
B. 2 D. 4

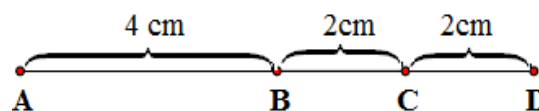


Câu 20: (TH) So sánh $a = \frac{2}{7}$ và $b = \frac{5}{3}$

- C. $a > b$. B. $a \geq b$. C. $a < b$. D. $a = b$.

Câu 21: (NB) Xem hình 4 :

- A. Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AB.
B. Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng BD.
C. Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng AD.
D. Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng AC.



Hình 4

Câu 22: (NB) Hình gồm hai tia chung gốc Ox, Oy được gọi là:

- A. Góc xOy. B. Góc Oxy. C. Góc xyO. D. Góc bẹt.

Câu 23: (NB) Góc nhọn là góc :

- A. Lớn hơn góc tù. B. Nhỏ hơn góc vuông.
C. Có số đo bằng 90° . D. Có số đo 180° .

Câu 24: (NB) Cho biểu đồ tranh ở Hình 3 :

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	
Chuối	
Dứa hấu	
Cam	
Bưởi	

 = 10 học sinh;  = 5 học sinh
 Hình 3

Số học sinh (HS) yêu thích Cam là:

- A. 50 HS. B. 55 HS. C. 40 HS. D. 45 HS.

Câu 25: (TH) Bạn Nam gieo một con xúc xắc ^{20} lần liên tiếp thì thấy mặt 3 chấm xuất hiện 6 lần. Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 3 chấm là:

- A. $\frac{1}{20}$ B. $\frac{1}{5}$ C. $\frac{3}{10}$ D. $\frac{6}{23}$

Câu 26: (TH) So sánh $a = 399,99$ và $b = 400,01$

- A. $a > b$. B. $a \geq b$. C. $a < b$. D. $a = b$.

Câu 27: (NB) Hỗn số $5\frac{2}{3}$ được viết dưới dạng phân số ?

- A. $\frac{3}{17}$ B. $\frac{17}{3}$ C. $\frac{5}{3}$ D. $\frac{4}{3}$

Câu 28: (NB) Phân số $\frac{20}{-140}$ được rút gọn đến tối giản là:

- A. $\frac{10}{-70}$ B. $\frac{-1}{7}$ C. $\frac{4}{-28}$ D. $\frac{2}{-14}$

II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

(VDT) (1,0 đ) Tìm x

Câu 29:

a)

$$x + 3,12 = 14,6 - 8,5$$

b)

$$2x - 5,2 = 19,4$$

Câu 30: (TH) (1,0 đ) Điểm O là một điểm thuộc đường thẳng xy. Vẽ điểm A thuộc tia Ox, vẽ điểm B và C thuộc tia Oy sao cho B nằm giữa O và C.

- a) Trên hình có bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên các đoạn thẳng đó.
 b) Kể tên hai tia đối nhau gốc B.

c) Hai tia AB và BC có trùng nhau không? Vì sao?

Câu 31: (VDC) (1,0 đ) Một buổi học của nhà trường có thời gian 4 giờ 20 phút, trong đó $\frac{7}{52}$ thời gian là thời gian nghỉ giải lao. Hỏi thời gian giải lao (tính theo phút) trong một buổi học là bao nhiêu? Nếu mỗi tiết học kéo dài 45 phút thì có mấy tiết học?

----- Hết -----

ĐỀ 13	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	---

Câu I: (2 điểm)

- 1) Rút gọn phân số $\frac{-12}{15}$
- 2) Tìm số đối của $\frac{4}{9}$; $\frac{-5}{7}$
- 3) Viết hỗn số $3\frac{2}{7}$ dưới dạng phân số.
- 4) So sánh $\frac{-3}{5}$ và $\frac{-2}{5}$

Câu II: (2 điểm)

- 1) Sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự tăng dần: -3,99; 0,66; 0,6; -3,9
- 2) Viết phân số $\frac{2}{5}$ và số thập phân 0,43 về dạng %.
- 3) Làm tròn các số sau đến chữ số thập phân thứ nhất: 3,4625; -0,731
- 4) Tính tỉ số phần trăm của 3 và 4

Câu III: (2 điểm)

1)Thực hiện phép tính:

a) $\frac{3}{7} + \frac{4}{7}$ b) $\frac{5}{4} - \frac{2}{3}$

2) Tính nhanh: $\frac{2021}{2022} \cdot \frac{3}{5} + \frac{2021}{2022} \cdot \frac{2}{5}$

3) Một quyển sách có giá 48000 đồng. Tìm giá mới của quyển sách sau khi giảm giá 25%?

Câu IV: (1 điểm) Khi gieo một con xúc xắc 4 mặt 50 lần ta được bảng kết quả sau:

Số xuất hiện	1	2	3	4
Số lần	14	12	15	9

Hãy tính xác suất thực nghiệm để:

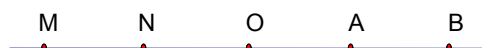
- 1) Gieo được mặt số 4
- 2) Gieo được mặt có số chẵn

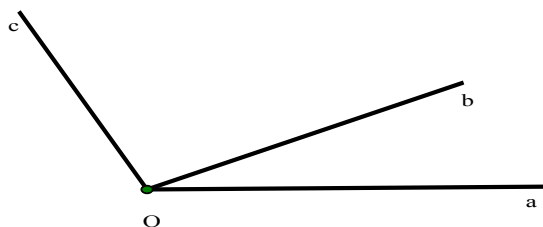
Câu V: (3 điểm)

1) Cho các điểm M; N; O; A; B như hình vẽ bên.

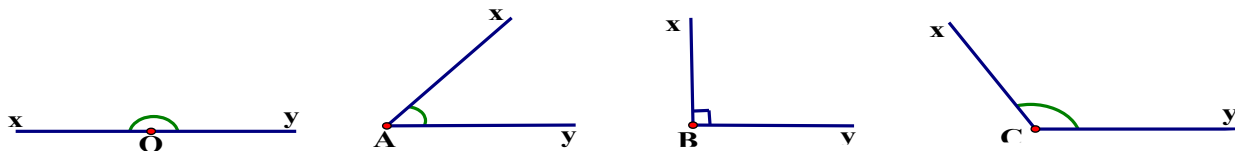
Biết OA=5cm; OB=10cm; ON=5cm; MN=5cm

- a) Điểm N là trung điểm của đoạn thẳng nào?
 - b) Điểm O là trung điểm của các đoạn thẳng nào?
- 2) Hình vẽ bên dưới có mấy góc? Kể tên?





3) Cho hình vẽ bên dưới. Hãy viết tên góc nhọn và góc vuông.



--- Hết ---

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

.....
HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ 1

(gồm có: 02 trang)

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

Năm học:

Môn kiểm tra : TOÁN – LỚP 6

Đáp án và thang điểm

Câu	Lời giải	Điểm
Câu I (2đ)	1) $\frac{-12}{15} = \frac{-4}{5}$	0,5
	2) Số đối của $\frac{4}{9}$ là $-\frac{4}{9}$	0,25
	Số đối của $\frac{-5}{7}$ là $\frac{5}{7}$	0,25
	3) $3\frac{2}{7} = \frac{23}{7}$	0,5
	4) Vì $-3 < -2$ nên $\frac{-3}{5} < \frac{-2}{5}$	0,5
Câu II (2đ)	1) -3,99 ; -3,9 ; 0,6 ; 0,66	0,5
	2) $\frac{2}{5} = \frac{40}{100} = 40\%$; $0,43 = 43\%$	0,25-0,25
	3) $3,4625 \approx 3,5$	0,25
	$-0,731 \approx -0,7$	0,25
	4) Tỉ số phần trăm của 3 và 4 là : $\frac{3.100}{4} \% = 75\%$	0,5
Câu III (2đ)	1)	0,5

	<p>a) $\frac{3}{7} + \frac{4}{7} = \frac{7}{7} = 1$</p> <p>b) $\frac{5}{4} - \frac{2}{3} = \frac{15}{12} - \frac{8}{12} = \frac{7}{12}$</p>	0,5
	2) $\frac{2021}{2022} \cdot \frac{3}{5} + \frac{2021}{2022} \cdot \frac{2}{5} = \frac{2021}{2022} \cdot \left(\frac{3}{5} + \frac{2}{5} \right) = \frac{2021}{2022} \cdot 1 = \frac{2021}{2022}$	0,5
	3) Ta có: $100\% - 25\% = 75\%$ Giá mới của quyển sách là: $48000 \cdot 75\% = 36000$ (đồng)	0,25 0,25
Câu IV (1đ)	1) Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt số 4 là: $\frac{9}{50} = 0,18$	0,5
	2) Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chẵn là $\frac{12+9}{50} = \frac{21}{50} = 0,42$	0,5
Câu V (3đ)	1) a) Điểm N là trung điểm của đoạn thẳng MO b) Điểm O là trung điểm của các đoạn thẳng NA và MB	0,5 0,5
	2) Hình vẽ có 3 góc, là: $\hat{aOb}$; $\hat{bOc}$; $\hat{aOc}$	0,25 - 0,75
	3) Góc nhọn là: $\hat{xAy}$	0,5
	Góc vuông là: $\hat{xBy}$	0,5

*Ghi chú: Học sinh có lời giải khác, lập luận chặt chẽ được điểm tối đa.

ĐỀ 14	<p>ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i></p>
--------------	--

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm).

Câu 1: Trong các phân số sau $\frac{2}{-4}$; $\frac{-6}{-3}$; $\frac{-50}{6}$; $\frac{1}{8}$ phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{2}{-4}$; B. $\frac{-6}{-3}$ C. $\frac{-50}{6}$ D. $\frac{1}{8}$

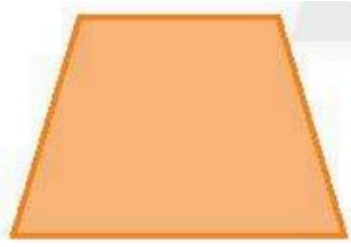
Câu 2. Phân số nào dưới đây được viết dưới dạng phân số thập phân:

- A. $\frac{17}{210}$. B. $\frac{7}{10000}$. C. $\frac{100}{32}$. D. $\frac{10^3}{15}$.

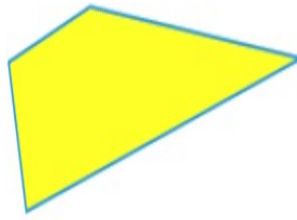
Câu 3. Kết quả làm tròn số 21,291 đến hàng phần mười là:

- A. $21,291 \approx 22,3$. B. $21,291 \approx 21,2$. C. $21,291 \approx 21,39$. D. $21,291 \approx 21,3$.

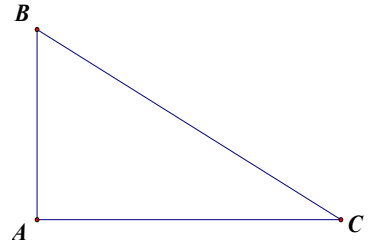
Câu 4. Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng.



Hình a



Hình b



Hình c

A. Hình a.

B. Hình b.

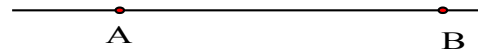
C. Hình c.

D. Không có hình nào.

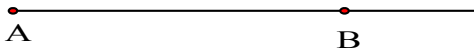
Câu 5. Cho hình vẽ dưới đây . Hình nào cho ta hình vẽ của đường thẳng:



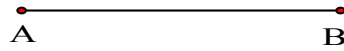
Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

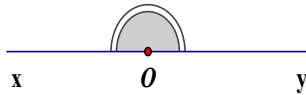
A. Hình b.

B. Hình a.

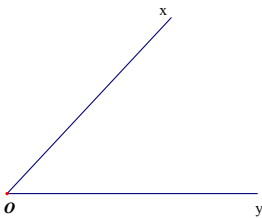
C. Hình d.

D. Hình c.

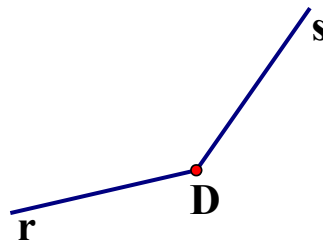
Câu 6. Hình vẽ nào dưới đây cho ta hình của một góc nhọn:



Hình 1



Hình 2



Hình 3

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 2 và hình 3

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{3}{4} + \frac{2}{3}$; b) $\frac{2}{5} : \frac{3}{7}$

Câu 2 (1,5 điểm)

1) Tìm số đối của số thập phân sau: $3,47$.

2) Tìm x biết : $x - 0,23 = 12,7$.

3) Tính nhanh: $\frac{1}{10} \cdot \frac{4}{7} + \frac{1}{10} \cdot \frac{3}{7}$

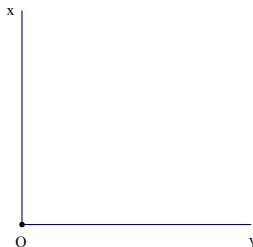
Câu 3 (1,0 điểm)

1) Tính tỉ số phần trăm của -2 và 5 .

2) Tìm giá trị phần trăm của 35% của 100000

Câu 4 (1,0 điểm)

1) Sử dụng thước đo độ để xác định số đo của góc xOy trong hình sau.



2) Vẽ đoạn thẳng $AB = 4\text{ cm}$, Vẽ I là trung điểm của đoạn thẳng AB (không nêu cách vẽ).

Câu 5 (2.0 điểm)

1) Học sinh lớp 6A đã trồng được 80 cây trong ba ngày. Ngày thứ nhất trồng được $\frac{2}{5}$ số cây, ngày thứ hai trồng được $\frac{5}{8}$ số cây còn lại. Tính số cây học sinh lớp 6A trồng trong ngày thứ hai.

2) Trong hộp có một số bút xanh và một số bút đỏ. Lấy ngẫu nhiên 1 bút từ hộp, xem màu rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 50 lần, ta được kết quả như sau:

Loại bút	Bút xanh	Bút đỏ
Số lần	32	18

a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút xanh

b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút đỏ

Câu 6 (0,5 điểm). Tính tổng $\frac{3}{2.5} + \frac{3}{5.8} + \frac{3}{8.11} + \frac{3}{11.14} + \frac{3}{14.17} + \frac{3}{17.20}$.

....HẾT....

Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu đúng 0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
D	B	D	A	A	B

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,0 điểm)	a) $\frac{3}{4} + \frac{2}{3} = \frac{9}{12} + \frac{8}{12} = \frac{17}{12}$	0,5
	b) $\frac{2}{5} : \frac{3}{7} = \frac{2}{5} \cdot \frac{7}{3} = \frac{14}{15}$	0,5
Câu 2 (1,5 điểm)	1) Số đối của ^{3,47} là $^{-3,47}$.	0,5
	2) $x - 0,23 = 12,7$ $x = 12,7 + 0,23$ $x = 12,93$	0,25x2
	3) $\frac{1}{10} \cdot \frac{4}{7} + \frac{1}{10} \cdot \frac{3}{7} = \frac{1}{10} \cdot \left(\frac{4}{7} + \frac{3}{7} \right) = \frac{1}{10} \cdot 1 = \frac{1}{10}$	0,25x2
Câu 3 (1,0 điểm)	1) Tỉ số phần trăm của $^{-2}$ và 5 là $\frac{-2}{5} \cdot 100\% = -40\%$	0,25x2
	2) 35% của ^{10000} là: $10000 \cdot \frac{35}{100} = 3500$	0,25x2
Câu 4 (1,0 điểm)	1) HS đo được góc ^{xOy} có số đo bằng $^{90^0}$	0,5
	2) HS vẽ hình chính xác kí hiệu đầy đủ đạt 0,5 (thiếu kí hiệu đạt 0,25)	0,25x2
Câu 5 (2,0 điểm)	1) Số cây trồng được ngày thứ nhất là $80 \cdot \frac{2}{5} = 32$ cây	

	<p>Số cây còn lại $80 - 32 = 48$ cây Số cây trồng được ngày thứ hai là $48 \cdot \frac{5}{8} = 30$ cây</p>	0,5x2
	<p>2) a) Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút xanh</p> $\frac{32}{50} = 0,64$ <p>b) Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được bút đỏ là</p> $\frac{18}{50} = 0,36$	0,5 0,5
Câu 6 (0,5 điểm)	$\frac{3}{2.5} + \frac{3}{5.8} + \frac{3}{8.11} + \frac{3}{11.14} + \frac{3}{14.17} + \frac{3}{17.20}$ $= \frac{1}{2} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{8} + \dots - \frac{1}{20}$ $= \frac{1}{2} - \frac{1}{20} = \frac{9}{20}$	0,5

Ghi chú: Mọi cách làm khác của học sinh nếu đúng vẫn được ghi điểm.

ĐỀ 15	<p>ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i></p>
--------------	--

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm)

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. (NB) Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số ?

- A. $\frac{1,1}{5}$. B. $\frac{4,8}{1,5}$. C. $\frac{7}{0}$. D. $\frac{-4}{13}$.

Câu 2. (TH) Tổng $3 + \frac{1}{2}$ cho ta được hỗn số nào:

- A. $1\frac{1}{2}$. B. $5\frac{1}{2}$. C. $3\frac{1}{2}$. D. $4\frac{1}{2}$.

Câu 3. (TH) $\frac{3}{4}$ bằng

- A. 0,75. B. 0,60. C. 0,7. D. 0,45.

Câu 4. (TH) Số 13,695 khi được làm tròn đến hàng phần trăm có kết quả là:

- A. 13,69 B. 13,6 C. 13,70 D. 14

Câu 5. (NB) Hãy liệt kê các kết quả có thể xảy ra của hoạt động tung 2 đồng xu cùng một lúc.

- A. $X = \{S, N, SS\}$. B. $X = \{S, N\}$. C. $X = \{SS, NN, SN\}$. D. $X = \{SN\}$.

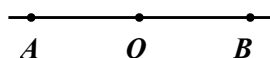
Câu 6. (TH) Trong hộp có 1 bóng xanh và 3 bóng đỏ có kích thước giống nhau. Bạn An lấy ra đồng thời 2 bóng từ hộp. Trong các sự kiện sau, sự kiện nào chắc chắn xảy ra

- A. An lấy ít nhất 1 bóng xanh. B. An lấy 2 bóng xanh.
C. An lấy 2 bóng đỏ. D. An lấy ít nhất 1 bóng đỏ.

Câu 7. (NB) Số đối của số $\frac{-2}{3}$ là

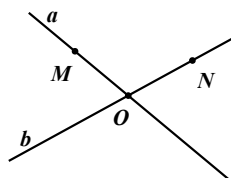
- A. $\frac{-3}{2}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $\frac{2}{3}$ D. $\frac{2}{-3}$.

Câu 8. (NB) Trong hình vẽ. Chọn khẳng định đúng



- A. Hai tia OA và OB đối nhau. B. Hai tia AO và OB đối nhau.
C. Hai tia OA và BO đối nhau. D. Hai tia BA và OB đối nhau.

Câu 9. (NB) Trong hình vẽ. Câu nào dưới đây sai?



- A. Điểm $M \in a$ và $M \notin b$
B. Điểm $N \in b$ và $N \notin a$
C. Điểm $O \in a$ và $O \in b$
D. Điểm $O \in a$ và $O \notin b$

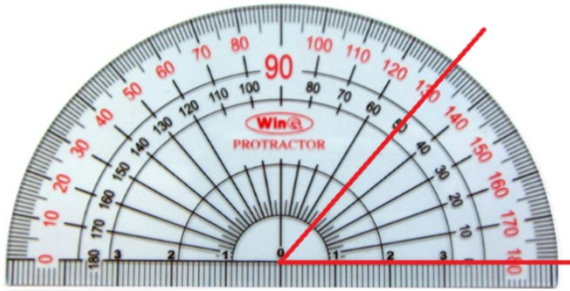
Câu 10. (NB) Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 0

Câu 11. (NB) Trong ba điểm thẳng hàng, có bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm còn lại

- A. Có vô số điểm. B. Có nhiều hơn hai điểm. C. Có duy nhất một điểm. D. Có không quá hai điểm.

Câu 12. (NB) Góc trên hình có số đo bao nhiêu độ



A. 50^0

B. 40^0

C. 60^0

D. 130^0

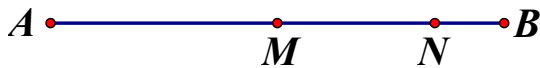
II. TỰ LUẬN : (7,0 điểm)

Câu 1. (TH) (1,0 điểm) So sánh

c) $\frac{5}{9}$ với $\frac{7}{4}$

d) $-0,456$ với $-0,459$

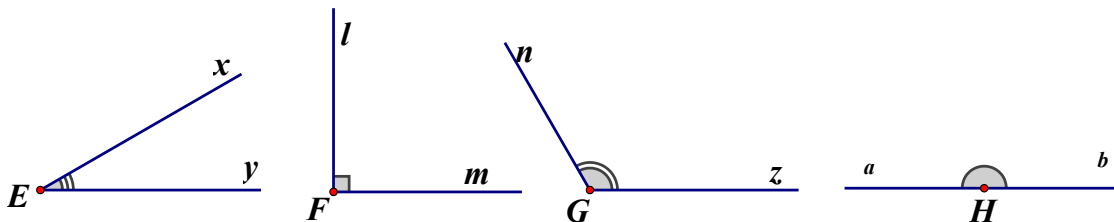
Câu 2. (NB) (1,0 điểm). Cho hình vẽ



c) Trong 3 điểm A, N, B, điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại ?

d) Điểm nào là trung điểm của đoạn AB?

Câu 3. (NB) (1,0 điểm) Cho các hình vẽ:



Trong các góc ở hình vẽ trên, góc nào là góc nhọn, góc tù, góc vuông, góc bẹt?

Câu 4. (VD) (1,5 điểm) Khối 6 trường THCS có tổng cộng 360 học sinh. Trong dịp tổng kết cuối năm, thống kê được số học sinh được đánh giá học tập Tốt là 20% số HS cả khối, số học sinh học tập khá 40% cả khối, số học sinh học tập Đạt là 108 em, còn lại là học sinh có học tập Chưa đạt.

a) Tìm số học sinh mỗi loại.

b) Tính tỉ số % của học sinh có học tập Chưa đạt so với học sinh cả khối.

Câu 5. (VD- VDC) (1,5 điểm). Tính nhanh

a) $\frac{31}{17} + \frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} - \frac{14}{17}$

b) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{5}{7}$

c) $S = \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \frac{2}{7.9} + \dots + \frac{2}{97.99}$

Câu 6. (TH-VD) (1,0 điểm). Gieo 1 con xúc xắc 6 mặt 50 lần ta được kết quả ở bảng sau?

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	6	10	7	8	8	11

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện.

c) Gieo được mặt 2 chấm.

d) Gieo được mặt có số chấm là số lẻ.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	C	A	C	C	D	C	A	D	A	C	A

II. TỰ LUẬN

Câu		Nội dung	Điểm
1	a	$\frac{5}{9} < 1, \frac{7}{4} > 1$ vậy $\frac{5}{9} < \frac{7}{4}$	0,5
	b	$-0,456 > -0,459$	0,5
2	a	Điểm N nằm giữa 2 điểm A, B.	0,5
	b	Điểm M là trung điểm của đoạn AB.	0,5
3		Góc nhọn: góc xEy	0,25
		Góc tù: Góc góc nGz	0,25
		Góc vuông: góc lFm	0,25
		Góc bẹt: góc aHb	0,25
4	a	Số học sinh được đánh giá học tập Tốt là $360.20\% = 72$ (HS)	0,5
		Số học sinh được đánh giá học tập Khá là $360.40\% = 144$ (HS)	0,25
		Số học sinh có học tập Chưa đạt là $360 - (72+144+108) = 36$ (HS)	0,25
4	b	Tỉ số % của học sinh có học tập Chưa đạt so với học sinh cả khối là $\frac{36.100}{360}\% = 10\%$	0,5

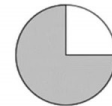
5		$a) \frac{31}{17} + \frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} - \frac{14}{17} = \left(\frac{31}{17} - \frac{14}{17} \right) + \left(\frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} \right)$ $= 1 + (-1) = 0$	0,25
		$b) \frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{5}{7} = \frac{-5}{7} \cdot \left(\frac{2}{11} + \frac{9}{11} \right) + \frac{5}{7}$ $= \frac{-5}{7} \cdot 1 + \frac{5}{7} = 0$	0,25
		$c) S = \frac{2}{3 \cdot 5} + \frac{2}{5 \cdot 7} + \frac{2}{7 \cdot 9} + \dots + \frac{2}{97 \cdot 99}$ $= \frac{1}{3} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{7} + \dots + \frac{1}{97} - \frac{1}{99}$ $= \frac{1}{3} - \frac{1}{99} = \frac{32}{99}$	0,25
			0,25
6	a	Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt 2 chấm trong 50 lần gieo là: $\frac{10}{50} = 0,2$	0,5
	b	Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chấm là số lẻ trong 50 lần gieo là: $\frac{6+7+8}{50} = \frac{21}{50} = 0,42$	0,5

Lưu ý: HS làm theo cách khác vẫn cho trọn điểm

ĐỀ 16	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	--

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất điền vào bảng sau:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án												



Câu 1 (0,25 điểm). Phần không tô màu trong hình biểu diễn phân số nào?

- A. $\frac{4}{-6}$. B. $\frac{-6}{-9}$. C. $\frac{-12}{18}$. D. $\frac{1}{4}$.

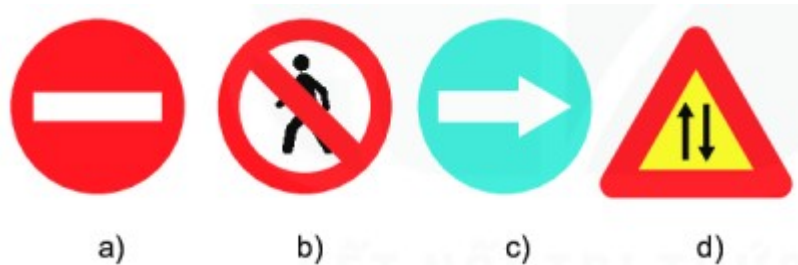
Câu 2 (0,25 điểm). Cho $a = \frac{-6}{-18}$ và $b = \frac{14}{21}$. So sánh a và b ta được kết quả:

- A. $a > b$. B. $a < b$. C. $a = b$. D. $a \geq b$.

Câu 3 (0,25 điểm). Hình chữ nhật có bao nhiêu trục đối xứng?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 4 (0,25 điểm). Trong các loại biển báo sau, biển báo nào có trục đối xứng?



- A. Hình a và Hình c B. Hình a và Hình d C. Hình c và Hình b D. Hình c và Hình d

Câu 5 (0,25 điểm). Tâm đối xứng của hình tròn là:

- A. Tâm của đường tròn B. Một điểm bất kì nằm bên trong đường tròn
C. Một điểm bất kì nằm trên đường tròn D. Một điểm bất kì nằm bên ngoài đường tròn.

Câu 6 (0,25 điểm). Trong các chữ cái sau, những chữ cái nào có tâm đối xứng?

T E C H I N

- A. Chữ H, I, N. B. Chữ T, E, C. C. Chữ E, H, I. D. Tất cả các chữ cái.

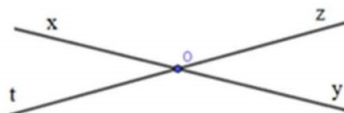
Câu 7 (0,25 điểm). Số đối của số thập phân -1,23 là:

- A. -1,23. B. 1,23. C. -12,3. D. 12,3.

Câu 8 (0,25 điểm). Trong các phép so sánh sau, phép so sánh cho kết quả đúng là?

- A. $-15,345 = -15,432$. B. $-5,5 < -5,6$. C. $3,12 > 4,02$. D. $1,25 > -34,2$.

Câu 9 (0,25 điểm). Trong hình vẽ sau có bao nhiêu tia?



- A. 2. B. 0. C. 1. D. 4.

Câu 10 (0,25 điểm). Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Hình gồm hai điểm A, B cho ta đoạn thẳng AB
B. Hình gồm hai điểm A, B và tất cả các điểm nằm giữa A và B cho ta đoạn thẳng AB
C. Hình gồm hai điểm A, B trên đường thẳng d cho ta đoạn thẳng AB
D. Hình gồm hai điểm A, B trên tia On cho ta đoạn thẳng AB

Câu 11 (0,25 điểm). Liệt kê các kết quả có thể xảy ra khi gieo xúc xắc 6 mặt?

- A. $X = \{1, 2, 3, 4, 5\}$ B. $X = \{1, 2, 3, 4, 5, 6\}$ C. $X = \{1; 2; 3; 4; 5\}$ D. $X = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

Câu 12 (0,25 điểm). Xác suất thực nghiệm của sự kiện A sau n hoạt động vừa thực hiện là $n(A)$ thì n được gọi là:

- A. Tổng số lần thực hiện hoạt động
B. Xác suất thực nghiệm của sự kiện A
C. Số lần sự kiện A xảy ra trong n lần đó
D. Khả năng sự kiện A không xảy ra

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $\frac{1}{2} \cdot \frac{5}{6} + \frac{2}{3} \cdot \frac{3}{4}$

b) $\frac{5}{7} \cdot \frac{5}{11} + \frac{5}{7} \cdot \frac{2}{11} - \frac{5}{7} \cdot \frac{14}{11}$

Câu 2 (1,5 điểm).

a) $\frac{1}{4} - \frac{7}{4}x = 1,75$

b) Lớp 6A có 40 học sinh gồm ba loại: Giỏi, Khá và Trung bình. Số học sinh giỏi bằng $\frac{1}{2}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh còn lại. Tính số học sinh mỗi loại. Tính tỉ số phần trăm số học sinh trung bình và số học sinh cả lớp.

Câu 3 (3 điểm). Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho OA = 4cm, OB = 8cm.

- a) Trong 3 điểm O, A, B điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?
b) Tính độ dài đoạn AB?
c) Điểm A có là trung điểm của đoạn OB không? Vì sao?

Câu 4 (1,5 điểm). Trong hộp có 4 thẻ được đánh số 1, 2, 3, 4. Thảo lấy ra 1 thẻ từ hộp, ghi số rồi trả lại hộp. Lặp lại hoạt động trên 20 lần, Thảo được bảng kết quả như sau:

2	3	2	1	4	4	3	1	3
4	1	1	3	2	4	3	2	1

- a) Thảo lấy được thẻ ghi số 2 bao nhiêu lần?
b) Thảo lấy được thẻ ghi số lẻ bao nhiêu lần?
c) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện: “Thảo lấy được thẻ ghi số nguyên tố”

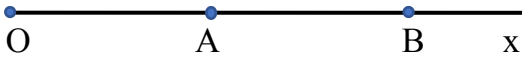
HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	B	B	A	A	A	B	D	D	B	D	C

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
Câu 1: (1,0 điểm)	<p>a) $\frac{1}{2} \cdot \frac{5}{6} + \frac{2}{3} \cdot \frac{3}{4}$</p> <p>$= \frac{5}{12} + \frac{1}{2}$</p>	0,25

	$= \frac{5}{12} + \frac{6}{12}$ $= \frac{11}{12}$	0,25
	$\frac{5}{7} \cdot \frac{5}{11} + \frac{5}{7} \cdot \frac{2}{11} - \frac{5}{7} \cdot \frac{14}{11}$ <p>b)</p> $= \frac{5}{7} \cdot \left(\frac{5}{11} + \frac{2}{11} - \frac{14}{11} \right)$ $= \frac{5}{7} \cdot \left(\frac{-7}{11} \right)$ $= \frac{-5}{11}$	0,25 0,25
Câu 2: (1,5 điểm)	<p>a)</p> $\frac{1}{4} - \frac{7}{4}x = 1,75$ $\frac{1}{4} - \frac{7}{4}x = \frac{175}{100}$ $\frac{1}{4} - \frac{7}{4}x = \frac{7}{4}$ $\frac{7}{4}x = \frac{1}{4} - \frac{7}{4}$ $\frac{7}{4}x = \frac{-6}{4}$ $x = \frac{-6}{4} \cdot \frac{7}{4}$ $x = \frac{-6}{7}$	0,25 0,25
	<p>b) Số học sinh giỏi của lớp 6A là:</p> $40 \cdot \frac{1}{2} = 20 \text{ (bạn)}$ <p>Số học sinh khá của lớp 6A là:</p> $\frac{3}{5} \cdot (40 - 20) = 12 \text{ (bạn)}$ <p>Số học sinh trung bình của lớp 6A là:</p> $40 - 20 - 12 = 8 \text{ (bạn)}$ <p>Tỉ số phần trăm của học sinh trung bình so với học sinh cả lớp là:</p> $\frac{8}{40} \cdot 100 = 20\%$	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 3: (3,0 điểm)	 <p>a) Ta có: Điểm A nằm giữa hai điểm O và B (1)</p> <p>b) Ta có: $OA + AB = OB$ hay $4 + AB = 8$ $\Rightarrow AB = 4 \text{ (cm)}$</p> <p>c) Ta có: $OA = AB (= 4\text{cm})$ (2)</p>	0,5 0,5 0,5 0,5 0,5

	Từ (1) và (2) suy ra: A là trung điểm của đoạn thẳng OB.	0,5
Câu 4: (1,5 điểm)	a) Số lần Thảo lấy được thẻ ghi số 2 trong 20 lần là 5.	0,5
	b) Số lần Thảo lấy được thẻ ghi số lẻ trong 20 lần là 10.	0,5
	c) Ta có trong bốn số 1, 2, 3, 4 có hai số nguyên tố là 2 và 3.	0,25
	Số lần Thảo lấy được thẻ ghi số 2 hoặc số 3 là 10 nên xác suất thực nghiệm của sự kiện Thảo lấy được thẻ ghi số nguyên tố là: $\frac{10}{20} = 0,5$	0,25

Ghi chú: Các cách làm khác đúng cho điểm tối đa tương ứng từng phần.

ĐỀ 17	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	---

I. Phần trắc nghiệm (3 điểm) :

Ghi lại chữ đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1: Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số ?

- A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{0,25}{-3}$ C. $\frac{5}{0}$ D. $\frac{5\%}{7}$

Câu 2: Hãy chọn cách so sánh đúng ?

- A. $\frac{-2}{4} < \frac{-3}{4}$ C. $\frac{1}{4} < \frac{-3}{4}$
 B. $\frac{-8}{10} < \frac{-3}{5}$ D. $\frac{-2}{12} < \frac{-5}{6}$

Câu 3: Trong các số sau, số nào là số thập phân âm ?

- A. 75 B. -75 C. -7,5 D. 7,5

Câu 4: Phân số $\frac{-31}{5}$ được viết dưới dạng số thập phân?

- A. -31,5 B. 3,3 C. -6,2 D. -3,1

Câu 5: Số 3,148 được làm tròn đến hàng phần mười?

- A. 3,3 B. 3,1 C. 3,2 D. 3,5

Câu 6: Cho hai dãy dữ liệu:

(1) Số học sinh các lớp 7 của trường:

50 45 47 48 46 43 44

(2) Tên các con vật nuôi yêu thích trong gia đình:

Con chó, con mèo, con chim, con sâu, con gà, con lợn, con bò

Trong các dữ liệu trên, dãy nào là số liệu?

- A. Dây (1) B. Dây (2) C. Cả 2 dây (1) và (2) D. Không có dây nào là số liệu.

Câu 7: Khi tung đồng xu 50 lần liên tiếp, có 24 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là:

- A. $\frac{24}{50}$ B. $\frac{50}{24}$ C. $\frac{26}{50}$ D. $\frac{50}{24}$

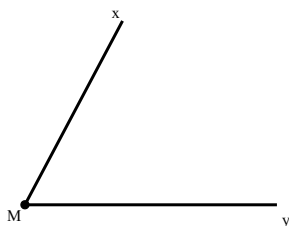
Câu 8: Giá niêm yết 1 chiếc áo là 150 nghìn đồng. Trong chương trình khuyến mại, mặt hàng này được giảm giá 10%, Như vậy, sau khi giảm giá chiếc áo có giá bao nhiêu tiền?

- A. 15 nghìn đồng B. 100 nghìn đồng C. 120 nghìn đồng D. 135 nghìn đồng

Câu 9: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào là khẳng định **sai** ?

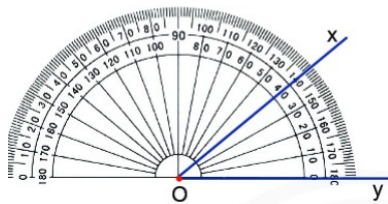
- A. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng không có điểm chung.
B. Hai đường thẳng cắt nhau có đúng một điểm chung.
C. Hai đường thẳng phân biệt là hai đường thẳng cắt nhau
D. Hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau là hai đường thẳng phân biệt.

Câu 10: Viết tên (cách viết kí hiệu) của góc trong hình vẽ sau:



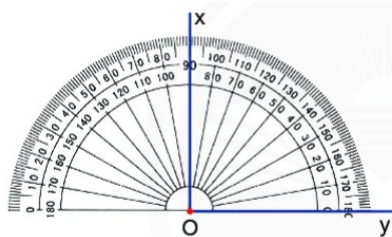
- A. xMy B. $\sphericalangle My$ C. $\sphericalangle Myx$ D. $\sphericalangle Mxy$

Câu 11: Cho hình vẽ sau, góc $\sphericalangle xOy$ có số đo bằng bao nhiêu ?



- A. 140^0 B. 40^0 C. 145^0 D. 45^0

Câu 12: Góc $\sphericalangle xOy$ ở hình dưới đây là góc gì?



- A. Góc bẹt B. Góc vuông C. Góc nhọn D. Góc tù

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức (hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{1}{12} + \frac{3}{4} - \frac{5}{8}$

b) $7,63 \cdot 21,15 + 7,63 \cdot (-121,15)$

Câu 2: (1 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{12}{13} = \frac{1}{13}$

b) $(2,8x - 32) : 1\frac{2}{3} = -30$

Câu 3: (1,5 điểm) Đề hỗ trợ nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phòng, chống dịch Covid-19, huyện A quyên

góp được 72 tấn rau. Biết rằng số tấn rau huyện B quyên góp được bằng $\frac{5}{6}$ số tấn rau của huyện A và bằng $\frac{4}{5}$ số tấn rau của huyện C.

a) Hỏi cả ba huyện đã quyên góp được bao nhiêu tấn rau ?

b) Tính tỉ số phần trăm số rau ở huyện A so với huyện B ?

Câu 4: (1,5 điểm) Một hộp có 5 chiếc thẻ cùng loại được đánh số 1;2;3;4;5.

a) Bạn Nam rút ngẫu nhiên 1 chiếc thẻ từ hộp. Liệt kê tất cả các kết quả có thể từ thí nghiệm này.

b) Sau 20 lần rút thẻ liên tiếp bạn Nam ghi lại kết quả như sau:

2	3	4	1	2	5	4	3	1	3
4	5	2	2	3	5	1	4	2	4

Tính xác suất thực nghiệm bạn Nam rút được thẻ ghi số lớn hơn 3.

Câu 5: (1,5 điểm) Cho tia Ax lấy hai điểm B,C sao cho AB = 3 cm, AC = 7 cm.

a) Tính độ dài đoạn BC ?

b) Trên tia đối của tia Ax lấy điểm D sao cho AD = 3cm. Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng BD không? Vì sao ?

Câu 6: (0,5 điểm) Tìm các số nguyên n để phân số sau có giá trị nguyên: $\frac{n-5}{n-3}$

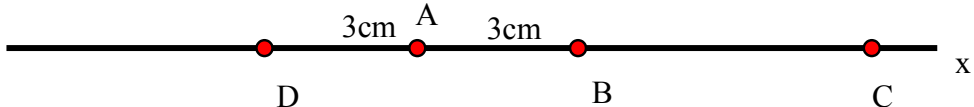
Đáp án chấm:

I. Trắc nghiệm: Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	C	C	B	D	C	D	C	B	B	B

II. Tự luận:

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1đ)	a) $\frac{2}{24} + \frac{18}{24} - \frac{15}{24} = \frac{5}{24}$ b) 7,63. (21,15- 121,15)= 7,63. (-100)= -763	0,5đ 0,5đ
2 (1đ)	a. $x = \frac{1}{13} + \frac{12}{13} = 1$	0,5đ
	$2,8x - 32 = -30. \frac{5}{3} = -50$ $\frac{28}{10}x = -50 + 32 = -18$ b. $x \in x = -18 : \frac{28}{10} = \frac{-45}{7}$	0,5đ
3 (1,5 điểm)	a) Số rau huyện B là: $72. \frac{5}{6} = 60$ Số rau huyện C là: $72 : \frac{4}{5} = 75$	1đ
	c) Tỉ số phần trăm số rau ở huyện A so với huyện B là: $72:75. 100\% = 96\%$	0,5
4 (1,5 điểm)	a) Kết quả có thể: 1;2;3;4;5	0,5đ
	b) Số lần rút được thẻ lớn hơn 3 là: 8 lần Xác suất thực nghiệm bạn Nam rút được thẻ ghi số lớn hơn 3 là: $\frac{8}{20} = \frac{2}{5}$	1 điểm
5 (1,5 điểm)	Hình 	0,5đ
	a) Ta có $AB + BC = AC$ $3 + BC = 7$ $BC = 7 - 3 = 4\text{cm}$	0,5 đ
	b) Vì A nằm giữa hai điểm D và B ; $AD = AB$ nên A là trung điểm của đoạn thẳng DB.	0,5 đ
6 (0,5 điểm)	$\frac{n-5}{n-3}$ có giá trị nguyên khi $(n-5) : (n-3)$ hay $[n-3+3-5] : (n-3)$ $[(n-3)+(3-5)] : (n-3)$ $[(n-3)+(-2)] : (n-3)$	0,5 đ

<p>Vì $(n-3) \vdots (n-3)$. Suy ra $-2 \vdots (n-3) \Rightarrow n-3 \in U(-2)$</p> <p>$U(-2) = \{-1; 1; -2; 2\}$</p> <p>Tìm được $n \in \{2; 4; 1; 5\}$</p>	
---	--

ĐỀ 18	<p>ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II</p> <p>MÔN: TOÁN 6</p> <p><i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i></p>
--------------	--

$$\frac{6,08}{3}; \frac{3}{-1,29}; \frac{-4}{7}; \frac{0,25}{1}$$

Câu 1: (0,5 điểm) Tìm phân số trong các số sau:

Hãy cho biết tử và mẫu của phân số đó?

Câu 2: (2,0 điểm)

$$-2022; 9,99.$$

a) Tìm số đối của

b) Làm tròn số $23,146$ đến chữ số thập phân thứ nhất và chữ số thập phân thứ hai.

c) Hãy sắp xếp nhiệt độ nóng chảy của các kim loại sau theo thứ tự từ thấp đến cao:

Kim loại	Nhiệt độ nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$)
Nhôm	660,32
Vàng	1064,18
Thủy ngân	-38,83
Sắt	1538

Câu 3: (2,5 điểm) Tính giá trị của mỗi biểu thức sau (theo cách hợp lí):

a) $A = \left(\frac{-12}{5} + \frac{2}{5} \right) + 3$

b) $B = \frac{-9}{13} \cdot \frac{5}{18} \cdot \frac{13}{-9}$

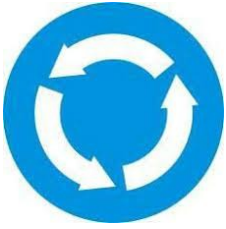
c) $C = (-12,3) + 4,7 + 12,3 + 5,3$

Câu 4: (1,5 điểm)

a) Tính tỉ số của hai thanh gỗ có chiều dài 12 dm và 15 dm .

b) Lớp 6A có tổng số 40 bạn, số học sinh giỏi là 8 bạn, học sinh khá là 14 bạn, còn lại là học sinh trung bình. Tính tỉ số phần trăm học sinh giỏi, khá, trung bình của lớp?

Câu 5: (0,5 điểm) Trong các biểu báo giao thông sau, biểu báo nào vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng?



a) Nơi giao nhau
chạy theo vòng
xuyến



b) Cấm đi ngược
chiều

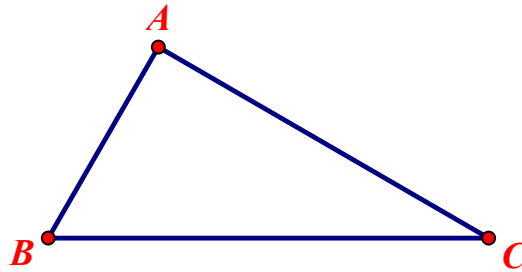


c) Hướng đi thẳng
phải theo



d) Biển báo cấm
rẽ trái

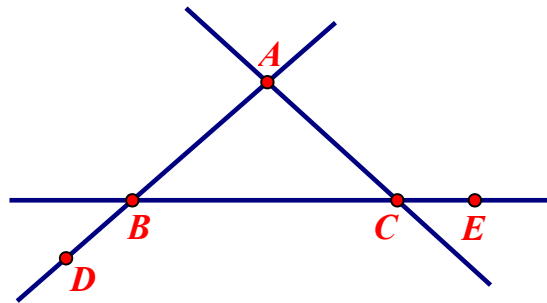
Câu 6: (1,0 điểm) Cho hình vẽ sau:



a) Hãy nêu tên đỉnh, cạnh của góc $\angle ABC$?

b) Cho biết số đo góc tại đỉnh A và cho biết góc đó thuộc loại góc đặc biệt nào?

Câu 7: (1,0 điểm) Cho hình vẽ sau:



Hãy kể tên hai bộ ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ trên.

Câu 8: (0,5 điểm) Cho I là trung điểm của đoạn thẳng AB , biết $AB = 7 \text{ cm}$.

Tính độ dài đoạn thẳng IA và IB .

Câu 9: (0,5 điểm) Một hộp đựng bốn viên bi gồm hai viên bi màu xanh và hai viên bi màu đỏ. Bạn Minh thí nghiệm lấy ngẫu nhiên cùng lúc hai viên bi (không nhìn vào hộp), thực hiện trong 50 lần được kết quả dưới đây, nhưng bạn quên không ghi số lần xuất hiện cả hai viên bi màu xanh:

Sự kiện	Lấy cả hai viên bi	Lấy được một viên màu	Lấy được cả hai viên
---------	--------------------	-----------------------	----------------------

	đỏ	xanh và một viên màu đỏ	bi màu xanh
Số lần	11	26	?

- a) Hãy tìm số lần bạn Minh lấy được cả 2 viên bi màu xanh.
- b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được một viên bi màu xanh và một viên bi màu đỏ.

— HẾT —

Họ và tên thí sinh _____ Số báo danh _____

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA MÔN: TOÁN LỚP 6

Hướng dẫn chấm gồm có 04 trang

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Nếu học sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng, chính xác, chặt chẽ thì cho đủ số điểm của câu đó.
- Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải đảm bảo không làm sai lệch hướng dẫn chấm và phải được thực hiện trong tổ chấm.

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Câu 1. (0,5 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
Phân số $\frac{-4}{7}$	0,25
Tử: -4	0,25
Mẫu: 7	

Câu 2. (2,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
a) Số đối của -2022 là 2022	0,25
Số đối của 9,99 là -9,99	0,25
b) $23,146 \approx 23,1$	0,25
$23,146 \approx 23,15$	0,25

c) Ta có: $-38,83 < 660,32 < 1064,18 < 1538$	0,5
Vậy nhiệt độ nóng chảy của kim loại theo thứ tự từ thấp đến cao là Thủy ngân, Nhôm, Vàng, Sắt.	0,5

Câu 3. (2,5 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
a) $A = \left(\frac{-12}{5} + \frac{2}{5} \right) + 3 = \frac{-10}{5} + 3$	0,25
$= -2 + 3$	0,25
$= 1$	0,25
b) $B = \frac{-9}{13} \cdot \frac{5}{18} \cdot \frac{13}{-9}$	
$= \left(\frac{-9}{13} \cdot \frac{13}{-9} \right) \cdot \frac{5}{18}$	0,25
$= 1 \cdot \frac{5}{18}$	0,25
$= \frac{5}{18}$	0,25
c) $C = (-12,3) + 4,7 + 12,3 + 5,3$	
$= [(-12,3) + 12,3] + (4,7 + 5,3)$	0,5
$= 0 + 10$	0,25
$= 10$	0,25

Câu 4. (1,5 điểm)

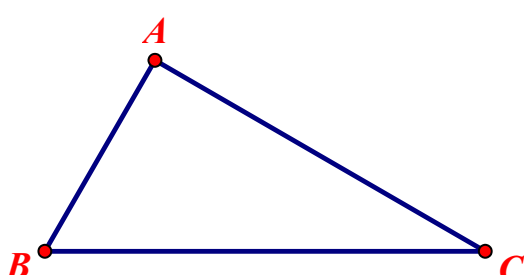
NỘI DUNG	ĐIỂM
a) Tỉ số của hai thanh gỗ là $12 : 15 = \frac{4}{5}$	0,5
b) Tỉ số phần trăm học sinh giỏi là $\left(\frac{8.100}{40} \right) \% = 20\%$	0,25
Tỉ số phần trăm học sinh khá là $\left(\frac{14.100}{40} \right) \% = 35\%$	0,25

Tỉ số phần trăm học sinh trung bình là $100\% - (20\% + 35\%) = 45\%$	0,25
Vậy học sinh giỏi chiếm 20%, học sinh khá chiếm 35%, học sinh trung bình chiếm 45%.	0,25

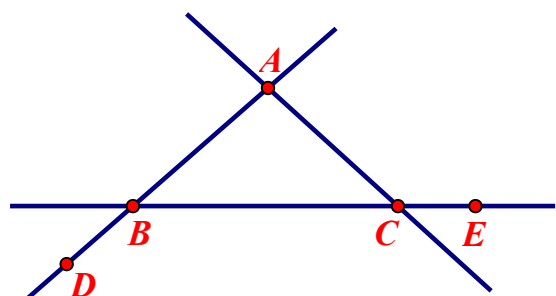
Câu 5. (0,5 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
Biểu báo cấm đi ngược chiều (Hình b) vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.	0,5

Câu 6. (1,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
	
a) Góc $\widehat{ABC}$ có: Đỉnh: B Cạnh: BA, BC	0,25 0,25
b) $\widehat{BAC} = 90^\circ$ Góc $\widehat{BAC}$ là góc vuông.	0,25 0,25

Câu 7. (1,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
	

Hai bộ ba điểm thẳng hàng là $(A, B, D); (B, C, E)$.	0,5 – 0,5
---	-----------

Câu 8. (0,5 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
	
Vì I là trung điểm của đoạn thẳng AB	
Nên I nằm giữa hai điểm A, B và $IA = IB$.	0,25
Vậy $IA = IB = AB : 2 = 7 : 2 = 3,5 \text{ cm}$	0,25

Câu 9. (0,5 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
a) Số lần bạn Minh lấy được cả 2 viên bi màu xanh là $50 - (11 + 26) = 13$ (lần)	0,25
b) Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được một viên bi màu xanh và một viên bi màu đỏ là $26 : 50 = 0,52$	0,25

-- HẾT --

ĐỀ 19	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	--

I. Phần trắc nghiệm (3 điểm) :

Ghi lại chữ đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1: Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số ?

- A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{0,25}{-3}$ C. $\frac{5}{0}$ D. $\frac{5\%}{7}$

Câu 2: Hãy chọn cách so sánh đúng ?

- A. $\frac{-2}{4} < \frac{-3}{4}$ C. $\frac{1}{4} < \frac{-3}{4}$
 B. $\frac{-8}{10} < \frac{-3}{5}$ D. $\frac{-2}{12} < \frac{-5}{6}$

Câu 3: Trong các số sau, số nào là số thập phân âm ?

- A. 75 B. -75 C. -7,5 D. 7,5

Câu 4: Phân số $\frac{-31}{5}$ được viết dưới dạng số thập phân?

A. -31,5

B. 3,3

C. -6,2

D. -3,1

Câu 5: Số 3,148 được làm tròn đến hàng phần mười?

A. 3,3

B. 3,1

C. 3,2

D. 3,5

Câu 6: Cho hai dãy dữ liệu:

(1) Số học sinh các lớp 7 của trường:

50 45 47 48 46 43 44

(2) Tên các con vật nuôi yêu thích trong gia đình:

Con chó, con mèo, con chim, con sâu, con gà, con lợn, con bò

Trong các dữ liệu trên, dãy nào là số liệu?

A. Dãy (1)

B. Dãy (2)

C. Cả 2 dãy (1) và (2)

D. Không có dãy nào là số liệu.

Câu 7: Khi tung đồng xu 50 lần liên tiếp, có 24 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là:

A. $\frac{24}{50}$ B. $\frac{50}{24}$ C. $\frac{26}{50}$ D. $\frac{50}{24}$

Câu 8: Giá niêm yết 1 chiếc áo là 150 nghìn đồng. Trong chương trình khuyến mại, mặt hàng này được giảm giá 10%, Như vậy, sau khi giảm giá chiếc áo có giá bao nhiêu tiền?

A. 15 nghìn đồng

B. 100 nghìn đồng

C. 120 nghìn đồng

D. 135 nghìn đồng

Câu 9: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào là khẳng định **sai** ?

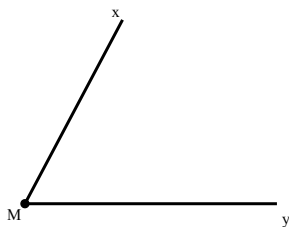
E. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng không có điểm chung.

F. Hai đường thẳng cắt nhau có đúng một điểm chung.

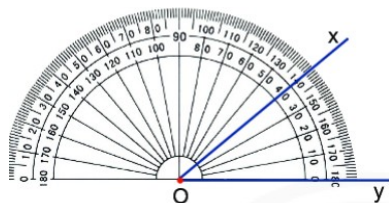
G. Hai đường thẳng phân biệt là hai đường thẳng cắt nhau

H. Hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau là hai đường thẳng phân biệt.

Câu 10: Viết tên (cách viết kí hiệu) của góc trong hình vẽ sau:

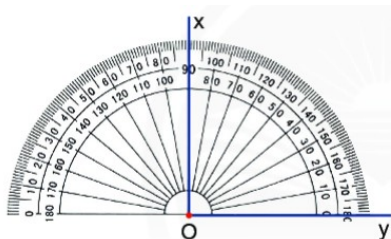
A. $\widehat{xMy}$ B. $\widehat{xMy}$ C. $\widehat{Myx}$ D. $\widehat{Mxy}$

Câu 11: Cho hình vẽ sau, góc $\widehat{xOy}$ có số đo bằng bao nhiêu ?



- A. 140^0 B. 40^0 C. 145^0 D. 45^0

Câu 12: Góc $\widehat{xOy}$ ở hình dưới đây là góc gì?



- A. Góc bẹt B. Góc vuông C. Góc nhọn D. Góc tù

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức (hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{1}{12} + \frac{3}{4} - \frac{5}{8}$

b) $7,63 \cdot 21,15 + 7,63 \cdot (-121,15)$

Câu 2: (1 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{12}{13} = \frac{1}{13}$

b) $(2,8x - 32) : \frac{1}{3} = -30$

Câu 3: (1,5 điểm) Đề hỗ trợ nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phòng, chống dịch Covid-19, huyện A quyên

góp được 72 tấn rau. Biết rằng số tấn rau huyện B quyên góp được bằng $\frac{5}{6}$ số tấn rau của huyện A và bằng $\frac{4}{5}$ số tấn rau của huyện C.

c) Hỏi cả ba huyện đã quyên góp được bao nhiêu tấn rau ?

d) Tính tỉ số phần trăm số rau ở huyện A so với huyện B ?

Câu 4: (1,5 điểm) Một hộp có 5 chiếc thẻ cùng loại được đánh số 1;2;3;4;5.

a) Bạn Nam rút ngẫu nhiên 1 chiếc thẻ từ hộp. Liệt kê tất cả các kết quả có thể từ thí nghiệm này.

b) Sau 20 lần rút thẻ liên tiếp bạn Nam ghi lại kết quả như sau:

2	3	4	1	2	5	4	3	1	3
4	5	2	2	3	5	1	4	2	4

Tính xác suất thực nghiệm bạn Nam rút được thẻ ghi số lớn hơn 3.

Câu 5: (1,5 điểm) Cho tia Ax lấy hai điểm B,C sao cho AB = 3 cm, AC = 7 cm.

a) Tính độ dài đoạn BC ?

b) Trên tia đối của tia Ax lấy điểm D sao cho AD = 3cm. Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng BD không? Vì sao ?

$$\frac{n-5}{n-3}$$

Câu 6: (0,5 điểm) Tìm các số nguyên n để phân số sau có giá trị nguyên:

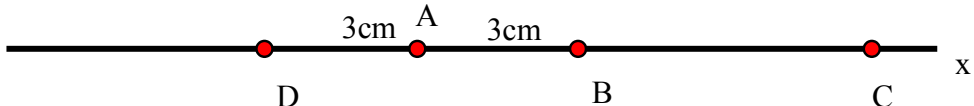
Đáp án chấm:

I. Trắc nghiệm: Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	C	C	B	D	C	D	C	B	B	B

II. Tự luận:

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1đ)	a) $\frac{2}{24} + \frac{18}{24} - \frac{15}{24} = \frac{5}{24}$	0,5đ
	b) 7,63. (21,15- 121,15)= 7,63. (-100)= -763	0,5đ
2 (1đ)	a. $x = \frac{1}{13} + \frac{12}{13} = 1$	0,5đ
	b. $x \in \begin{aligned} 2,8x - 32 &= -30 \cdot \frac{5}{3} = -50 \\ \frac{28}{10}x &= -50 + 32 = -18 \\ x &= -18 : \frac{28}{10} = \frac{-45}{7} \end{aligned}$	0,5đ
3 (1,5 điểm)	a) Số rau huyện B là: $72 \cdot \frac{5}{6} = 60$ Số rau huyện C là: $72 : \frac{4}{5} = 75$	1đ
	c) Tỉ số phần trăm số rau ở huyện A so với huyện B là: $72:75. 100\% = 96\%$	0,5
4 (1,5 điểm)	a) Kết quả có thể: 1;2;3;4;5	0,5đ
	b) Số lần rút được thẻ lớn hơn 3 là: 8 lần Xác suất thực nghiệm bạn Nam rút được thẻ ghi số lớn hơn 3 là: $\frac{8}{20} = \frac{2}{5}$	1 điểm
5 (1,5 điểm)	Hình 	0,5đ
	a) Ta có $AB+BC = AC$	0,5 đ

	$3 + BC = 7$ $BC = 7 - 3 = 4\text{cm}$	
	b) Vì A nằm giữa hai điểm D và B ; $AD = AB$ nên A là trung điểm của đoạn thẳng DB.	0,5 đ
6 (0,5 điểm)	$\frac{n-5}{n-3}$ có giá trị nguyên khi $(n-5) : (n-3)$ hay $[n-3+3-5] : (n-3)$ $[(n-3)+(3-5)] : (n-3)$ $[(n-3)+(-2)] : (n-3)$ Vì $(n-3) : (n-3)$. Suy ra $-2 : (n-3) \Rightarrow n-3 \in U(-2)$ $U(-2) = \{-1; 1; -2; 2\}$ Tìm được $n \in \{2; 4; 1; 5\}$	0,5 đ

ĐỀ 20	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	---

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm).

Câu 1: Trong các số sau, số nào là số thập phân dương ?

- A. $-2,023$ B. $3,023$ C. $-1,34$ D. $-5,3$

Câu 2: Kết quả của phép tính $\frac{-4}{3} : \frac{-3}{4}$ bằng

- A. $\frac{-3}{4}$ B. 1 C. $\frac{16}{9}$ D. -1

Câu 3: Tổng $\frac{5}{6} + \frac{1}{9}$ bằng:

- A. $\frac{6}{15}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{6}{18}$ D. $\frac{17}{18}$

Câu 4: Kết quả của phép tính $\frac{-1}{2} + \frac{3}{2}$ bằng

- A. -4 B. $\frac{1}{2}$ C. -2 D. 1

Câu 5: Phần thập phân của $1,050$ là

- A. 05 B. 50 C. 500 D. 5

Câu 6: Kết quả điều tra số con của một số cặp vợ chồng trong một khu vực được ghi lại ở bảng sau:

1	2	4	1	1	2	1	1	3	2
3	1	1	1	2	2	0	1	2	2

Xác suất thực nghiệm cặp vợ chồng trong khu vực có 2 con là

- A. $\frac{3}{10}$. B. $\frac{3}{20}$. C. $\frac{7}{20}$. D. $\frac{1}{4}$.

Câu 7: Số đường thẳng đi qua hai điểm A, B cho trước là

- A. vô số đường thẳng. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 8: Sắp xếp các phân số $\frac{3}{4}; \frac{4}{5}; \frac{1}{2}$ theo thứ tự tăng dần ta được kết quả là

- A. $\frac{3}{4}; \frac{4}{5}; \frac{1}{2}$. B. $\frac{1}{2}; \frac{3}{4}; \frac{4}{5}$. C. $\frac{3}{4}; \frac{1}{2}; \frac{4}{5}$. D. $\frac{1}{2}; \frac{4}{5}; \frac{3}{4}$.

Câu 9: Số lượng học sinh giỏi tất cả các lớp của một trường THCS được thống kê bằng bảng dưới đây:

Lớp	A	B	C
6	34	19	5
7	29	15	7
8	32	23	16
9	34	27	10

Dựa vào bảng trên, em hãy cho biết khối 6 có tổng số bao nhiêu học sinh giỏi?

- A. 58. B. 81. C. 102. D. 100.

Câu 10: Biểu đồ tranh sau đây biểu thị số học sinh tham gia các câu lạc bộ thể thao của một trường.

SỐ HỌC SINH THAM GIA CÁC CÂU LẠC BỘ THỂ THAO

Câu lạc bộ	Số học sinh
Bóng đá	    
Bơi lội	     
Cầu lông	   
Cờ vua	  

Mỗi  thể hiện 10 học sinh

Dựa vào biểu đồ trên hãy cho biết, trường đó có tất cả bao nhiêu học sinh tham gia các câu lạc bộ thể thao?

- A. 160. B. 60. C. 180. D. 80.

Câu 11: Ta coi kim giờ và kim phút của đồng hồ là hai tia chung gốc. Số đo góc tạo bởi kim giờ và kim phút lúc đồng hồ chỉ đúng 9 giờ là

- A. 150° . B. 60° . C. 90° . D. 30° .

Câu 12: Hoàng liệt kê năm sinh một số thành viên trong tổ để làm bài tập môn Toán 6, được dãy dữ liệu như sau:

1971

2009

2040

1973

Giá trị không hợp lý trong dãy dữ liệu về năm sinh của các thành viên trong gia đình An là:

- A. 2040. B. 1971. C. 2009. D. 1973.

Câu 13: Một đội văn nghệ có $16\frac{3}{4}$ bạn, trong đó $\frac{3}{4}$ số bạn là nữ. Khi đó, số bạn nam và số bạn nữ trong đội văn nghệ lần lượt là

- A. 12 và 4. B. 4 và 12. C. Không tính được. D. 10 và 6.

Câu 14: Lớp 6A có tổng số 32 học sinh, trong đó có 12 học sinh đạt Học sinh xuất sắc. Tỷ số phần trăm số học sinh không đạt Học sinh xuất sắc lớp 6A là

- A. 37,5%. B. 62,5%. C. 75%. D. 55%.

Câu 15: Phân số $\frac{8}{3}$ được viết dưới dạng hỗn số là

- A. $2\frac{2}{3}$. B. $2\frac{3}{2}$. C. $1\frac{2}{3}$. D. $3\frac{1}{3}$.

Câu 16: Cho hai tia Ox và tia Oy đối nhau. Số đo góc xOy bằng

- A. 180° . B. 90° . C. 0° . D. 60° .

Câu 17: Trong hình vẽ dưới đây, các điểm nằm cùng phía với điểm F so với điểm G là



- A. điểm E và điểm G . B. điểm E và điểm A .
C. điểm E , điểm A và điểm G . D. điểm A và điểm G .

Câu 18: Có mấy đoạn thẳng trong hình vẽ dưới đây?



- A. 2 B. 3 C. 4 D. 6

Câu 19: Số đối của phân số $\frac{2}{5}$ là

- A. $\frac{-5}{2}$. B. $\frac{2}{5}$. C. $-\frac{2}{5}$. D. $\frac{5}{2}$.

Câu 20: Số nguyên x trong đẳng thức $\frac{x}{8} = \frac{6}{24}$ là số nào sau đây?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm).

Câu 21 (1,0 điểm). Thực hiện các phép tính sau: $\frac{8}{3} + \frac{4}{3} \cdot \frac{-3}{4}$

Câu 22 (1,0 điểm).

Bạn Lâm gieo một con xúc xắc 100 lần và ghi lại số lần xuất hiện của mặt ghi số chấm như sau:

Mặt ghi số chấm	1	2	3	4	5	6
Số lần xuất hiện	20	18	19	17	10	16

a) Em hãy cho biết số lần xuất hiện của mặt ghi số chấm nào là ít nhất?

b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số lẻ.

Câu 23 (1,0 điểm).

Để phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh Covid –19, ba đội công nhân của một xưởng may đã sản

xuất được tổng số 1500 chiếc khẩu trang trong một ngày. Biết đội thứ nhất sản xuất được $\frac{2}{5}$ tổng số khẩu trang, đội thứ hai sản xuất được 35% tổng số khẩu trang. Hỏi trong một ngày, đội thứ ba sản xuất được bao nhiêu chiếc khẩu trang?

Câu 24 (1,5 điểm). Trên tia Ox , lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 2cm$, $OB = 8cm$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB .

b) Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng AB . Tính độ dài đoạn thẳng OI .

Câu 25 (0,5 điểm). Hãy tính giá trị của các biểu thức sau một cách hợp lí:

$$\frac{5}{14} + \frac{18}{35} + \left(1\frac{1}{4} - \frac{5}{4}\right) : \left(\frac{5}{12}\right)^2$$

B

Hết

PHÒNG GD&ĐT
TRƯỜNG THCS

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Năm học:

Môn: Toán

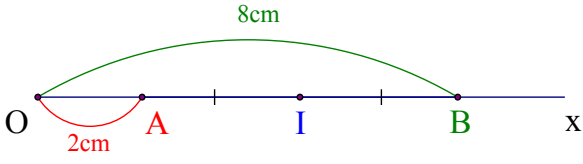
Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp Án	B	C	D	D	A	C	B	B	A	C	C	B	B	A	A	A	B	B	C	B

II. Phần tự luận (5,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn, tóm tắt lời giải	Điểm
Câu 1 (1,0 điểm)	$\frac{8}{3} + \frac{4}{3} \cdot \frac{-3}{4} = \frac{8}{3} + (-1) = \frac{5}{3}$	1
Câu 2 (1,0 điểm)	a) Số lần xuất hiện của mặt ghi 5 chấm là ít nhất. b) Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm chẵn là: $\frac{20+19+10}{100} = 0,49$.	0.5 0.5
Câu 3 (1,0 điểm)	Trong 1 ngày, đội thứ nhất sản xuất được số khẩu trang là: $1500 \cdot \frac{2}{5} = 600$ (chiếc)	0.25
	Trong 1 ngày, đội thứ hai sản xuất được số khẩu trang là: $1500 \cdot \frac{35}{100} = 525$ (chiếc).	0,25
	Trong 1 ngày, đội thứ ba sản xuất được số khẩu trang là:	0.25

Câu	Hướng dẫn, tóm tắt lời giải	Điểm
	$1500 - 600 - 525 = 375$ (chiếc).	
	KL:	0.25
Câu 4 (1,5 điểm)		0.25
	a) HS tính được: $AB = OB - OA = 8 - 2 = 6\text{cm}$.	0.5
	KL	0.25
	b) I là trung điểm của AB suy ra $AI = \frac{AB}{2} = 3\text{cm}$.	0.25
	$OI = OA + AI = 2 + 3 = 5\text{cm}$. KL	0.25
Câu 5 (0,5 điểm)	Ta có: $\frac{5}{14} + \frac{18}{35} + \left(1\frac{1}{4} - \frac{5}{4}\right) : \left(\frac{5}{12}\right)^2 = \frac{5}{14} + \frac{8}{35} + \left(\frac{5}{4} - \frac{5}{4}\right) : \frac{25}{144}$ $= \frac{5}{14} + \frac{8}{35} = \frac{25 + 16}{70} = \frac{41}{70}$ B.	0.25
	Vậy $B = \frac{41}{70}$	0.25
	Tổng điểm	5,0

ĐỀ 21

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. Phần trắc nghiệm (3 điểm) :

Ghi lại chữ đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1: Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số ?

- A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{0,25}{-3}$ C. $\frac{5}{0}$ D. $\frac{5\%}{7}$

Câu 2: Hãy chọn cách so sánh đúng ?

- A. $\frac{-2}{4} < \frac{-3}{4}$ C. $\frac{1}{4} < \frac{-3}{4}$
 B. $\frac{-8}{10} < \frac{-3}{5}$ D. $\frac{-2}{12} < \frac{-5}{6}$

Câu 3: Trong các số sau, số nào là số thập phân âm ?

- A. 75 B. -75 C. -7,5 D. 7,5

Câu 4: Phân số $\frac{-31}{5}$ được viết dưới dạng số thập phân?

- A. -31,5 B. 3,3 C. -6,2 D. -3,1

Câu 5: Số 3,148 được làm tròn đến hàng phần mười?

- A. 3,3 B. 3,1 C. 3,2 D. 3,5

Câu 6: Cho hai dãy dữ liệu:

(1) Số học sinh các lớp 7 của trường:

50 45 47 48 46 43 44

(2) Tên các con vật nuôi yêu thích trong gia đình:

Con chó, con mèo, con chim, con sâu, con gà, con lợn, con bò

Trong các dữ liệu trên, dãy nào là số liệu?

- A. Dãy (1) B. Dãy (2) C. Cả 2 dãy (1) và (2) D. Không có dãy nào là số liệu.

Câu 7: Khi tung đồng xu 50 lần liên tiếp, có 24 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là:

- A. $\frac{24}{50}$ B. $\frac{50}{24}$ C. $\frac{26}{50}$ D. $\frac{50}{24}$

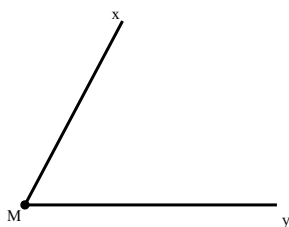
Câu 8: Giá niêm yết 1 chiếc áo là 150 nghìn đồng. Trong chương trình khuyến mại, mặt hàng này được giảm giá 10%, Như vậy, sau khi giảm giá chiếc áo có giá bao nhiêu tiền?

- A. 15 nghìn đồng B. 100 nghìn đồng C. 120 nghìn đồng D. 135 nghìn đồng

Câu 9: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào là khẳng định **sai** ?

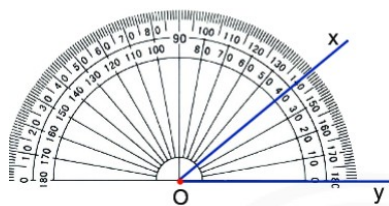
- I. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng không có điểm chung.
J. Hai đường thẳng cắt nhau có đúng một điểm chung.
K. Hai đường thẳng phân biệt là hai đường thẳng cắt nhau
L. Hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau là hai đường thẳng phân biệt.

Câu 10: Viết tên (cách viết kí hiệu) của góc trong hình vẽ sau:



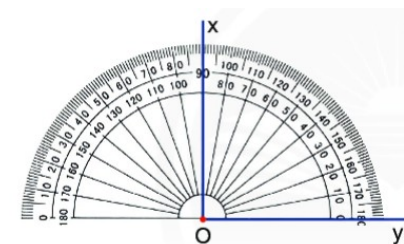
- A. xMy B. $\square xMy$ C. $\square Myx$ D. $\square Mxy$

Câu 11: Cho hình vẽ sau, góc $\angle xOy$ có số đo bằng bao nhiêu ?



- A. 140^0 B. 40^0 C. 145^0 D. 45^0

Câu 12: Góc $\angle xOy$ ở hình dưới đây là góc gì?



- A. Góc bẹt B. Góc vuông C. Góc nhọn D. Góc tù

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức (hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{1}{12} + \frac{3}{4} - \frac{5}{8}$

b) $7,63 \cdot 21,15 + 7,63 \cdot (-121,15)$

Câu 2: (1 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{12}{13} = \frac{1}{13}$

b) $(2,8x - 32) : 1\frac{2}{3} = -30$

Câu 3: (1,5 điểm) Để hỗ trợ nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phòng, chống dịch Covid-19, huyện A quyên

góp được 72 tấn rau. Biết rằng số tấn rau huyện B quyên góp được bằng $\frac{5}{6}$ số tấn rau của huyện A và bằng $\frac{4}{5}$ số tấn rau của huyện C.

e) Hỏi cả ba huyện đã quyên góp được bao nhiêu tấn rau ?

f) Tính tỉ số phần trăm số rau ở huyện A so với huyện B ?

Câu 4: (1,5 điểm) Một hộp có 5 chiếc thẻ cùng loại được đánh số 1;2;3;4;5.

a) Bạn Nam rút ngẫu nhiên 1 chiếc thẻ từ hộp. Liệt kê tất cả các kết quả có thể từ thí nghiệm này.

b) Sau 20 lần rút thẻ liên tiếp bạn Nam ghi lại kết quả như sau:

2	3	4	1	2	5	4	3	1	3
4	5	2	2	3	5	1	4	2	4

Tính xác suất thực nghiệm bạn Nam rút được thẻ ghi số lớn hơn 3.

Câu 5: (1,5 điểm) Cho tia Ax lấy hai điểm B,C sao cho $AB = 3$ cm, $AC = 7$ cm.

a) Tính độ dài đoạn BC ?

b) Trên tia đối của tia Ax lấy điểm D sao cho AD = 3cm. Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng BD không? Vì sao ?

$$\frac{n-5}{n-3}$$

Câu 6: (0,5 điểm) Tìm các số nguyên n để phân số sau có giá trị nguyên: $\frac{n-5}{n-3}$

Đáp án chấm:

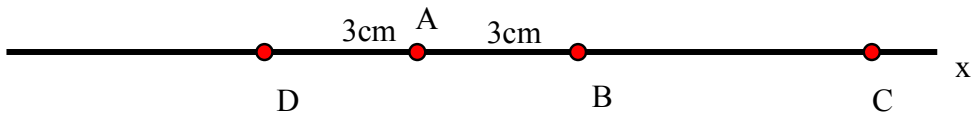
I. Trắc nghiệm: Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	C	C	B	D	C	D	C	B	B	B

II. Tự luận:

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1đ)	a) $\frac{2}{24} + \frac{18}{24} - \frac{15}{24} = \frac{5}{24}$	0,5đ
	b) 7,63. (21,15- 121,15)= 7,63. (-100)= -763	0,5đ
2 (1đ)	a. $x = \frac{1}{13} + \frac{12}{13} = 1$	0,5đ
	$2,8x - 32 = -30, \frac{5}{3} = -50$ $\frac{28}{10}x = -50 + 32 = -18$ b. $x \in \frac{x = -18; \frac{28}{10} = \frac{-45}{7}}$	0,5đ
3 (1,5 điểm)	a) Số rau huyện B là: $72 \cdot \frac{5}{6} = 60$ Số rau huyện C là: $72 : \frac{4}{5} = 75$	1đ
	c) Tỉ số phần trăm số rau ở huyện A so với huyện B là: $72:75. 100\%= 96\%$	0,5
4 (1,5 điểm)	a) Kết quả có thể: 1;2;3;4;5	0,5đ
	b) Số lần rút được thẻ lớn hơn 3 là: 8 lần	1 điểm

	Xác suất thực nghiệm bạn Nam rút được thẻ ghi số lớn hơn 3 là: $\frac{8}{20} = \frac{2}{5}$	
5 (1,5 điểm)	Hình 	0,5đ
	a) Ta có $AB+BC = AC$ $3+BC = 7$ $BC = 7 - 3 = 4\text{cm}$	0,5 đ
	b) Vì A nằm giữa hai điểm D và B ; $AD = AB$ nên A là trung điểm của đoạn thẳng DB.	0,5 đ
6 (0,5 điểm)	$\frac{n-5}{n-3}$ có giá trị nguyên khi $(n-5) \div (n-3)$ hay $[n-3+3-5]:(n-3)$ $[(n-3)+(3-5)]:(n-3)$ $[(n-3)+(-2)]:(n-3)$ Vì $(n-3) \div (n-3)$. Suy ra $-2 \div (n-3) \Rightarrow n-3 \in U(-2)$ $U(-2) = \{-1; 1; -2; 2\}$ Tìm được $n \in \{2; 4; 1; 5\}$	0,5 đ

ĐỀ 22	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	--

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5,0 điểm)

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. (NB) Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số ?

- A. $\frac{1,1}{5}$. B. $\frac{4,8}{1,5}$. C. $\frac{7}{0}$. D. $\frac{-4}{13}$.

Câu 2. (TH) Tổng $3 + \frac{1}{2}$ cho ta được hỗn số nào:

- A. $1\frac{1}{2}$. B. $5\frac{1}{2}$. C. $3\frac{1}{2}$. D. $4\frac{1}{2}$.

Câu 3. (TH) $\frac{3}{4}$ bằng

- A. 0,75. B. 0,60. C. 0,7. D. 0,45.

Câu 4. (TH) Số 13,695 khi được làm tròn đến hàng phần trăm có kết quả là:

- A. 13,69 B. 13,6 C. 13,70 D. 14

Câu 5. (NB) Hãy liệt kê các kết quả có thể xảy ra của hoạt động tung 2 đồng xu cùng một lúc.

- A. $X = \{S, N, SS\}$. B. $X = \{S, N\}$. C. $X = \{SS, NN, SN\}$. D. $X = \{SN\}$.

Câu 6 (TH): Tìm kết quả

A. $0,75 = \frac{75}{100} = \frac{3}{4}$

B. $0,125 = \frac{125}{1000} = \frac{1}{8}$

C. $64\% = \frac{64}{100} = \frac{16}{25}$

D. $0,125 = \frac{12,5}{1000} = \frac{1}{80}$

Câu 7. (TH) Trong hộp có 1 bóng xanh và 3 bóng đỏ có kích thước giống nhau. Bạn An lấy ra đồng thời 2 bóng từ hộp. Trong các sự kiện sau, sự kiện nào chắc chắn xảy ra

- A. An lấy ít nhất 1 bóng xanh. B. An lấy 2 bóng xanh.
C. An lấy 2 bóng đỏ. D. An lấy ít nhất 1 bóng đỏ.

Câu 8. (NB) Số đối của số $\frac{-2}{3}$ là

A. $\frac{-3}{2}$

B. $\frac{3}{2}$

C. $\frac{2}{3}$

D. $\frac{2}{-3}$

Câu 9 (NB): Cặp phân số nào sau đây không có cùng mẫu số?

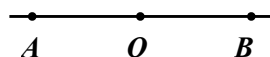
A. $\frac{3}{15}$ và $\frac{9}{15}$.

B. $\frac{3}{15}$ và $\frac{8}{15}$.

C. $\frac{3}{15}$ và $\frac{9}{25}$.

D. $\frac{2}{15}$ và $\frac{9}{15}$.

Câu 10. (NB) Trong hình vẽ. Chọn khẳng định đúng



A. Hai tia OA và OB đối nhau.

B. Hai tia AO và OB đối nhau.

C. Hai tia OA và BO đối nhau.

D. Hai tia BA và OB đối nhau.

Câu 11. [NB] Khả năng mặt sấp xuất hiện khi tung đồng xu là bao nhiêu?

A. 1.

B. 0.

C. $\frac{1}{2}$.

D. $\frac{1}{4}$.

Câu 12 (TH): Số thập phân sau: $0,32$ được đổi ra phần trăm là:

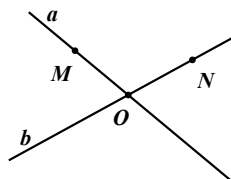
A. 3%.

B. 2%.

C. 32%.

D. 23%.

Câu 13. (NB) Trong hình vẽ. Câu nào dưới đây sai?



- A. Điểm $M \in a$ và $M \notin b$
 B. Điểm $N \in b$ và $N \notin a$
 C. Điểm $O \in a$ và $O \in b$
 D. Điểm $O \in a$ và $O \notin b$

Câu 14. [TH] Khả năng lấy được quả bóng màu đỏ trong hộp kín đựng 3 quả bóng (1 bóng xanh, 1 bóng vàng, 1 bóng đỏ) là bao nhiêu?

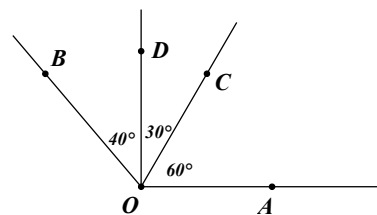
- A. 0. B. 1. C. $\frac{1}{2}$. D. $\frac{1}{3}$.

Câu 15. (NB) Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 0

Câu 16 (NB): Cho góc AOB và tia OC nằm trong góc đó. Vẽ tia OD nằm giữa hai tia OB và OC . Biết $\widehat{AOC} = 60^\circ$; $\widehat{COD} = 30^\circ$; $\widehat{DOB} = 40^\circ$. Hai góc nào phụ nhau?

- A. $\widehat{BOD}$ và $\widehat{COD}$;
 B. $\widehat{AOC}$ và $\widehat{COD}$;
 C. $\widehat{AOC}$ và $\widehat{BOD}$;
 D. $\widehat{AOC}$ và $\widehat{BOC}$.



Câu 17 (NB): Những phân số nào sau đây bằng nhau?

- A. $\frac{3}{5}$ và $\frac{9}{15}$. B. $\frac{3}{5}$ và $\frac{8}{15}$. C. $\frac{3}{5}$ và $\frac{9}{25}$. D. $\frac{2}{5}$ và $\frac{9}{15}$.

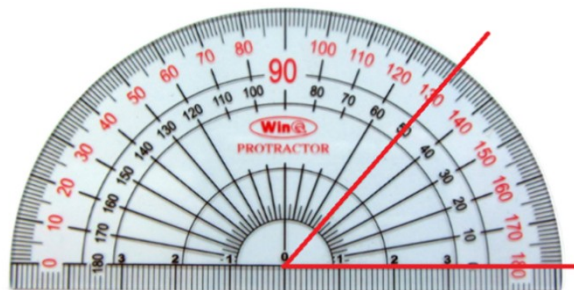
Câu 18. (NB) Trong ba điểm thẳng hàng, có bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm còn lại

- A. Có vô số điểm. B. Có nhiều hơn hai điểm. C. Có duy nhất một điểm. D. Có không quá hai điểm.

Câu 19 (TH): Phân số nào sau đây không tối giản?

- A. $\frac{1}{5}$. B. $\frac{1}{4}$. C. $\frac{3}{6}$. D. $\frac{2}{5}$.

Câu 20. (NB) Góc trên hình có số đo bao nhiêu độ



A. 50^0

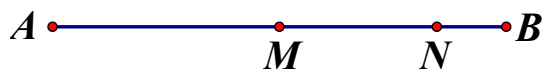
B. 40^0

C. 60^0

D. 130^0

II. TỰ LUẬN : (5,0 điểm)

Câu 1. (NB) (1,0 điểm). Cho hình vẽ



e) Trong 3 điểm A, N, B, điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại ?

f) Điểm nào là trung điểm của đoạn AB?

Câu 2. (VD) (1,5 điểm) Khối 6 trường THCS có tổng cộng 360 học sinh. Trong dịp tổng kết cuối năm, thống kê được số học sinh được đánh giá học tập Tốt là 20% số HS cả khối, số học sinh học tập khá 40% cả khối, số học sinh học tập Đạt là 108 em, còn lại là học sinh có học tập Chưa đạt.

a) Tìm số học sinh mỗi loại.

b) Tính tỉ số % của học sinh có học tập Chưa đạt so với học sinh cả khối.

Câu 3. (VD- VDC) (1,5 điểm). Tính nhanh

a) $\frac{31}{17} + \frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} - \frac{14}{17}$

b) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{5}{7}$

c) $S = \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \frac{2}{7.9} + \dots + \frac{2}{97.99}$

Câu 4. (TH-VD) (1,0 điểm). Gieo 1 con xúc xắc 6 mặt 50 lần ta được kết quả ở bảng sau?

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	6	10	7	8	8	11

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện.

e) Gieo được mặt 2 chấm.

f) Gieo được mặt có số chấm là số lẻ.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	C	A	C	C	A	D	C	C	A	C	C	D	D	A	B	A	C	C	A

II. TỰ LUẬN

Câu		Nội dung	Điểm
1	a	Điểm N nằm giữa 2 điểm A, B.	0,5
	b	Điểm M là trung điểm của đoạn AB.	0,5
2	a	Số học sinh được đánh giá học tập Tốt là $360.20\% = 72$ (HS) Số học sinh được đánh giá học tập Khá là $360.40\% = 144$ (HS) Số học sinh có học tập Chưa đạt là $360 - (72+144+108) = 36$ (HS)	0,5 0,25 0,25
	b	Tỉ số % của học sinh có học tập Chưa đạt so với học sinh cả khối là $\frac{36.100}{360}\% = 10\%$	0,5
3		a) $\frac{31}{17} + \frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} - \frac{14}{17} = \left(\frac{31}{17} - \frac{14}{17}\right) + \left(\frac{-5}{13} + \frac{-8}{13}\right)$ $= 1 + (-1) = 0$	0,25 0,25
		b) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{5}{7} = \frac{-5}{7} \cdot \left(\frac{2}{11} + \frac{9}{11}\right) + \frac{5}{7}$ $= \frac{-5}{7} \cdot 1 + \frac{5}{7} = 0$	0,25 0,25
		c) $S = \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \frac{2}{7.9} + \dots + \frac{2}{97.99}$	0,25
		$= \frac{1}{3} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{7} + \dots + \frac{1}{97} - \frac{1}{99}$ $= \frac{1}{3} - \frac{1}{99} = \frac{32}{99}$	0,25
4	a	Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt 2 chấm trong 50 lần gieo là: $\frac{10}{50} = 0,2$	0,5
	b	Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chấm là số lẻ trong 50 lần gieo là: $\frac{6+7+8}{50} = \frac{21}{50} = 0,42$	0,5

Lưu ý: HS làm theo cách khác vẫn cho trọn điểm

ĐỀ 23

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Câu 1: (3,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{2}{3} - \frac{5}{6} + \frac{3}{4}$

b) $\frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-4}{9} + \frac{5}{6} \right) : \frac{7}{12}$

c) $1\frac{3}{5} : (5,25 + 75\%)$

Câu 2: (1,0 điểm) Một cái xe đạp giá 1.400 000đ, nay tăng giá 5%. Hỏi giá cái xe đạp bây giờ là bao nhiêu?

Câu 3: (1,0 điểm): Bác Năm thu hoạch được 50 kg khoai lang và đem ra chợ bán. Buổi sáng, bác Năm

bán được $\frac{3}{5}$ số kg khoai đã thu hoạch với giá 10000 đồng 1 kg. Buổi chiều bác bán hết số khoai còn lại với giá 8000 đồng 1 kg.

a) Bác Năm bán được bao nhiêu kg khoai lang trong buổi chiều?

b) Số tiền bán khoai lang cả ngày của bác Năm là bao nhiêu?

Câu 4: (1,0 điểm): Cho khu vườn hình chữ nhật ABCD (hình 8), gồm hình thang ABCE và hình tam giác vuông ADE có các kích thước như trên hình vẽ.

a) Tính diện tích hình thang ABCE và chu vi hình chữ nhật ABCD

b) Tính tỉ số phần trăm diện tích tam giác ADE so với diện tích hình thang ABCE? (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai).

Câu 5: (1,0 điểm) Trong hộp có 4 quả bóng xanh, 3 quả bóng đỏ và 1 quả bóng vàng. Phương lấy ra 5 quả bóng từ hộp. Hỏi các sự kiện sau là chắc chắn, không thể hay có thể xảy ra?

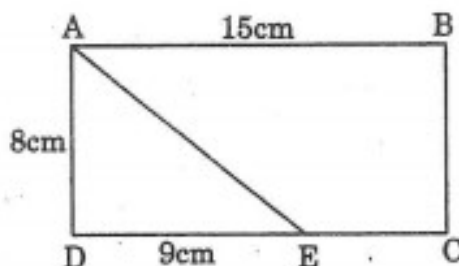
a) 5 quả bóng lấy ra có cùng màu.

b) Có ít nhất 1 quả bóng xanh trong 5 quả bóng lấy ra.

Câu 6: (1,0 điểm) Kết quả điều tra về môn học được yêu thích nhất của các bạn lớp 6A được thể hiện trong bảng sau đây:

Toán	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Toán	Mĩ thuật	Tiếng Anh	Ngữ Văn
Tiếng Anh	Tiếng Anh	Mĩ thuật	Ngữ Văn	Toán	Ngữ Văn	Toán
Ngữ Văn	Toán	Âm nhạc	Ngữ Văn	Âm nhạc	Mĩ thuật	Mĩ thuật
Mĩ thuật	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Ngữ Văn	Âm nhạc	Mĩ thuật
Âm nhạc	Toán	Tiếng Anh	Âm nhạc	Toán	Âm nhạc	Toán

a) Em hãy điền thống kê số bạn yêu mỗi môn học vào bảng sau:



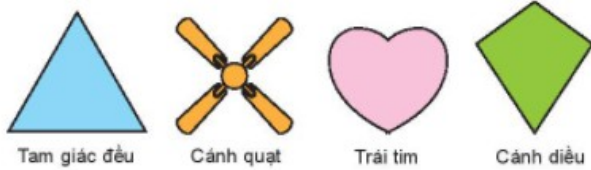
Hình 8

Môn học	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Âm Nhạc	Mĩ thuật
Số học sinh					

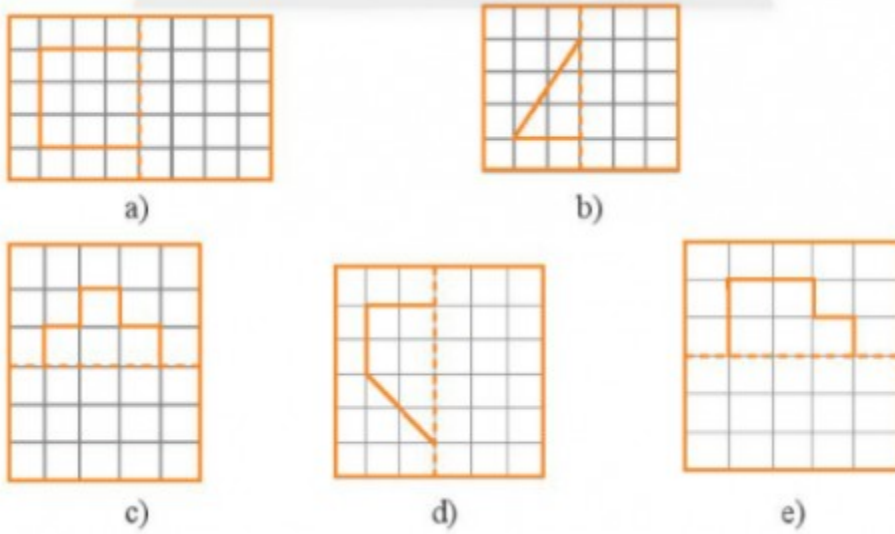
b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện bạn được phỏng vấn yêu thích môn Mỹ thuật nhất dựa trên số liệu điều tra trên.

Câu 7: (2,0 điểm): Trong các hình bên, em hãy chỉ ra:

a) Những hình có tâm đối xứng và những hình có trục đối xứng.

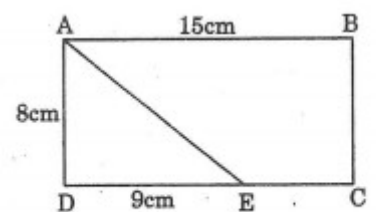


b) Vẽ thêm để các hình sau có trục đối xứng là đường nét đứt trên hình vẽ.

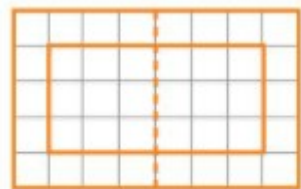


--- HẾT ---

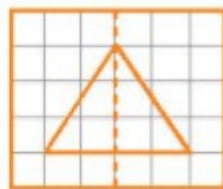
Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1: (3 điểm)	a) $\frac{2}{3} - \frac{5}{6} + \frac{3}{4} = \frac{8-10+9}{12} = \frac{7}{12}$	0,5đ+0,5đ
	$\frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-4}{9} + \frac{5}{6} \right) : \frac{7}{12} = \frac{1}{3} \cdot \frac{7}{18} : \frac{7}{12} = \frac{7}{54} : \frac{7}{12} = \frac{2}{9}$	0,5đ+0,5đ

	$1\frac{3}{5} : (5,25 + 75\%)$ $= \frac{8}{5} : \left(\frac{21}{4} + \frac{3}{4}\right)$ $= \frac{8}{5} : 6$ $= \frac{8}{5} \cdot \frac{1}{6}$ $= \frac{8}{30}$ $= \frac{4}{15}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
Câu 2: (1,0 điểm)	Giá bán tăng: $15\% \times 1.400\ 000 = 70\ 000\ (\text{đ})$ Giá xe đạp bây giờ là: $1.400\ 000 + 70\ 000 = 1470\ 000\ (\text{đ})$ <u>Đáp số:</u> 1470 000 đ	0,5đ 0,5đ
Câu 3: (1,0 điểm)	a) Số kg khoai lang buổi sáng bác Năm bán được $\frac{3}{5} \cdot 50 = 30\ (\text{kg})$ Số kg khoai lang buổi chiều bác Năm bán được $50 - 30 = 20\ (\text{kg})$ b) Số tiền bán khoai lang cả ngày của bác Năm là $30 \cdot 10000 + 20 \cdot 8000 = 460000\ (\text{đồng})$	0,5đ 0,25đ 0,25đ
Câu 4: (1,0 điểm)	 <p style="text-align: center;">Hình 8</p> <p>a) Diện tích hình thang ABCE là $(6+15) \cdot 8 : 2 = 84\ \text{cm}^2$. Chu vi hình chữ nhật ABCD là $(15+8) \cdot 2 = 46\ \text{cm}$.</p> <p>b) 42.86%</p>	0,25đ 0,5đ 0,25đ
Câu 5: (1,0 điểm)	a) Do số bóng xanh là nhiều nhất mà cũng chỉ có 4 quả nên sự kiện "5 quả bóng lấy ra có cùng màu" không thể xảy ra b) Do tổng số bóng đỏ và vàng là 4 nên nếu lấy ra 5 quả thì chắc chắn phải có ít nhất 1 quả bóng xanh. Vậy sự kiện "Có ít nhất 1 quả bóng xanh trong 5 quả bóng lấy ra" chắc chắn xảy ra.	0,5đ 0,5đ

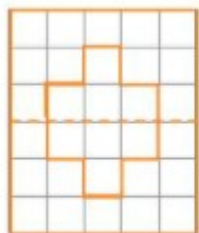
Câu 6: (1,0 điểm)	Môn học	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Mĩ thuật	Âm nhạc	0,5đ
	Số học sinh	8	7	8	6	6	0,25đ 0,25đ
	6/35						0,75
Câu 7: (2,0 điểm)	a) Trong các hình bên, em hãy chỉ ra: Những hình có tâm đối xứng là cánh quạt; Những hình có trục đối xứng tam giác đều, trái tim, cánh diều.						0,75đ 0,75đ
	b)						0,25đ 0,25đ



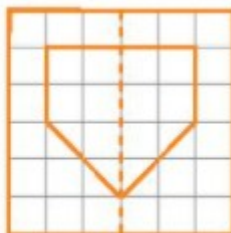
a)



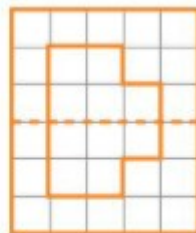
b)



c)



d)



e)

(Nếu học sinh có cách giải khác, giám khảo vận dụng thang điểm trên để chấm)

----- HẾT -----

ĐỀ 24	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	---

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm):

Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng trong các câu hỏi sau rồi viết vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Số 45,876 làm tròn đến chữ số hàng đơn vị là:

- A. 46. B. 45. C. 45,8. D. 45,88.

Câu 2. Hai phân số gọi là nghịch đảo của nhau nếu tích của chúng bằng

- A. 0 B. 2 C. 1 D. -1

Câu 3. Góc nào có số đo lớn nhất?

- A. Góc nhọn B. Góc Vuông C. Góc tù D. Góc bẹt

Câu 4. Biểu đồ cột kép ở hình dưới biểu diễn số học sinh nam và số học sinh nữ của lớp 6A đăng kí tham gia một số môn thể thao mà nhà trường đề ra: bóng bàn, cầu lông, chạy bộ. Mỗi học sinh đều đăng kí tham gia một môn thể thao.

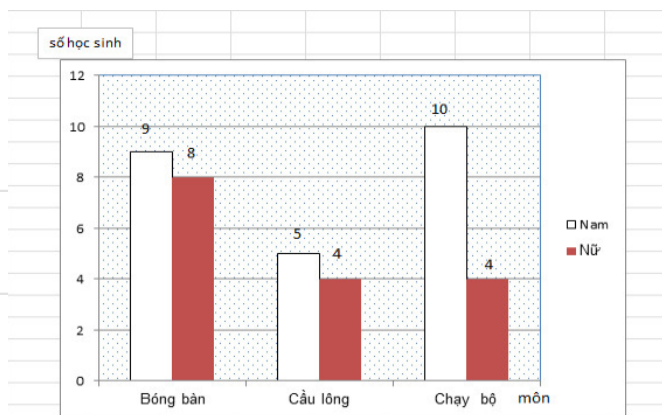
Em hãy quan sát hình sau đây và trả lời các câu hỏi:

a) Môn thể thao nào có nhiều học sinh đăng kí nhất ?

- A. cầu lông B. chạy bộ
C. bóng bàn D. bóng bàn, cầu lông

b) Tính tổng số học sinh lớp 6A?

- A. 40 học sinh. B. 30 học sinh.
C. 48 học sinh. D. 35 học sinh.



Câu 5. Phân số $\frac{-31}{10}$ được viết dưới dạng số thập phân ?

- A. 1,3 B. 3,3 C. -3,2 D. -3,1

Câu 6: Khánh gieo 1 con xúc sắc 50 lần, và có 13 lần xuất hiện mặt 5 chấm. Tính xác suất thực nghiệm số lần xuất hiện mặt 5 chấm:

- A. $\frac{1}{10}$ B. $\frac{50}{13}$ C. $\frac{9}{10}$ D. $\frac{13}{50}$

Câu 7. Hỗn số $5\frac{2}{3}$ được viết dưới dạng phân số nào?

- A. $\frac{17}{3}$ B. $\frac{3}{17}$ C. $\frac{5}{3}$ D. $\frac{4}{3}$

Câu 8. Cho điểm B nằm giữa hai điểm A và C. Biết AB = 3cm, AC = 8cm. Độ dài BC = ?

- A. 4cm B. 11cm C. 8cm D. 5cm

II. Tự luận (8,0 điểm):

Bài I: (1,0 điểm). Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

1) $\frac{1}{2} + \frac{3}{4} - \frac{4}{5}$

2) $\frac{4}{29} \cdot \frac{3}{13} + \frac{-19}{26} + \frac{3}{13} \cdot \frac{25}{29} + \frac{-7}{26}$

Bài II: (1,0 điểm). Tìm x, biết:

1) $x + \frac{2}{3} = \frac{-7}{8} \cdot \frac{4}{21}$

2) $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} \cdot x = 0,2$

Bài III: (3,0 điểm).

1) (1,5 điểm) Lớp 6A có 40 học sinh. Kết quả đánh giá xếp loại học tập cuối năm gồm ba loại: Tốt; Khá; Đạt (Không có học sinh xếp loại chưa đạt). Số học sinh xếp loại Tốt chiếm 25% số học sinh cả

lớp. Số học sinh Đạt bằng $\frac{2}{5}$ số học sinh xếp loại Tốt. Còn lại là học sinh xếp loại khá.

a) Tính số học sinh mỗi loại?

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh xếp loại khá so với học sinh cả lớp?

2) (1,5 điểm) Một hộp kín đựng các quả bóng xanh, đỏ, tím và vàng. Mai lấy ngẫu nhiên một quả bóng, ghi lại màu rồi trả lại vào hộp. Kết quả 15 lần lấy bóng của Mai như sau:

Màu bóng	Xanh	Đỏ	Tím	Vàng
Số lần lấy được	3	4	5	3

--	--	--	--	--

a) Vẽ biểu đồ dạng cột biểu diễn bảng thống kê trên.

b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “ Không lấy được quả bóng màu đỏ”

Bài IV: (2,5 điểm). Cho đoạn thẳng AB = 8cm, trên đoạn thẳng AB lấy điểm C sao cho AC = 2cm.

1) Tính độ dài đoạn thẳng CB

2) Cho điểm M là trung điểm của đoạn thẳng CB. Tính độ dài đoạn thẳng CM và AM?

Bài V: (0,5 điểm). Cho $A = \frac{10^{15} + 1}{10^{16} + 1}$ và $B = \frac{10^{16} + 1}{10^{17} + 1}$. So sánh A và B

-----HẾT-----

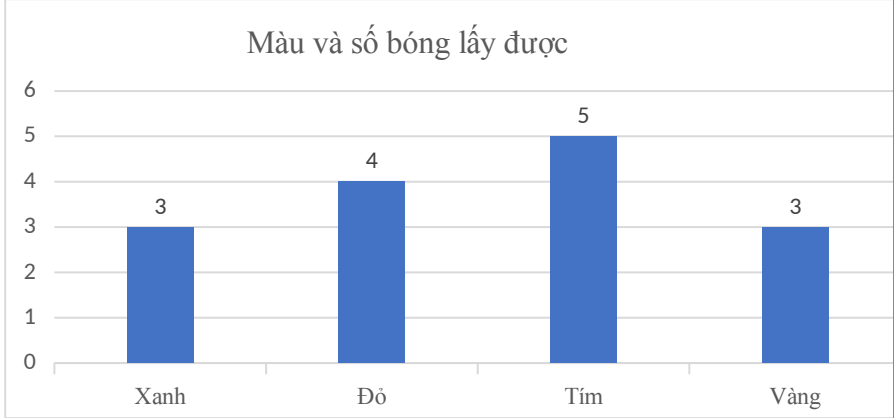
ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

I. Trắc nghiệm (Câu 1, 2, 3 đúng: 0,5 điểm. Câu 4a, 4b đúng: 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4a	4b	5	6	7	8
Đáp án	A	C	D	C	A	D	D	A	D

II. Tự luận:

Bài	Đáp án	Điểm
Bài I.	$\frac{1}{2} + \frac{3}{4} - \frac{4}{5}$ <p>1)</p>	
1)	$\frac{1}{2} + \frac{3}{4} - \frac{4}{5}$ $= \frac{10}{20} + \frac{15}{20} - \frac{16}{20}$ $= \frac{10 + 15 - 16}{20}$ $= \frac{9}{20}$	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
	$2) \frac{4}{29} \cdot \frac{3}{13} + \frac{-19}{26} + \frac{3}{13} \cdot \frac{25}{29} + \frac{-7}{26}$	
2)	$\frac{4}{29} \cdot \frac{3}{13} + \frac{-19}{26} + \frac{3}{13} \cdot \frac{25}{29} + \frac{-7}{26}$ $= \left(\frac{4}{29} \cdot \frac{3}{13} + \frac{3}{13} \cdot \frac{25}{29} \right) + \left(\frac{-19}{26} + \frac{-7}{26} \right)$ $= \frac{3}{13} \cdot \left(\frac{4}{29} + \frac{25}{29} \right) + \frac{-26}{26}$ $= \frac{3}{13} \cdot 1 + (-1) = \frac{3}{13} + \frac{-13}{13} = \frac{-10}{13}$	<p>0,25</p> <p>0,25</p>

	b) Tỷ số phần trăm số học sinh xếp loại khá so với học sinh cả lớp $\frac{26}{40} \cdot 100\% = 65\%$	0,5
Bài III 2	1) Vẽ biểu đồ đúng, hợp lý. 	1.0
	2) Xác suất thực nghiệm của sự kiện “ Không lấy được quả bóng màu đỏ” là: $\frac{3 + 3 + 5}{15} = \frac{11}{15}$	0,5
Bài IV	Vẽ hình: 	0,5
	1) Tính độ dài đoạn thẳng AB. Vì điểm C nằm giữa hai điểm A và B Suy ra: $AC + CB = AB \Rightarrow CB = AB - AC$ Thay số: $8 - 2 = 6$ (cm). Vậy $BC = 6$ cm.	0,5 0,5
	2) M là trung điểm của BC. Tính CM, AM $\text{Vì M là trung điểm của đoạn thẳng CB nên ta có } MB = CM = \frac{1}{2}BC$ Thay số: $CM = 6 : 2 = 3$ (cm) Vì điểm C nằm giữa hai điểm A và M nên ta có: $AC + CM = AM$ Thay số: $2 + 3 = 5$ (cm). Vậy $CM = 3$ cm; $AM = 5$ cm	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài V	$A = \frac{10^{15} + 1}{10^{16} + 1} \quad \text{và} \quad B = \frac{10^{16} + 1}{10^{17} + 1} \quad \text{So sánh A và B}$	
	$10.A = 10 \cdot \frac{10^{15} + 1}{10^{16} + 1} = \frac{10^{16} + 1 + 9}{10^{16} + 1} = 1 + \frac{9}{10^{16} + 1}$ $10.B = 10 \cdot \frac{10^{16} + 1}{10^{17} + 1} = \frac{10^{17} + 1 + 9}{10^{17} + 1} = 1 + \frac{9}{10^{17} + 1}$ Ta có : Mà $\frac{9}{10^{16} + 1} > \frac{9}{10^{17} + 1}$ nên $A > B$	0,25 0.25

ĐỀ 25**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II****MÔN: TOÁN 6***Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)***I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm)****Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:****Câu 1. (NB)** Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số ?

A. $\frac{1,1}{5}$.

B. $\frac{4,8}{1,5}$.

C. $\frac{7}{0}$.

D. $\frac{-4}{13}$.

Câu 2. (TH) Tổng $3 + \frac{1}{2}$ cho ta được hỗn số nào:

A. $1\frac{1}{2}$.

B. $5\frac{1}{2}$.

C. $3\frac{1}{2}$.

D. $4\frac{1}{2}$.

Câu 3. (TH) $\frac{3}{4}$ bằng

A. 0,75.

B. 0,60.

C. 0,7.

D. 0,45.

Câu 4. (TH) Số 13,695 khi được làm tròn đến hàng phần trăm có kết quả là:

A. 13,69

B. 13,6

C. 13,70

D. 14

Câu 5. (NB) Hãy liệt kê các kết quả có thể xảy ra của hoạt động tung 2 đồng xu cùng một lúc.

A. $X = \{S, N, SS\}$.

B. $X = \{S, N\}$.

C. $X = \{SS, NN, SN\}$.

D. $X = \{SN\}$.

Câu 6. (TH) Trong hộp có 1 bóng xanh và 3 bóng đỏ có kích thước giống nhau. Bạn An lấy ra đồng thời 2 bóng từ hộp. Trong các sự kiện sau, sự kiện nào chắc chắn xảy ra

A. An lấy ít nhất 1 bóng xanh.

B. An lấy 2 bóng xanh.

C. An lấy 2 bóng đỏ.

D. An lấy ít nhất 1 bóng đỏ.

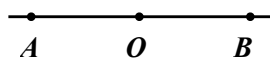
Câu 7. (NB) Số đối của số $\frac{-2}{3}$ là

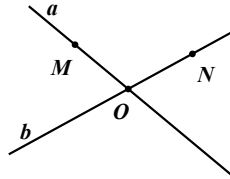
A. $\frac{-3}{2}$

B. $\frac{3}{2}$

C. $\frac{2}{3}$

D. $\frac{2}{-3}$.

Câu 8. (NB) Trong hình vẽ. Chọn khẳng định đúngA. Hai tia OA và OB đối nhau.B. Hai tia AO và OB đối nhau.C. Hai tia OA và BO đối nhau.D. Hai tia BA và OB đối nhau.**Câu 9. (NB)** Trong hình vẽ. Câu nào dưới đây sai?



- A. Điểm $M \in a$ và $M \notin b$
 B. Điểm $N \in b$ và $N \notin a$
 C. Điểm $O \in a$ và $O \in b$
 D. Điểm $O \in a$ và $O \notin b$

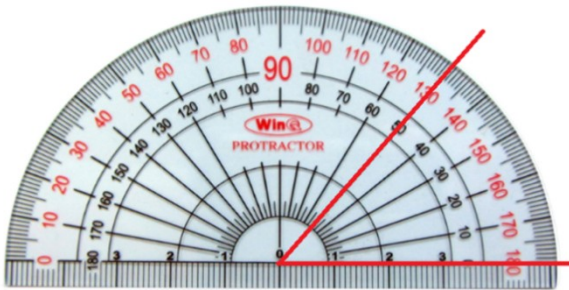
Câu 10. (NB) Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 0

Câu 11. (NB) Trong ba điểm thẳng hàng, có bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm còn lại

- A. Có vô số điểm. B. Có nhiều hơn hai điểm. C. Có duy nhất một điểm. D. Có không quá hai điểm.

Câu 12. (NB) Góc trên hình có số đo bao nhiêu độ



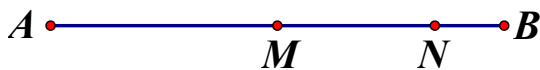
- A. 50^0 B. 40^0 C. 60^0 D. 130^0

II. TỰ LUẬN : (7,0 điểm)

Câu 1. (TH) (1,0 điểm) So sánh

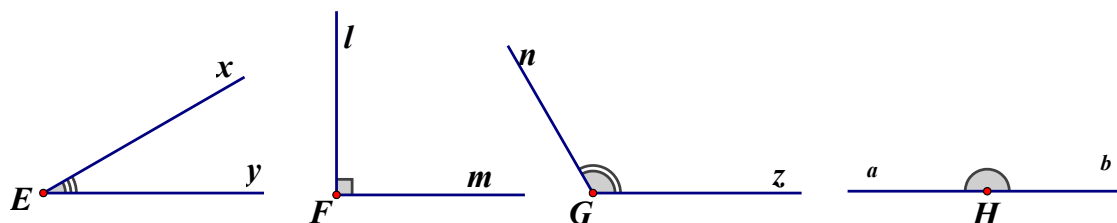
- e) $\frac{5}{9}$ với $\frac{7}{4}$
 f) -0,456 với -0,459

Câu 2. (NB) (1,0 điểm). Cho hình vẽ



- g) Trong 3 điểm A, N, B, điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại ?
 h) Điểm nào là trung điểm của đoạn AB?

Câu 3. (NB) (1,0 điểm) Cho các hình vẽ:



Trong các góc ở hình vẽ trên, góc nào là góc nhọn, góc tù, góc vuông, góc bẹt?

Câu 4. (VD) (1,5 điểm) Khối 6 trường THCS có tổng cộng 360 học sinh. Trong dịp tổng kết cuối năm, thống kê được số học sinh được đánh giá học tập Tốt là 20% số HS cả khối, số học sinh học tập khá 40% cả khối, số học sinh học tập Đạt là 108 em, còn lại là học sinh có học tập Chưa đạt.

a) Tìm số học sinh mỗi loại.

b) Tính tỉ số % của học sinh có học tập Chưa đạt so với học sinh cả khối.

Câu 5. (VD- VDC) (1,5 điểm). Tính nhanh

a) $\frac{31}{17} + \frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} - \frac{14}{17}$

b) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{5}{7}$

c) $S = \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \frac{2}{7.9} + \dots + \frac{2}{97.99}$

Câu 6. (TH-VD) (1,0 điểm). Gieo 1 con xúc xắc 6 mặt 50 lần ta được kết quả ở bảng sau?

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	6	10	7	8	8	11

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện.

g) Gieo được mặt 2 chấm.

h) Gieo được mặt có số chấm là số lẻ.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	C	A	C	C	D	C	A	D	A	C	A

II. TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
1	a) $\frac{5}{9} < 1$, $\frac{7}{4} > 1$ vậy $\frac{5}{9} < \frac{7}{4}$	0,5

	b	$-0,456 > -0,459$	0,5
2	a	Điểm N nằm giữa 2 điểm A, B.	0,5
	b	Điểm M là trung điểm của đoạn AB.	0,5
3		Góc nhọn: góc xEy	0,25
		Góc tù: Góc góc nGz	0,25
		Góc vuông: góc lFm	0,25
		Góc bẹt: góc aHb	0,25
4	a	Số học sinh được đánh giá học tập Tốt là $360.20\% = 72$ (HS) Số học sinh được đánh giá học tập Khá là $360.40\% = 144$ (HS) Số học sinh có học tập Chưa đạt là $360 - (72+144+108) = 36$ (HS)	0,5 0,25 0,25
	b	Tỉ số % của học sinh có học tập Chưa đạt so với học sinh cả khối là $\frac{36.100}{360}\% = 10\%$	0,5
5		a) $\frac{31}{17} + \frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} - \frac{14}{17} = \left(\frac{31}{17} - \frac{14}{17}\right) + \left(\frac{-5}{13} + \frac{-8}{13}\right)$ $= 1 + (-1) = 0$	0,25 0,25
		b) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + \frac{5}{7} = \frac{-5}{7} \cdot \left(\frac{2}{11} + \frac{9}{11}\right) + \frac{5}{7}$ $= \frac{-5}{7} \cdot 1 + \frac{5}{7} = 0$	0,25 0,25
		c) $S = \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \frac{2}{7.9} + \dots + \frac{2}{97.99}$	0,25
		$= \frac{1}{3} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{7} + \dots + \frac{1}{97} - \frac{1}{99}$ $= \frac{1}{3} - \frac{1}{99} = \frac{32}{99}$	0,25
6	a	Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt 2 chấm trong 50 lần gieo là: $\frac{10}{50} = 0,2$	0,5
	b	Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chấm là số lẻ trong 50 lần gieo là: $\frac{6+7+8}{50} = \frac{21}{50} = 0,42$	0,5

Lưu ý: HS làm theo cách khác vẫn cho trọn điểm

Câu 1: (2 đ) Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể)

a/ $\frac{2}{3} + \frac{5}{12} - \frac{1}{4}$

b/ $5,38.17,26 + 17,26.4,62$

c/ $(\frac{-2}{5} + \frac{7}{3}) - (\frac{3}{5} + 2\frac{1}{3})$

Câu 2: (2,5đ) Tìm x

a) $\frac{1}{12} + x = -\frac{3}{4}$

b) $\frac{1}{6} - \frac{1}{2}x = \frac{5}{3}$

c) $(2x - \frac{3}{4}) : \frac{2}{5} = \frac{-10}{12}$

Câu 3 : (1,5đ) Lớp 6A có 45 học sinh được xếp thành 3 loại :giỏi, khá, trung bình. Biết rằng số học sinh trung bình chiếm $\frac{1}{9}$ số học sinh cả lớp, số học sinh khá chiếm 45% số học sinh còn lại . Tính số học sinh giỏi của lớp ?

Câu 4: (1,5đ) Mẹ cho Lan 100.000 đồng mua dụng cụ học tập. Lan mua 5 quyển tập giá 8000đ/ 1 quyển. 2 cây viết giá 12.000đ/ 1 cây và 1 cái hộp bút giá 30.000đ. Hỏi Lan có còn đủ tiền để mua một cây thước đo góc giá 7000đ nữa không. Vì sao?

Câu 5: (1đ) Tung 2 quả bóng xanh, đỏ vào rổ 30 lần, ta được kết quả như sau:

Sự kiện	Bóng xanh	Bóng đỏ	Cả bóng xanh và đỏ
Số lần	6	9	15

a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “bóng xanh” sau 30 lần thực hiện.

b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “ cả bóng xanh và bóng đỏ” sau 30 lần thực hiện

Câu 6: (1đ)

Trên tia Ox lấy 2 điểm M và N sao cho OM = 3cm; ON = 6cm.

a) Tính MN

b) M có phải là trung điểm của ON không? Vì sao?

Câu 7: (0,5đ) Vẽ góc xAy và điểm M nằm trong góc đó
=HẾT=

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ II MÔN TOÁN 6

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (2đ)	a/ $\frac{2}{3} + \frac{5}{12} - \frac{1}{4} = \frac{2.4 + 5 - 1.3}{12} = \frac{10}{12} = \frac{5}{6}$	0,25x3
	b/ $5,38.17,26 + 17,26.4,62 = 17,26.(5,38 + 4,62)$	0,25x3

	$= 17,26.10 = 172,6$	
	$\left(\frac{-2}{5} + \frac{7}{3}\right) - \left(\frac{3}{5} + 2\frac{1}{3}\right)$ $= \frac{-2}{5} + \frac{7}{3} - \frac{3}{5} - \frac{7}{3}$ $= \left(\frac{-2}{5} - \frac{3}{5}\right) + \left(\frac{7}{3} - \frac{7}{3}\right)$ $= (-1) + 0$ $= -1$ <p>c/</p>	0,25x2
Câu 2 (2,5đ)	<p>a)</p> $\frac{1}{12} + x = -\frac{3}{4}$ $x = \frac{-3}{4} - \frac{1}{12}$ $x = \frac{-5}{6}$	0,5đ
	<p>b)</p> $\frac{1}{6} - \frac{1}{2}x = \frac{5}{3}$ $\frac{1}{2}x = \frac{1}{6} - \frac{5}{3}$ $\frac{1}{2}x = \frac{-3}{2}$ $x = \frac{-3}{2} : \frac{1}{2}$ $x = -3$	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>

	$(2x - \frac{3}{4}) : \frac{2}{5} = \frac{-10}{12}$ $2x - \frac{3}{4} = \frac{-10}{12} \cdot \frac{2}{5}$ $2x - \frac{3}{4} = \frac{-1}{3}$ $2x = \frac{-1}{3} + \frac{3}{4}$ $2x = \frac{5}{12}$ $x = \frac{5}{12} : 2$ $c) \quad x = \frac{5}{24}$	<p>0,5đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>
Câu 3 (1,5đ)	$45 \cdot \frac{1}{9} = 5$ <p>Số hs trung bình là (hs)</p> <p>Số hs khá là 45%. (45 - 5) = 18 (hs)</p> <p>Số học sinh giỏi là: 45 - (5 + 18) = 22(hs)</p>	0,5x3
Câu 4 (1,5đ)	<p>Số tiền bạn Lan đã mua là:</p> $5 \times 8000 + 12000 \times 2 + 30000 = 94000 \text{ (đồng)}$ <p>Số tiền còn lại là:</p> $100000 - 94000 = 6000 \text{ (đồng)}$ <p>Vì 6000đ < 7000đ nên bạn Lan không đủ tiền để mua cây thước đo góc.</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ x 2</p>
Câu 5 (1đ)	<p>a) xác suất thực nghiệm của sự kiện “bóng xanh” sau 30 lần thực hiện là : 6: 30 = 0,2</p> <p>b) xác suất thực nghiệm của sự kiện “ cả bóng xanh và bóng đỏ” sau 30 lần thực hiện là : 15:30= 0,5</p>	0,5x2
Câu 6 (1đ)	<p>a) MN = ON - OM</p> $= 6 - 3 = 3 \text{ (cm)}$ <p>b) MN = OM = $\frac{1}{2}$ ON => M là trung điểm của ON</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
Câu 7 (0,5đ)	<p>Vẽ góc xAy</p> <p>Vẽ điểm M</p>	0,25đx2

ĐỀ 27

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng.

Câu 1: Số đối của phân số $\frac{-7}{4}$ là :

- A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{-4}{7}$ C. $\frac{7}{4}$ D. $\frac{-7}{4}$

Câu 2: Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số là :

- A. $\frac{-3}{2,5}$ B. $\frac{3,12}{2,4}$ C. $\frac{2}{0}$ D. $\frac{2}{-3}$

Câu 3: Tìm số nguyên x, biết: $\frac{7}{3} = \frac{x}{3}$

- A. x = 7 B. x = 5 C. x = 15 D. x = 6

Câu 4: Số đối của 3,15 là :

- A. - 1,35 B. - 5 ,13 C. 3,15 D. - 3,15

Câu 5: Viết phân số $\frac{-2022}{10}$ dưới dạng số thập phân ta được:

- A. - 20,22 B. - 22 ,02 C. 2,022 D. - 202,2

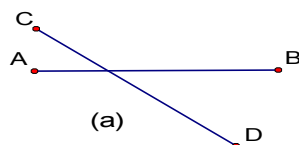
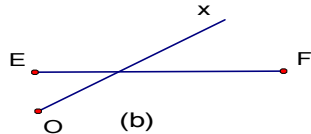
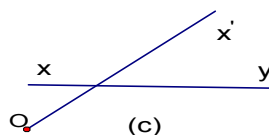
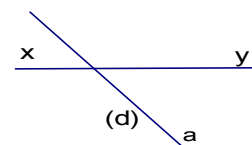
Câu 6: Viết số thập phân -0,15 dưới dạng phân số tối giản ta được:

- A. $\frac{1}{5}$ B. $\frac{-1}{5}$ C. $-\frac{3}{20}$ D. $\frac{3}{20}$

Câu 7: Điểm M thuộc đường thẳng a thì được kí hiệu là :

- A. $M \in a$ B. $M \subset a$ C. $M \notin a$ D. $M = a$

Câu 8: Trong các hình vẽ sau, hình nào là hai đường thẳng cắt nhau?

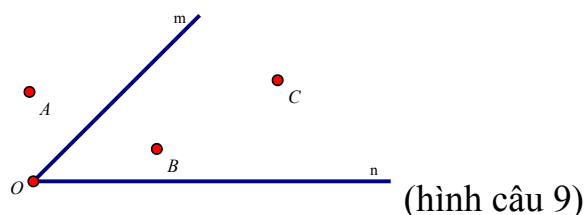


(H 1)

- A. Hình a B. Hình c C. Hình b D. Hình d

Câu 9: Các điểm nằm trong góc mOn trong hình bên là

- A. Điểm A, B B. Điểm A, B, C
C. Điểm B, C D. Điểm A



(hình câu 9)

Câu 10: Tung một con xúc xắc có sáu mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của con xúc xắc?

- A. 3 B. 6 C. 0 D. 1

Câu 11: Một hộp có 10 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 10. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ rút được và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 25 lần rút thẻ liên tiếp, nhận thấy có 4 lần lấy được thẻ đánh số 6. Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 là:

- A. $\frac{2}{25}$ B. $\frac{4}{25}$ C. $\frac{1}{10}$ D. $\frac{6}{25}$

Câu 12: Khi tung đồng xu 1 lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt của đồng xu:

- A. {N; SN; S} B. {N; N} C. {S; S} D. {S; N}

Phần 2. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm) So sánh các số sau:

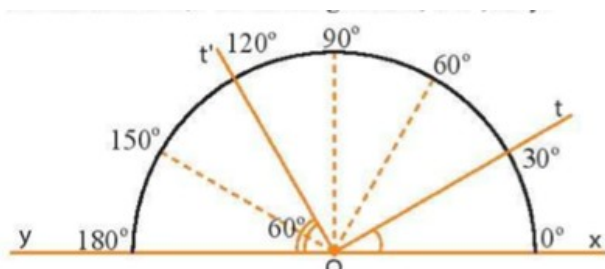
- a) $\frac{-3}{5}$ và $\frac{-2}{5}$ b) 3,14 và 3,139

Câu 2: (1 điểm) Thực hiện phép tính: $\frac{1}{2} - \frac{3}{4} \cdot \frac{-8}{9}$.

Câu 3: (1 điểm)

- a) Hãy vẽ các đoạn thẳng sau: AB = 6 cm; CD = 4,3 cm.
b) So sánh độ dài hai đoạn thẳng AB và CD

Câu 4: (1 điểm) Nhìn hình vẽ, đọc số đo các góc xOt; tOt'; xOy.



Câu 5: (1 điểm) Hiện nay, khoảng $\frac{2}{5}$ diện tích đất của Việt Nam được che phủ bởi rừng. Có khoảng $\frac{7}{10}$ diện tích rừng là rừng tự nhiên, còn lại là rừng trồng. Hỏi:

- a) Diện tích rừng tự nhiên bằng mấy phần diện tích đất của Việt Nam?
b) Diện tích rừng tự nhiên bằng mấy phần của rừng trồng?

Câu 6: (1 điểm) Một xạ thủ bắn 200 viên đạn vào một mục tiêu và thấy có 148 viên trúng mục tiêu. Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xạ thủ bắn trúng mục tiêu.

----- Hết -----

4. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII TOÁN – LỚP 6

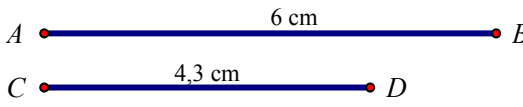
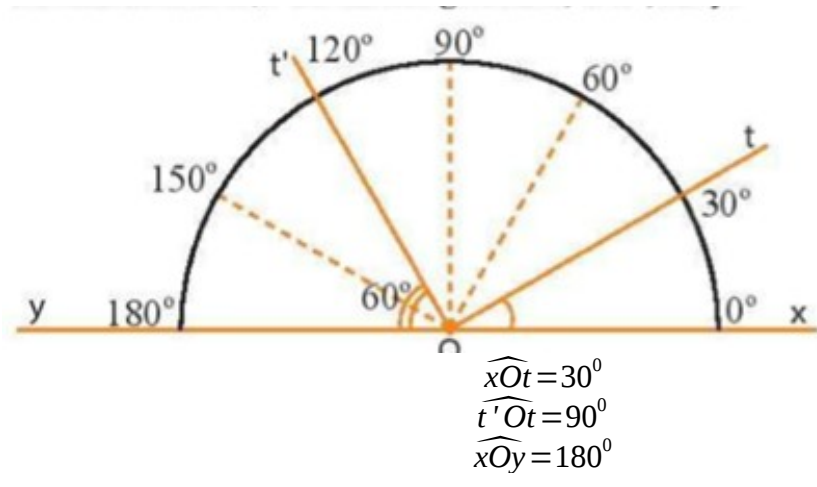
Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:

Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	A	D	D	C	A	D	C	B	B	D

Phần 2: Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
-----	----------	------

Câu 1:	So sánh $\frac{-3}{7}$ và $\frac{-2}{5}$ Ta có: $\frac{-3}{7} = \frac{-15}{35}$ và $\frac{-2}{5} = \frac{-14}{35}$ Vì $\frac{-15}{35} < \frac{-14}{35}$ nên $\frac{-3}{7} < \frac{-2}{5}$	0,5 0,5
	b) $3,14 < 3,139$	1
Câu 2:	Thực hiện phép tính: $\frac{1}{2} - \frac{3}{4} \cdot \frac{-8}{9}$	0,25
	$\hat{=} \frac{1}{2} - \frac{-2}{3}$	0,25
	$\hat{=} \frac{1}{2} + \frac{2}{3}$ $\hat{=} \frac{7}{6}$	0,5
Câu 3	a) Vẽ các đoạn thẳng có độ dài: $AB = 6 \text{ cm}$; $CD = 4,3 \text{ cm}$.	0,5
	 b) $AB > CD$	0,5
Câu 4	Đọc số đo các góc xOt ; tOt' ; xOy .  $\widehat{xOt} = 30^\circ$ $\widehat{t'Ot} = 90^\circ$ $\widehat{xOy} = 180^\circ$	0,25 0,5 0,25
Câu 5	a) Diện tích rừng tự nhiên bằng số phần diện tích đất của Việt Nam là: $\frac{7}{10} \cdot \frac{2}{5} = \frac{7}{25}$	0,25
	b) Số phần diện tích rừng trồng là: $\frac{2}{5} - \frac{7}{25} = \frac{3}{25}$	0,25
	Diện tích rừng tự nhiên bằng số phần diện tích rừng trồng là:	0,25

	$\frac{7}{25} : \frac{3}{25} = \frac{7}{3}$	0,25
Câu 6	Xác suất thực nghiệm của sự kiện xạ thủ bắn trúng mục tiêu là: $\frac{148}{200} = 74\%$	1,0

----- Hết -----

ĐỀ 28	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	---

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3.0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng trong các phương án A, B, C, D.

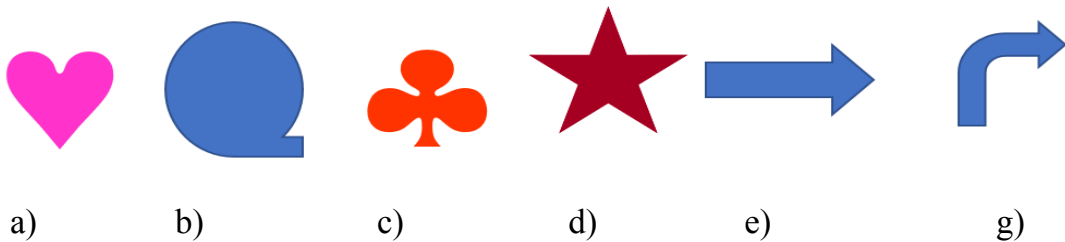
Câu 1. (TN1- NB) Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{0,2}{5}$ B. $\frac{3}{0}$ C. $\frac{13}{5}$ D. $\frac{1,7}{0,14}$

Câu 2. (TN2- NB) Số đối của phân số $\frac{-6}{11}$ là phân số nào sau đây?

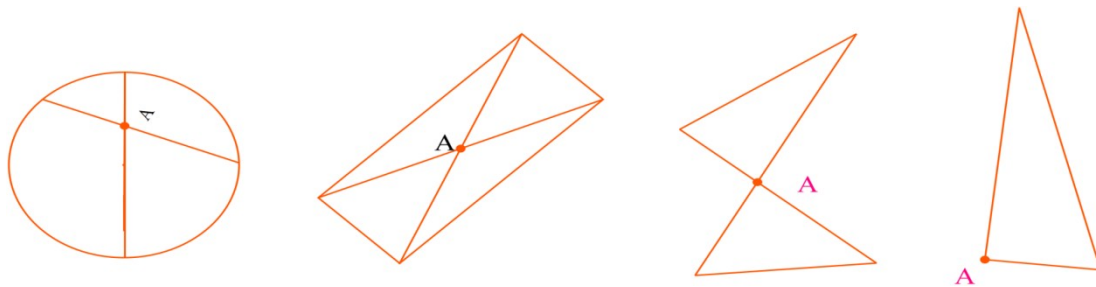
- A. $\frac{-11}{6}$ B. $\frac{11}{6}$ C. $\frac{6}{11}$ D. $\frac{11}{-6}$

Câu 3. (TN3- NB) Tìm tất cả các hình có trục đối xứng trong các hình sau.



- A. a,b,c. B. a,c,d,e. C. b,c,d, g D. a,b,d,e

Câu 4. (TN4- NB) Hình nào nhận điểm A là tâm đối xứng ?



- a) b) c) d)

A. c.

B. a .

C.d .

D. b.

Câu 5. (TN5- NB) Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là sai ?

B. Chữ H là hình vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng.

B. Chữ A là hình có trục đối xứng và không có tâm đối xứng.

C. Chữ O là hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.

D. Chữ I là hình vừa có trục đối xứng và có tâm đối xứng.

Câu 6. (TN6- NB) Điểm A không thuộc đường thẳng d được kí hiệu ?

A. $d \in A$

B. $A \in d$

C. $A \notin d$

D. $d \notin A$

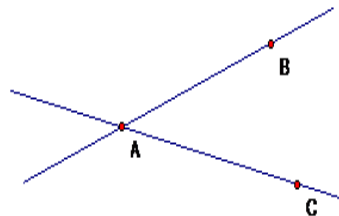
Câu 7. (TN7- NB) Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

A. Hai đường thẳng AB và AC song song với nhau.

B. Hai đường thẳng AB và AC cắt nhau.

C. Hai đường thẳng AB và AC trùng nhau.

D. Hai đường thẳng AB và AC có hai điểm chung.



Câu 8. (TN8- NB) Cho hình vẽ , tia nào trùng với tia Ay?



A. Tia Ax

B. Tia AO, AB

C. Tia OB, By

D. Tia BA

Câu 9. (TN9- NB) Điểm M gọi là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

A. M cách đều hai điểm A và B

B. M nằm giữa hai điểm A và B

C. M nằm giữa hai điểm A; B và M nằm cách đều hai điểm A và B

D. $MA = \frac{1}{2}AB$

Câu 10. (TN10- NB) Lúc 9 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc gì?



A. góc nhọn.

B. góc vuông.

C. góc tù.

D. góc bẹt.

Câu 11. (TN11- NB) Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu?

B. 30^0 .

B. 120^0 .

C. 90^0 .

D. 180^0 .

Câu 12. (TN1- VDT) Giá trị của biểu thức $\left(\frac{-1}{4} + \frac{5}{8}\right) + \frac{-3}{8}$ là:

A. $\frac{-1}{4}$.

B. $\frac{-1}{8}$.

C. 0.

D. 1.

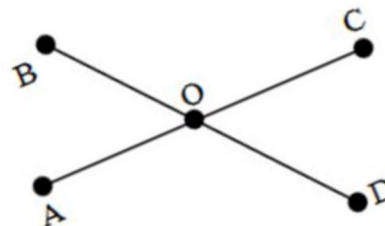
B. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1.(0,75)

a) [NB_TL1] Tìm tâm đối xứng của hình sau:



b)(TL2-NB): Kể tên tất cả bộ 3 điểm thẳng hàng có trong hình vẽ.



c) (TL3-NB) Vẽ góc vuông xAy.

Câu 2 .(1,25 đ) So sánh các số sau.

a) (TL4-TH) a) 0,5 và $\frac{4}{7}$

b) $\frac{-5}{21}$ và $\frac{-3}{7}$

c) (TL5-TH) -5,345 và -5,325

Câu 3.(2,5 đ) (TL7,8-VD)

1.Tính hợp lí

a) $\frac{-5}{8} + \frac{3}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{4}{7}$

b) $-(8,38 - 2,14): 2,4$

c) $[(-37,48) + (-26,2)]: 3,2$.

1,25. 0,2. 8

2. Lớp 6A có 35 học sinh, trong đó học sinh giỏi chiếm $\frac{2}{5}$ tổng số học sinh của lớp.Tính số học sinh giỏi của lớp 6A ?.Tìm tỉ số phần trăm của học sinh Giỏi so với học sinh cả lớp

Câu 4. (1,5 đ) (TL6 TH (a)- TL9 –VD(b))

Dùng gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	30	10	15	20	10	15

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

a) Số chấm xuất hiện là 2

b) Số chấm xuất hiện là số chẵn.

Câu 5. (TL10-VDC)

Giá điện tháng 9 thấp hơn giá điện tháng 8 là 10%, giá điện tháng 10 cao hơn giá điện tháng 9 là 10%. Hỏi giá điện tháng 10 so với tháng 8 cao hơn hay thấp hơn bao nhiêu phần trăm?

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	B	D	B	C	B	B	C	B	D	C

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

CÂU	ĐÁP ÁN	
CÂU 1 0,75đ	a)(TL1-NB) Tìm đúng tâm đối xứng của hình.	
		
	b)(TL2-NB) Tên tất cả bộ 3 điểm thẳng hàng có trong hình vẽ: (BOD), (AOC)	
	c) (TL3-NB) Vẽ góc đúng vuông xAy.	
CÂU 2 1,25đ	d) (TL4-TH) a) $0,5 < \frac{4}{7}$ e) b) $\frac{-5}{21} > \frac{-3}{7}$ f) c) (TL5-TH) $-5,345 < -5,325$	
CÂU 3 2,5đ	Câu 3.(2,5 đ) (TL7,8-VD) 1.Tính hợp lí $a) \frac{-5}{8} + \frac{3}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{4}{7} = -1 + 1 = 0$ $b) -(8,38 - 2,14): 2,4 = -6,24: 2,4 = -2,6$ $c) [(-37,48) + (-26,2)]: 3,2. 1,25. 0,2. 8 = -63,68: 3,2.1.0,2 = -3,98$	
	2. Lớp 6A có 35 học sinh, trong đó học sinh giỏi chiếm $\frac{2}{5}$ tổng số học sinh của lớp. Tính số học sinh giỏi của lớp 6A ?.Tìm tỉ số phần trăm của học sinh Giỏi so với học sinh cả lớp <u>Giải:</u>	

	Số học sinh giỏi: 14(hs) Phần trăm học sinh giỏi so với cả lớp: 40%	
CÂU 4 1,5đ	a) Xác suất số chấm xuất hiện là 2: 10% b) Xác suất số chấm xuất hiện là số chẵn: 45%	
CÂU 5 1,0đ	Giá điện tháng 9 bằng $100\% - 10\% = 90\%$ giá điện tháng 8 Giá điện tháng 9 bằng $100\% + 10\% = 110\%$ giá điện tháng 8 Do đó giá điện tháng 9 bằng $110\% \cdot 90\% = 99\%$ giá điện tháng 8 Vậy giá điện tháng 9 thấp hơn giá điện tháng 8 là 1%	

ĐỀ 29	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	---

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3.0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng trong các phương án A, B, C, D.

Câu 1. (TN1- NB) Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{0,2}{5}$ B. $\frac{3}{0}$ C. $\frac{13}{3}$ D. $\frac{1,7}{0,14}$

Câu 2. (TN2- NB) Số đối của phân số $\frac{-6}{11}$ là phân số nào sau đây?

- A. $\frac{-11}{6}$ B. $\frac{11}{6}$ C. $\frac{6}{11}$ D. $\frac{11}{-6}$

Câu 3. (TN3- NB) Biển báo giao thông nào sau đây, không có trục đối xứng?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 4. (TN4- NB) Chữ cái nào sau đây, có tâm đối xứng?

A. C

B. A

C. O

D. U

Câu 5. (TN5- NB) Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là sai ?

C. Chữ H là hình vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng.

B. Chữ A là hình có trục đối xứng và không có tâm đối xứng.

C. Chữ O là hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.

D. Chữ I là hình vừa có trục đối xứng và có tâm đối xứng.

Câu 6. (TN6- NB) Điểm B không thuộc đường thẳng d được kí hiệu ?

A. $d \in A$

B. $B \in d$

C. $B \notin d$

D. $d \notin B$

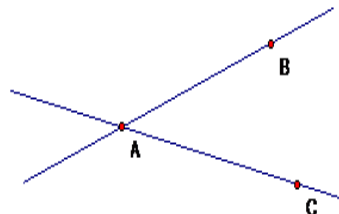
Câu 7. (TN7- NB) Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

A. Hai đường thẳng AB và AC song song với nhau.

B. Hai đường thẳng AB và AC cắt nhau.

C. Hai đường thẳng BA và AC trùng nhau.

D. Hai đường thẳng BA và CA có hai điểm chung.



Câu 8. (TN8- NB) Cho hình vẽ, tia nào trùng với tia Ay?



A. Tia Ax

B. Tia AO, AB

C. Tia OB, By

D. Tia BA

Câu 9. (TN9- NB) Điểm M gọi là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

A. M cách đều hai điểm A và B

B. M nằm giữa hai điểm A và B

C. M nằm giữa hai điểm A; B và M nằm cách đều hai điểm A và B

D. $MA = \frac{1}{2}AB$

Câu 10. (TN10- NB) Lúc 9 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc gì?



A. góc nhọn.

B. góc vuông.

C. góc tù.

D. góc bẹt.

Câu 11. (TN11- NB) Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu?

C. 30° .

B. 120° .

C. 90° .

D. 180° .

Câu 12. (TN1- VDT) Giá trị của biểu thức $\left(\frac{-1}{2} + \frac{5}{4}\right) + \frac{-3}{4}$ là:

A. $\frac{-1}{4}$.

B. $\frac{-1}{8}$.

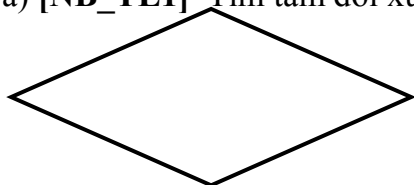
C. 0.

D. 1.

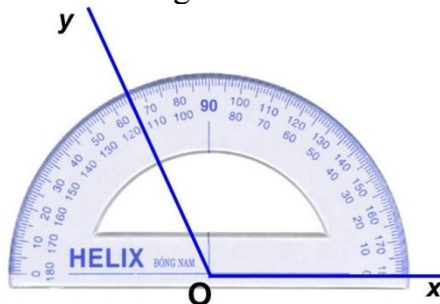
B. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1.(0,75)

a) [NB_TL1] Tìm tâm đối xứng của hình sau:



b)(TL2-NB): Hãy viết kí hiệu góc và viết số đo góc trên hình vẽ sau:



c) (TL3-NB) Vẽ góc vuông xAy.

Câu 2 .(1,25 đ) So sánh các số sau.

a) [TH-TL4] $\frac{3}{5}$ và $\frac{2}{3}$

b) $\frac{-5}{21}$ và $\frac{-3}{7}$

5,325

c) (TL5-TH) -5,345 và -

Câu 3.(2,5 đ) (TL7,8-VD)

1.Tính hợp lí

a) $\frac{-3}{5} + \frac{3}{7} + \frac{-2}{5} + \frac{4}{7}$

b) $-(8,38 - 2,14): 2,4$

c) $[(-37,48) + (-26,2)]: 3,2$.

1,25. 0,2. 8

2. Một mảnh vườn có diện tích là $1600m^2$, được trồng hai loại cây là cây sầu riêng và cây chôm

chôm. Phần diện tích trồng cây chôm chôm chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích cả vườn. Hỏi diện tích trồng cây sầu riêng là bao nhiêu mét vuông?

Câu 4. (1,5 đ) (TL6 TH (a)- TL9 –VD(b))

Dùng gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	30	10	15	20	10	15

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

a) Số chấm xuất hiện là 2

b) Số chấm xuất hiện là số chẵn.

Câu 5. (TL10-VDC)

Một người đăng kí mua một căn hộ và trả tiền thành 3 đợt. Đợt đầu tiên, ngay khi kí hợp đồng mua

$$\frac{1}{3}$$

$$\frac{1}{4}$$

bán, người đó phải trả số tiền mua căn hộ. Sáu tháng sau, người đó trả tiếp số tiền mua căn hộ. Đợt cuối, sau 1 năm kể từ khi kí hợp đồng, sẽ trả nốt số tiền còn lại là 800 000 000 đồng và nhận căn hộ. Hỏi số tiền để mua căn hộ là bao nhiêu?

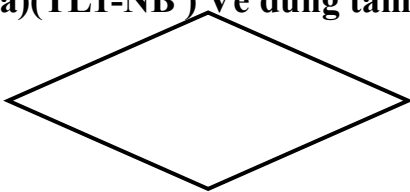
HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ II

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	D	C	B	C	B	B	C	B	D	C

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

CÂU	ĐÁP ÁN	
CÂU 1 0,75đ	<p>a)(TL1-NB) Vẽ đúng tâm đối xứng của hình.</p>  <p>b) Kí hiệu góc $\widehat{xOy}$; $\widehat{xOy} = 115^\circ$</p> <p>c) (TL3-NB) Vẽ góc đúng vuông xAy.</p>	
CÂU 2 1,25đ	<p>(TL4-TH) a) $\frac{3}{5} = \frac{9}{15}$; $\frac{2}{3} = \frac{10}{15}$</p> <p>$\frac{9}{15} < \frac{10}{15} \Rightarrow \frac{3}{5} < \frac{2}{3}$</p> <p>b) $\frac{-5}{21} > \frac{-3}{7}$</p>	

	c) (TL5-TH) $-5,345 < -5,325$	
CÂU 3 2,5đ	Câu 3.(2,5 đ) (TL7,8-VD) 1.Tính hợp lí $\frac{-5}{8} + \frac{3}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{4}{7} = -1 + 1 = 0$ a) $- (8,38 - 2,14) : 2,4 = -6,24 : 2,4 = -2,6$ b) $[(-37,48) + (-26,2)] : 3,2 \cdot 1,25 \cdot 0,2 \cdot 8 = -63,68 : 3,2 \cdot 1,0,2 = -3,98$	
	2. Diện tích trồng cây chôm chôm là: $1600 \cdot \frac{1}{4} = 400 (m^2)$ Diện tích trồng cây sầu riêng là: $1600 - 400 = 1200 (m^2)$	
CÂU 4 1,5đ	a) Xác suất số chấm xuất hiện là 2: 10% b) Xác suất số chấm xuất hiện là số chẵn: 45%	
CÂU 5 1đ	Phân số biểu thị số tiền phải trả trong hai đợt đầu là: $\frac{7}{12}$ Phân số biểu thị số tiền phải trả trong đợt ba là: $\frac{5}{12}$ Do $\frac{5}{12}$ số tiền mua căn hộ bằng 800 000 000 đồng Vậy số tiền mua căn hộ là: $800\,000\,000 : \frac{5}{12} = 1\,920\,000\,000$ đồng	

ĐỀ 30	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN: TOÁN 6 <i>Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)</i>
--------------	--

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3.0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng trong các phương án A, B, C, D.

Câu 1 . (TN1- NB) Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{0,1}{5}$ B. $\frac{3}{0}$ C. $\frac{10}{3}$ D. $\frac{1,7}{0,14}$

Câu 2. (TN2- NB) Số đối của phân số $\frac{-5}{11}$ là phân số nào sau đây?

- A. $\frac{-11}{5}$ B. $\frac{11}{5}$ C. $\frac{5}{11}$ D. $\frac{11}{-5}$

Câu 3. (TN3- NB) Biển báo giao thông nào sau đây, không có trục đối xứng?



Câu 4. (TN4- NB) Chữ cái nào sau đây, có tâm đối xứng?

- A. **C** B. **A** C. **O** D. **U**

Câu 5. (TN5- NB) Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là sai ?

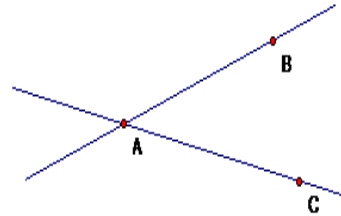
- D. Chữ H là hình vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng.
 B. Chữ A là hình có trục đối xứng và không có tâm đối xứng.
 C. Chữ O là hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.
 D. Chữ I là hình vừa có trục đối xứng và có tâm đối xứng.

Câu 6. (TN6- NB) Điểm B không thuộc đường thẳng d được kí hiệu ?

- A. $d \in A$ B. $B \in d$ C. $B \notin d$ D. $d \notin B$

Câu 7. (TN7- NB) Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

- A. Hai đường thẳng AB và AC song song với nhau.
 B. Hai đường thẳng AB và AC cắt nhau.
 C. Hai đường thẳng BA và AC trùng nhau.
 D. Hai đường thẳng BA và CA có hai điểm chung.



Câu 8. (TN8- NB) Cho hình vẽ, tia nào trùng với tia Ay?



- A. Tia Ax B. Tia AO, AB C. Tia OB, By D. Tia BA

Câu 9. (TN9- NB) Điểm M gọi là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

- A. M cách đều hai điểm A và B
 B. M nằm giữa hai điểm A và B
 C. M nằm giữa hai điểm A; B và M nằm cách đều hai điểm A và B
 D. $MA = \frac{1}{2}AB$

Câu 10. (TN10- NB) Lúc 9 giờ thì kim phút và kim giờ của đồng hồ tạo thành góc gì?



- A. góc nhọn. B. góc vuông. C. góc tù. D. góc bẹt.

Câu 11. (TN11- NB) Số đo của góc bẹt bằng bao nhiêu?

D. 30^0 .

B. 120^0 .

C. 90^0 .

D. 180^0 .

Câu 12. (TN1- VDT) Giá trị của biểu thức $\left(\frac{-1}{3} + \frac{4}{9}\right) + \frac{-1}{9}$ là:

A. $\frac{-1}{4}$.

B. $\frac{-1}{8}$.

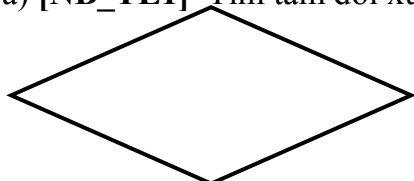
C. 0.

D. 1.

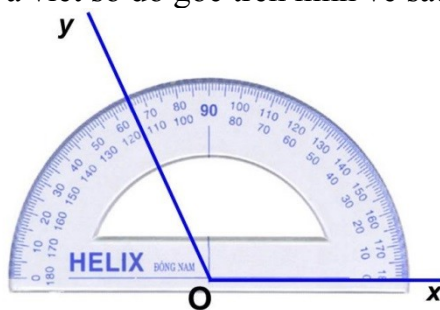
B. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1.(0,75)

a) [NB_TL1] Tìm tâm đối xứng của hình sau:



b)(TL2-NB): Hãy viết kí hiệu góc và viết số đo góc trên hình vẽ sau:



c) (TL3-NB) Vẽ góc vuông xAy.

Câu 2 .(1,25 đ) So sánh các số sau.

a) [TH-TL4] $\frac{3}{5}$ và $\frac{2}{3}$

b) $\frac{-5}{21}$ và $\frac{-3}{7}$

c) (TL5-TH) -5,345 và -

5,325

Câu 3.(2,5 đ) (TL7,8-VD)

1.Tính hợp lí

a) $\frac{-3}{5} + \frac{3}{7} + \frac{-2}{5} + \frac{4}{7}$

b) $-(8,38 - 2,14): 2,4$

c) $[(-37,48) + (-26,2)]: 3,2$.

1,25. 0,2. 8

2. Một mảnh vườn có diện tích là $1600m^2$, được trồng hai loại cây là cây sầu riêng và cây chôm

chôm. Phần diện tích trồng cây chôm chôm chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích cả vườn. Hỏi diện tích trồng cây sầu riêng là bao nhiêu mét vuông?

Câu 4. (1,5 đ) (TL6 TH (a)- TL9 –VD(b))

a) Tìm x, biết: $x + 24,4 = -75,6$

b) Một cái ti vi giá 12 500 000 đồng. Tìm giá mới của nó sau khi giảm giá 20%?

Câu 5. (TL10-VDC)

Một người đăng kí mua một căn hộ và trả tiền thành 3 đợt. Đợt đầu tiên, ngay khi kí hợp đồng mua

$$\frac{1}{3}$$

$$\frac{1}{4}$$

bán, người đó phải trả số tiền mua căn hộ. Sáu tháng sau, người đó trả tiếp số tiền mua căn hộ. Đợt cuối, sau 1 năm kể từ khi kí hợp đồng, sẽ trả nốt số tiền còn lại là 800 000 000 đồng và nhận căn hộ. Hỏi số tiền để mua căn hộ là bao nhiêu?

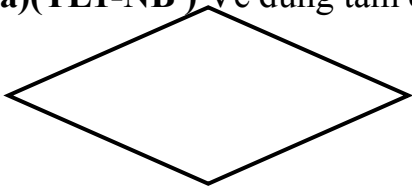
HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ II

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	D	C	B	C	B	B	C	B	D	C

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
CÂU 1 0,75đ	a)(TL1-NB) Vẽ đúng tâm đối xứng của hình. 	0,25
	b) Kí hiệu góc $\widehat{xOy}$; $\widehat{xOy} = 115^\circ$	0,25
	c) (TL3-NB) Vẽ góc đúng vuông xAy.	0,25
CÂU 2 1,25đ	(TL4-TH) a) $\frac{3}{5} = \frac{9}{15}$; $\frac{2}{3} = \frac{10}{15}$	0,5
	$\frac{9}{15} < \frac{10}{15} \Rightarrow \frac{3}{5} < \frac{2}{3}$	0,5
	b) $\frac{-5}{21} > \frac{-3}{7}$	0,25
	c) (TL5-TH) $-5,345 < -5,325$	
CÂU 3	Câu 3.(2,5 đ) (TL7,8-VD)	

2,5đ	<p>1. Tính hợp lí</p> $\frac{-5}{8} + \frac{3}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{4}{7} = -1 + 1 = 0$ <p>a) $\frac{-5}{8} + \frac{3}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{4}{7} = -1 + 1 = 0$</p> <p>b) $-(8,38 - 2,14) : 2,4 = -6,24 : 2,4 = -2,6$</p> <p>c) $[(-37,48) + (-26,2)] : 3,2 \cdot 1,25 \cdot 0,2 \cdot 8 = -63,68 : 3,2 \cdot 1,02 = -3,98$</p>	<p>0,25+0,25</p> <p>0,25 + 0,25</p> <p>0,5</p>
	<p>2. Diện tích trồng cây chôm chôm là: $1600 \cdot \frac{1}{4} = 400 (m^2)$</p> <p>Diện tích trồng cây sầu riêng là: $1600 - 400 = 1200 (m^2)$</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
CÂU 4 1,5đ	<p>$x + 24,4 = -75,6$</p> <p>a) $x = -75,6 - 24,4 = -100$</p> <p>b) Ta có $100\% - 20\% = 80\%$</p> <p>Giá mới của ti vi sau khi giảm giá 20% là:</p> $12\,500\,000 \cdot 80\% = \frac{12\,500\,000 \cdot 80}{100} = 10\,000\,000 \text{ (đồng)}$	<p>0,5</p> <p>1</p>
CÂU 5 1đ	<p>Phân số biểu thị số tiền phải trả trong hai đợt đầu là: $\frac{7}{12}$</p> <p>Phân số biểu thị số tiền phải trả trong đợt ba là: $\frac{5}{12}$</p> <p>Do $\frac{5}{12}$ số tiền mua căn hộ bằng 800 000 000 đồng</p> <p>Vậy số tiền mua căn hộ là: $800\,000\,000 : \frac{5}{12} = 1\,920\,000\,000$ đồng</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>